

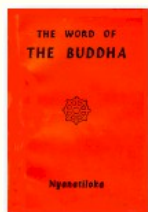


# Chuyển Pháp Luân và Tứ Diệu Đế

*Maha Thongkham và Huỳnh Văn Niệm  
soạn dịch*

*dựa theo quyển "[The Word of the Buddha](#)"  
của Hòa thượng Nyanatiloka*

**Tái bản năm 1995 tại Sài Gòn**



## Mục lục

[Tiểu sử Hòa thượng Nyanatiloka](#)

[Lời Phi lộ](#)

[Nhận định của nhà Phật học A. Foucher](#)

### **[Phần I. Chuyển Pháp Luân](#)**

*(Pháp sư Maha Thongkham giảng)*

- I.1 Bỏ cáo Chuyển Pháp Luân
- I.2 Chuyển Pháp Luân
- I.3 Luận về Khổ
- I.4 Luận về Nguyên nhân của Khổ
- I.5 Luận về sự Khổ diệt
- I.6 Luận về Con đường diệt khổ
- I.7 Luận về Trung đạo
- I.8 Dịch nghĩa Kinh Chuyển Pháp Luân
- I.9 Ba bậc trí tuệ

### **[Phần II. Tứ Diệu Đế](#)**

*(Huỳnh Văn Niệm dịch theo "[Word of the Buddha](#)" của HT. Nyanatiloka)*

- II.1 Khổ đế
- II.2 Tập đế
- II.3 Diệt đế
- II.4 Đạo Đế
  - II.4.a Chánh Kiến
  - II.4.b Chánh Tư duy
  - II.4.c Chánh Ngữ
  - II.4.d Chánh Nghiệp
  - II.4.e Chánh Mạng
  - II.4.f Chánh Tinh tấn
  - II.4.g Chánh Niệm
  - II.4.h Chánh Định

**Ghi chú:** Trong phiên bản điện tử này, chúng tôi xin mạn phép biên tập và sắp xếp lại bố cục để quý độc giả dễ đối chiếu với bản Anh ngữ "[The Word of the Buddha](#)" của Hòa thượng Nyanatiloka (Binh Anson, tháng 08-2001).

Dù các Đẳng Toàn Giác có xuất hiện trên thế gian hay không, những trạng thái giả tạm (Vô Thường), khốn khổ (Khổ não) và chẳng có thực thể (Vô ngã) của vạn vật do nguyên nhân cấu tạo vẫn không thay đổi. -- ANGUTTARA NIKAYA III

## ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

Trụ trì ngôi chùa Island Hermitage tại Dodanduwa (Tích Lan), ngài có quốc tịch Đức. Trước kia, ngài là giáo sư trường đại học Komazawa tại Tokyo, Nhật Bản, và cũng là tác giả của nhiều sách văn phạm về tiếng Pali.

Ngài Hoà thượng Nyanatiloka Maha Thera thông suốt sâu rộng Phật Giáo Nguyên Thủy, đầy đủ đức tin, cách đây hơn nửa thế kỷ đã rời bỏ công danh sự nghiệp xuất gia tu theo Chánh Pháp và trở nên bậc cao tăng có tên tuổi nhất thế giới. Những tác phẩm về Phật Giáo của Ngài rất nổi tiếng và thu hút rất nhiều độc giả Châu Âu.

Nội dung quyển CHUYỀN PHÁP LUÂN gồm những huấn ngữ lâu đời nhất được xem như lời dạy của chính Đức Phật Thích Ca Gotama đã thuyết ra cách đây hơn 2500 năm.

Đây là lần đầu tiên Chánh Pháp được diễn tả một cách liên tục một cách rõ ràng về những điểm căn bản của đạo Phật hầu giúp ích cho các bậc hành giả chọn được cây danh mộc trong đám rừng Phật Giáo phức tạp bao la trên khắp miền đông Á.

-ooOoo-

## PHI LỘ

*Cũng như nước trong biển cả chỉ có một vị mặn mà thôi  
Mùi vị duy nhất của Chánh Pháp là sự giải thoát. -- PHẬT NGÔN*

Trong một Tôn Giáo, danh từ "tín đồ" thường được sử dụng để ám chỉ khối lớn những phần tử ngoan đạo, gia nhập cộng đồng tín ngưỡng, vì thấy, vì nghe những hoạt động của các nhà truyền giáo, hoặc những người vào đạo trước mình.

Nhưng trên thực tế và cũng trong muôn một, ít ai thấu rõ mục đích cốt yếu của vị Giáo Chủ sáng lập ra Tôn Giáo đó. Sự kiện này tạo cơ hội cho một giai cấp lợi dụng sự mê tín của kẻ khác để thủ lợi và một giai cấp đông đảo hơn gấp muôn lần bị người lợi dụng mà không hay biết. Nhưng khi Tôn Giáo được bành trướng phong phú chừng nào thì giai cấp kẻ trên phát triển mạnh mẽ chừng nấy.

Số lớn các nhà lãnh đạo tinh thần ít khi nói đến những yếu tố căn bản liên quan tới Giáo lý về đường lối cứu cánh mà thường hay đề cập đến những nghi lễ hoặc giáo điều nhằm mục đích thu hút tín đồ vì lợi ích riêng tư của mình.

Đạo Phật quan trọng nhất thế giới. Khó tin đồ cũng đông đảo nhất, nên phải lâm vào tình trạng như vậy là lẽ tự nhiên.

Đức Phật nói Giáo Pháp là con đường khó đi. Trong kinh trung A Hàm (Majjhima Nikaya). Ngài có thuyết:

"Rồi Như Lai khám phá ra chơn lý cao thâm huyền diệu đó, rất khó lãnh hội, khó thông suốt. Nó đem lại an vui tuyệt đối, nhưng không thể thành tựu bằng lý luận, mà chỉ có bậc hiền triết mới thấu rõ".

Hiện nay số đông người tu Phật chúng ta ví như kẻ đi tìm trái ngọt mà ăn. Nhưng khi vào được trong vườn thì lại lo quan sát địa thế của miếng vườn, thường thức cỏ, cây, hoa lá ... nên không tìm đâu ra trái. Chỉ có những hành giả chân thành mong thoát khổ, mới thật tâm tìm kiếm quả ngon của đạo bằng pháp hành Thiền Định. Vì học nhiều tin tưởng mà không hành thì đạo quả cũng chẳng thành.

Hiện nay phong trào Thiền Định đang phát triển mạnh mẽ trong Ấn độ giáo và Phật Giáo. Nhưng hễ số người học Thiền gia tăng thì các vị Thiền Sư cũng thêm đông đảo. Mỗi vị bày ra một phương thức riêng về đường lối hành đạo, cho đó là đúng quy tắc của Đức Phật và hiện hữu nhất. Ngặt nỗi chúng ta đều là phàm nhân nên khó bề nhận định chánh tà.

Đại đức Nyanatiloka dày công chọn lọc, trích ra từ tạng kinh Pàli, những huấn ngữ đầu tiên của đức Thế Tôn thuyết tại vườn Lộc Giả (Isipatana) trong thành Ba La Nại (Bénarès) để độ 5 ông Kiều Trần Như, nhằm mục đích giải thích rõ rệt từng chi tiết những Pháp căn bản liên quan đến Thiền Định.

Tất cả nội dung quyển "Chuyển Pháp luân" đều chú trọng về 4 Pháp: Tứ Diệu Đế, Thập nhị Duyên khởi, Bát Chánh Đạo, trong đó có pháp hành độc đáo là Tứ Niệm Xứ.

Đặc biệt là Đại đức Hòa thượng Nyanatiloka đã dựa theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) để mô tả rõ rệt những câu Phật ngôn về tứ đại, ngũ uẩn và pháp hành Tứ Niệm Xứ. Để cho hành giả dễ bề kiểm soát đường lối của mình cho khỏi lầm lẫn.

Và chẳng ai có thể phủ nhận phương pháp chánh đáng của Đấng Thiên Nhân Sư, thầy của cả Chư Thiên và nhân loại, là Đức Phật Thích Ca Gotama.

Nội dung quyển Chuyển Pháp Luân không có những tích truyện để thu hút độc giả mà chỉ gồm những pháp quan trọng về Thiền Định nhằm đem lại lợi ích cho những ai thật tâm muốn đi sâu vào đạo để thưởng thức mùi vị của đạo.

**HUỲNH VĂN NIỆM**

*"Cửa vô sanh bất diệt đã rộng mở.  
Những ai có mắt muốn thấy, có tai muốn nghe hãy ráng chú tâm và tin tưởng " --  
MAJJHIMA NIKAYA*

-ooOoo-

## **NHẬN ĐỊNH CỦA NHÀ PHẬT HỌC A. FOUCHER**

"Trên thế gian có hai hạng người vĩ đại với lý tưởng trái nghịch nhau. Một bên là kẻ mạnh đi chinh phục đất đai bằng võ lực để bành trướng đế quốc. Một bên là số rất ít những bậc hiền triết xây dựng Giáo lý không còn sự sợ hãi chi phối và thâm nhuần tình thương rộng lớn. Đó là những bậc đại hiền vĩ như ngọc đêm từ xa rọi sáng con đường để giúp đoàn lũ khách dãi vò tận tìm thấy nẻo đi.

Và trong số đó có Đức Phật Thích Ca Gotama đã xuất hiện tại trung Ấn độ cỡ 500 năm trước Công nguyên.

Những du khách có dịp đến viếng miền đông Á đều chứng minh rằng bậc vĩ nhân này (Đức Phật) không có viết lách và để lại văn tự nào cả. Nhưng một khối lượng to lớn kinh điển hoặc được in trên giấy, khắc trên mặt đá hay viết trên lá buôn, ghi lại những lời vàng ngọc của Ngài đã thuyết ra bằng 10 thứ sinh ngữ: Singhalais, Miến Điện, Thái lan, Cao Miên, Ai Lao, Tây Tạng, Mông Cổ, Mãn Châu, Trung Hoa, Nhật Bản và nhiều bản dịch bằng tiếng Âu châu. Hằng ngày vô số tín đồ các xứ đó nhiệt thành sùng bái, tụng niệm những huấn ngữ của Ngài.

Con người đó (Đức Phật) chẳng có chiếc ngai vàng, nhưng đế quốc tinh thần của Ngài lan rộng hàng trăm triệu tâm hồn.

Một con người mà miền trung Ấn độ đã có dịp thấy đi khát thực trên đường phố lại được biểu lộ bằng những pho tượng vàng son ngời chói oai nghi trên ngôi điện trang nghiêm rực rỡ, bao phủ khói hương trầm. Cho đến những người không theo đạo Phật cũng phải công nhận đức Thích Ca Mâu Ni là một khuôn mặt vĩ đại, vô cùng từ tốn, được khắc hoàn vũ tuyền dương.

Ai nấy đều phải cảm phục Đức Phật đã sáng tạo ra một Giáo lý độc đáo trên thế giới và đã xây dựng một cộng đồng đạo đức còn rạng rỡ cho tới ngày nay."

**A. FOUCHER**

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [1.1](#) | [1.2](#) | [2.1](#) | [2.2](#) | [2.3](#) | [2.4](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 08-2001).

**[[Trở về trang Thư Mục](#)]**

updated: 01-08-2001

**Chuyển Pháp Luân và Tứ Diệu Đế**  
**Maha Thongkham và Huỳnh Văn Niệm soạn dịch**  
**Tái bản năm 1995 tại Sài Gòn**

**Phần I - CHUYỂN PHÁP LUÂN**

**I-1**

**BỐ CÁO KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN**  
**DHAMMACAKKAPPVATTANASUTTÀRAMBHO**

-ooOoo-

**Anuttaram abhisambodhim sambujjhivà tathàgato. Pathamam yamadesesi, dhammacakkam anuttaram. Sammadeva pavattento loke appativattiyam.**

Đức Như Lai là Đấng Giáo Chủ, đã chứng bậc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, những pháp trong thế gian chẳng ai hành được, Ngài có thể làm cho hành theo được rất chơn chánh.

**Yathàkkhàtà ubho antà, patipattica majjhimà. Catùsvàriyasaccesu, visuddham nànadassanam.**

Ngài chuyển Pháp Luân lần đầu giảng giải về 2 pháp thái quá, là pháp thấp thỏi, cùng con đường Trung đạo và Trí tuệ hiểu thấy phân minh Tứ Diệu Đế là trí tuệ thanh bạch.

**Desitam dhammaràjena. Sammàsambodhikittanam. Namena vissutam suttam.**

Nay tôi tụng kinh Chuyển Pháp Luân của đức Chánh Biến Tri, là bậc Pháp vương đã diễn giải chắc chắn.

**Dhammacakkappavattanam. Veyyàkakaranapàthena, sangìtantam bhanàmase.**

Kinh ấy công bố về quả Chánh Biến Tri, mà các bậc A Xà Lê đã hội họp kết lập, chỉnh đốn theo Phạm ngữ (Pali) bằng văn thường, không lẫn lộn kệ ngôn.

-ooOoo-

**I-2**

**KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN**  
**DHAMMACAKKAPPAVATTANASÙTRA**

**Evam me sutam.**

Tôi (tên là A Nan Đa) được nghe lại như vậy:

**Ekam samayam bhagavà bàrànasiyam viharati isipatane migadàye.**

Thử đức Thế Tôn ngự tại rừng Huru (Isipatanamigadayavana) gần thành Bārānasi.

**Tatra kho bhagavā pancavaggiye bhikkhū āmantesi.**

Đức Thế Tôn một hôm gọi 5 thầy Tỳ Khuru, ngự nơi ấy, dạy rằng:

**Dveme bhikkhave antā pabbajitena na sevitabhā.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Hai pháp thái quá, là pháp tu thấp thỏi. Những bậc xuất gia, chẳng nên xu hướng theo, chẳng nên hành theo.

**Katame dve?**

Hai pháp thái quá ấy, thế nào?

**Yo cāyam kāmesu kāmāsukhallikā nuyogo hino, gammo.**

Một là pháp làm cho thân tâm quyết luyến theo tình dục, pháp hèn hạ.

**Pothujjaniko, anariyo.**

Pháp của kẻ thế, pháp của phàm nhơn, chẳng phải của bậc cao nhơn.

**Anatthasanhito.**

Chẳng có lợi ích chi.

**Yocāyam attakilamathānuyogo dukkho.**

Hai là, pháp làm cho khổ khắc thân tâm, nhân làm cho thân hình đau đớn

**Anariyo.**

Chẳng phải là pháp của bậc cao nhơn.

**Anatthasanhito**

Chẳng có lợi ích chi.

**Ete kho bhikkhave ubho ante anupagamma majjhima patipatā.**

**Tathāgatena. Abhisamuddhā cakkhukarāṇi nānakarāṇi upasāyā abhinñāya sambodhāya nibbāyā samvattatī.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Sự tu hành theo con đường giữa, không thiên theo 2 con đường thái quá ấy, mà Như Lai đã được đại ngộ, là pháp làm cho phát sanh, sự thấy biết phân minh, sự an tịnh có trí tuệ, sự hiểu biết chơn chánh, sự dứt khổ.

**Katamā ca sā bhikkhave majjhima patipadā tathāgatena abhisambuddhā cakkhukatāṇi nānakarāṇi upasāyā sambodhāya nibbāyā samvattatī.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Pháp tu hành theo con đường giữa, mà Như Lai đã được đại ngộ, là sự tu hành cho pháp sanh trí tuệ nhơn, sự hiểu biết phân minh chính xác, sự an tịnh có trí tuệ, sự hiểu biết chơn chánh, sự dứt khổ ấy là thế nào?

**Ayameva ariyo atthangiko maggo**

Là Bát Chánh Đạo, pháp như con đường có 8 chi cao thượng.

### **Seyyathidam?**

Bát Chánh Đạo ấy thế nào?

**Sammàditthi, Sammāsankappo, Sammāvaca, Sammākamanto, Sama-  
ājivo, Samāvāyamo, Sammāsati, Sammāsamādhī**

Thấy hiểu chơn chánh, Suy nghĩ chơn chánh, Nói lời chơn chánh. Nghề nghiệp chơn chánh, Nuôi mạng chơn chánh, Tinh tấn chơn chánh, Tư tưởng chơn chánh, Định Tâm chơn chánh.

**Ayamkho sà bhikkhave majjhima patipadā tathāgatena abhisambuddhā  
cakkhukarāṇi nānakarāṇi upasamāya abhinnāya sambodhāya nibbānāya  
samvattati.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Bát Chánh Đạo là con đường giữa, mà Như Lai đã đi và được đại ngộ, là sự tu hành theo, cho đáng phát sanh tuệ nhãn, sự hiểu biết phân minh thật tướng, tu cho đáng sự an tịnh, cho có trí tuệ, cho đáng hiểu biết chơn chánh, cho đáng dứt khổ.

**Idam kho pana bhikkhave dukkham ariyasaccam jātipi dukkhā, jarāpi  
dukkhā, byādhipi dukkhā, maranampi dukkham, (soka parideva dukkhado  
ma nassupāyāsāpi dukkhā) appiyehi sampayago sukkho, piyehi vippayogo  
dukkho, yampiccham na labhati, tam po dukkham.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Sanh, là sự hội hợp Ngũ Uẩn, là nhân đem đến sự khổ. Lão là sự già cả yếu đuối, cũng là nhân đem đến sự khổ, bệnh là sự đau ốm, cũng là nhân đem đến sự khổ. Từ là sự tan rã Ngũ Uẩn, cũng là nhân đem đến sự khổ. Uất ức, bức tức trong lòng, không bày tỏ ra được, cũng là nhân đem đến sự khổ. Không ưa mà hợp, cũng là nhân đem đến sự khổ; ưa mà phải lìa, cũng là nhân đem đến sự khổ.

**Sankhittena pancuppādānakkhandhā dukkhā.**

Các sự thống khổ đầu hết có sanh khổ ấy, gọi là Khổ Diệu Đế.

**Idam kho pana bhikkhave dukkhasamudayam ariyasaccam yāyam tanhā  
ponobbhavikā nandirāgasahagatā.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Sự thương muốn hằng tạo ra kiếp thoát sanh mới, do bởi tình dục là mối ham muốn trong lòng, thường thường ưa thích điều vui sướng theo các cảnh giới. Sự thương muốn ấy là thế nào?

**Tatra tatrabhinandini seyyathi damkāmatanhā bhavatnā vibhavatannhā.**

Sự thương muốn ấy là:

- ca má tanh ha (kāmatanhā): Ái dục trần thế dục giới.
- phá qua tanh ha (bhavatanhā): Ái dục sanh trong sắc giới (vì thường kiến).
- quý phá quá tanh ha (vibhavatanhā): Ái dục sanh trong vô sắc giới (vì đoạn kiến).

Có 3 sự thương muốn ấy gọi là Khổ Tập Diệu Đế.

**Idam kho pana bhikkhave dukkhanirodhayam ariyasaccam yo tassāyeva  
tanhāya asesavirāganirodho cāgopatiniṣ saggio mutti anālayo.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Cách dứt khỏi sự thương muốn, chẳng còn dư sót do nhờ Bát Chánh Đạo, cách tránh khỏi Ái dục chẳng còn dư sót, do nhờ Bát Chánh Đạo ấy, gọi là Diệt Khổ Diệu Đế.

**Idam kho pana bhikkhave dukkhanirodhagàmini patipadà ariyasaccam  
ayameva ariyo atthagiko maggo seyyathidam samàditthi sammāsankappo  
sammvaca sammakamanto sammāñjivo sammavayāmo sammāsati  
sammāsamāhi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Bát Chánh Đạo cao thượng ấy là thế nào? Là: Hiểu biết chơn chánh, Suy nghĩ chơn chánh, Nói lời chơn chánh, Nghề nghiệp chơn chánh, Nuôi mạng chơn chánh, Tinh tấn chơn chánh, Tư tưởng chơn chánh, Định tâm chơn chánh.

Bát Chánh Đạo ấy gọi là Diệt Khổ Đạo Diệu Đế.

**1. Idam dukkham ariyasaccam ti me bhikkhave pubhe ananussutesu  
dhammesu cakkhum udapāpi, nānam udapādi, panna udapādi, vijjā  
udapādi, āloko udapādi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoàn nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Đây là Khổ Diệu Đế như thế .

**2. Tam kho padidam dukkham ariyasaccam parinneyan ti me bhikkhave  
pubhe ananussutesu dhammesu cakkhum udapāpi, nānam udapādi, panna  
udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoàn nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng Khổ Diệu Đế này, nên ghi nhớ bằng Trí tuệ như thế .

**3. Tam kho padidam dukkham ariyasaccam parinnatan ti me bhikkhave  
pubhe ananussutesu dhammesu cakkhum udapāpi, nānam udapādi, panna  
udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoàn nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng Khổ Diệu Đế này, Như Lai đã ghi nhớ được rồi như thế .

**4. Idam dukkhasamudayam ariyasaccam ti me bhikkhave pubhe  
ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi, nānam udapādi, panna  
udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoàn nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Đây là Khổ Tập Diệu Đế như thế.

**5. Tam kho panidam dukkhasamudayam ariyasaccam pahàtabban ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, pannà upadàdi, vijjà upadàdi, àloko upadàdi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoại nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được thấy, hiểu rằng: Khổ Tập Diệu Đế này phải dứt trừ như thế.

**6. Tam kho panidam dukkhasamudayam ariyasaccam pahinan ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, pannà upadàdi, vijjà upadàdi, àloko upadàdi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoại nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được thấy, được hiểu rằng: Khổ Tập Diệu Đế này Như Lai đã hành được phân minh như thế.

**7. Idam dukkhanirodham ariyasaccan ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, pannà upadàdi, vijjà upadàdi, àloko upadàdi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoại nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu rằng: Đây là Khổ Diệt Diệu Đế như thế.

**8. Tam kho panidam dukkhanirodham ariyasaccam sacchikàtabhan ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, pannà upadàdi, vijjà upadàdi, àloko upadàdi**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoại nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, hiểu rằng: Khổ Diệt Diệu Đế này, phải hành cho phân minh như thế.

**9. Tam kho panidam dukkhanirodham ariyasaccam sacchikàtan ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, pannà upadàdi, vijjà upadàdi, àloko upadàdi**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoại nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, hiểu rằng: Khổ Diệt Diệu Đế này, Như Lai đã hành cho phân minh như thế.

**10. Idam dukkhanirodhagàmini patipadà ariyasaccan ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, pannà upadàdi, vijjà upadàdi, àloko upadàdi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoại nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, hiểu rằng: Đây là Diệt Khổ Đạo Diệu Đế như thế.

**11. Tam kho panidam dukkhanirodhagàmini patipadà ariyasaccam bhàvettabban ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, panna upadàdi, vijjā upadàdi, àloko upadàdi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoàn nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, được hiểu rằng: Diệt Khổ Đạo Diệu Đế này, phải hành cho tăng tiến như thế.

**12. Tam kho panidam dukkhanirodhagàmini patipadà ariyasaccam bhàvitan ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum upadàdi, nànam upadàdi, panna upadàdi, vijjā upadàdi, àloko upadàdi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Tuệ đã thấy rõ phát sanh, tuệ biết rõ đã phát sanh, tuệ biết không sai lầm phát sanh, tuệ đoạn tuyệt hoàn nghi phát sanh, tuệ diệt vô minh phát sanh đến Như Lai rồi.

Trong các pháp mà lúc đầu Như Lai chưa từng được thấy, được hiểu rằng: Diệt Khổ Đạo Diệu Đế này, Như Lai đã hành cho tăng tiến rồi như thế.

**Yāvakivanca me bhikkhave imesucatūsu ariyasaccesu evam tiparivattam dvādasākāram yathābhūtam nānadassanam na suvisuddham ahoṣi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Bao giờ tuệ biết rõ, thấy rõ theo lẽ chánh, ba luân, mười hai thể vận chuyển trong Tứ Diệu Đế ấy chưa phát sanh trong sạch đến Như Lai.

*(Ba luân là: Tuệ thấy rõ Diệu đế, Tuệ thấy rõ "sự" trong Diệu Đế. Tuệ thấy rõ "sự" trong Diệu Đế đã hành rồi, trong 3 luân ấy vận chuyển như bánh xe. Mỗi Diệu Đế có 3 luân, bốn Diệu Đế thành:  $3 \times 4 = 12$  thể)*

**Neva tāvāham bhikkhave sadevake loke samārake sabramake sassamanabramaniyā pajāya sadevamanussāya anuttaram sammāsambodhim abhisambuddho paccannāsim.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Trong khi Như Lai chưa có sự hiểu biết cao siêu hơn trong các thế giới luôn cả cõi trời, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, trong vòng nhất thiết, chúng sanh, luôn cả bậc Sa Môn và Bà La Môn, thì Như Lai cũng chưa gọi mình là bậc chứng quả Chánh Biến Tri vậy.

**Yato ca kho me bhikkhave imesu catūsariyaccsu tiparivattam dvādasākāram yathābhūtam nānadassanam suvisuddham ahoṣi.**

Này các thầy Tỳ Khuru! Khi nào tuệ biết rõ, thấy rõ theo lẽ chánh, có ba luân, mười hai thể theo trong Tứ Diệu Đế ấy đã phát sanh trong sạch đến Như Lai.

**Athāham bhikkhave sadevake loke samārake sabramake sassamanabramaniyā pajāya sadevamanussāya anuttaram sammāsambodhim abhisambuddho ti paccannāsim.**

Này các thầy Tỳ Khuru!Thì Như Lai được gọi là bậc Vô Thượng Chánh Biến Tri vì trong các thế giới luôn những cõi trời, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, trong vòng nhất thiết chúng

sanh, luôn cả bậc Sa Môn và Bà La Môn, cùng chư nhơn và ngoài hạng người ra nữa, chẳng có sự hiểu biết nào, cao siêu hơn sự hiểu biết của Như Lai.

**Nananca pana me dassanam udapàdi akuppà me vimutti, ayamantimà jati natthi dani punabbhavoti.**

Tuệ biết rõ, thấy rõ đã phát sanh cho nên Như Lai sự giải thoát phiền não của Như Lai chẳng còn lay động biến đổi nữa, kiếp này là kiếp chót, từ đây Như Lai chẳng còn thọ sanh ra kiếp khác nữa

**Idamavoca bhagavà attamanà panca vaggìya bhikkhù bhagavato bhàsitam abhinanduntì.**

Đức Thế Tôn giải kinh "Chuyển Pháp Luân" rồi, năm thầy Tỳ Khuru phát lòng hoan hỷ vô hạn.

**Imasmimca pana veyyàkaranasmim bhannassa virajam vitamalam dhamma cakkhum udapadi, yamkinci samudayyadhammam sabbantamnirodhadhamman ti.**

Trong khi đức Như Lai giảng giải về kinh vô kế này, thì pháp nhơn là đạo Tu đã hườn, đạo diệt trừ bụi nhơ là tinh dục, phát sanh đến Kiêu Trần Như, ngài đã biết rõ: Cái chi có tánh cách sanh tự nhiên, đều có tánh cách diệt tự nhiên.

**Pavattile ca bhagavatà dhammacakke bhumvà devà sadamanussà vesum etam bhagavatà bàrànasiyam isipatane migadàya anuttaram dhamma – cakkam pavattitam appativattiyam samanena và bràmanena và devenavà marena và bramunà và kenaci và lokasmin ti.**

Khi đức Như Lai giảng giải kinh Pháp Luân vừa dứt, tất cả Chư Thiên ngự trên địa cầu bèn ca tụng rằng, bánh xe pháp này là bánh xe vô thượng, những Sa Môn, Bà La Môn, Chư Thiên, Ma Vương, Phạm Thiên hoặc một bậc nào trong thế giới đều không diễn giải được. Chỉ có đức Như Lai Ngài đã diễn giải rồi, trong rừng Isipatanamigadàyà, gần thành Bàrànasi.

**Bhumvànam devànam saddhamsutvà cātummahārāyikā devà saddama nussàvesum: "etam bhagavatà bàrànasiyam isipatanamigadàya anuttaram dhammacakkam pavattiyam appativattiyam samanena và brāhmanena và devena và marena và brahmunà và kenaci và lokasmin" ti.**

Chư Thiên trong cõi Tứ Đại Thiên Vương được nghe tiếng ca tụng của chư thiên ngự trên địa cầu, rồi bèn đồng nhau ca tụng theo lời ngợi khen ấy.

**Cātummahārājikānam devànam saddam sutvà tàvatimsà devà sadamanussà vesum.**

Chư thiên trong cõi trời Đạo Lợi được nghe tiếng của chư thiên trong cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, rồi liền ca tụng y như thế ấy.

**Tàvatimsānam devànam saddam sutvà yām devà saddamanussàvesum.**

Chư thiên trong cõi trời Dạ Ma được nghe tiếng của chư thiên trong cõi trời Đạo Lợi rồi cũng đều ca tụng lời ngợi khen ấy.

**Yāmānam devànam saddam sutvà tusidā devà saddamanussàvesum.**

Chư thiên trong cõi trời Đâu Suất Đà được nghe tiếng của chư thiên trong cõi trời Dạ Ma, rồi cũng rập nhau ca tụng theo nữa.

**Tusitānam devānam saddam sutvā nimmānaratī devā saddamanussāvesum.**

Chư thiên trong cõi trời Hoá Lạc Thiên được nghe tiếng của chư thiên trong cõi trời Đâu Suất Đà rồi đồng thanh ca tụng tiếp theo.

**Nimmānaratīnam devānam saddam sutvā paranimmitavasavattī devā saddamanussāvesum.**

Chư thiên trong cõi trời Tha Hoá Tự Tại, được nghe tiếng của chư thiên trong cõi trời Hoá Lạc Thiên rồi đồng nhau ca tụng lời ngợi khen ấy.

**Paranimmitavasavattīnam devānam saddam sutvā brahmakāyikā devāsaddamanussāvesum: "etam bhagavatā bārāṇasīyam ispatane migadāye anuttaram dhammacakkam pavattitam appativattiyam samanena và brāhmaṇena và devena và marena vàbrāhmunā và kenaci và lokasmin" ti.**

Chư thiên trong hàng Phạm Thiên, được nghe tiếng của chư thiên trong cõi trời Tha Hoá Tự Tại rồi, cũng lập lại lời ca tụng như vậy: Chẳng có Pháp Luân nào cao siêu hơn Pháp Luân này, chư Sa Môn, Bà La Môn, chư thiên, Ma Vương, Phạm Thiên hoặc một người nào trong các thế giới cũng chẳng diễn giải được, chỉ có đức Như Lai Ngài đã giảng giải rồi, trong rừng Isipatanamigadayavana, gần thành Bārāṇasi.

**Itiha tena khanenatena layenatena muhuttēna yāva brahmalokaḥ dasasahsī lokadhātu sankampi sampakampi sampavedhi.**

Tiếng ca tụng liên tiếp vang dội đến cõi Phạm Thiên chỉ trong nháy mắt. Do sự truyền báo ca tụng mà cả 10.000 thế giới thấy đều rung động, luôn cả trên dưới và các phương.

**Appamāno ulāro obhā loka pāturahosi atikkamma devānam devānubhāvanti.**

Có cả hào quang rực rỡ vô cùng vô tận, cao siêu hơn tất cả hoà quang của chư thiên, chiếu diệu trong thế giới.

**Atha kho bhagavānimam udānam adānesi "annasi vata bho kondanno" annasi vata kondanno ti".**

Liền đó đức Như Lai là Đấng Giáo Chủ, bèn lên tiếng rằng: Kiều Trần Như đã được đại ngộ, A Nhã Kiều Trần Như đã được đại ngộ.

**Iti hitam āyasmato kondannassa annāsi kondanna tveva nānam ahoṣīti.**

Từ đây A Nhã Kiều Trần Như được gọi là đức Kiều Trần Như.

-ooOoo-

**II-2**

**CHUYỂN PHÁP LUÂN**

Sáng ngày 14 tháng 6 âm lịch năm Dậu, đức Thế Tôn ngự đi khát thực về thọ thực xong.

Ngài mới ngự đến vườn Lộc Giả để thuyết pháp độ 5 vị Kiều Trần Như. Ngài phải đi bộ 18 do tuần. Chư Phật lúc quá khứ, khi ngự đi thuyết pháp lần đầu tiên đều dùng thần thông bay đi, chỉ có đức Thế Tôn của chúng ta hiện tại ngự đi bộ, vì Ngài trông thấy duyên lành của một người ngoại đạo tên Upakāṣivaka nên Ngài chỉ nghĩ rằng: "Nếu Như Lai dùng thần thông bay đi thì người ngoại đạo này sẽ không gặp được Như Lai để hỏi thăm và ca tụng Như Lai thì sau này sẽ không có duyên lành để xuất gia đúng theo Giáo Pháp".

Khi Ngài đang ngự đi, hào quang 6 màu sáng rõ. Người ngoại đạo tên Upaka trông thấy tướng mạo và hào quang của đức Thế Tôn lấy làm lạ, phân vân không biết chư thiên hoặc chi chi nên kính cẩn đến gần lễ phép hỏi: "Thầy, lục căn của thầy thật thanh tịnh, trong người của thầy có hào quang 6 màu chiếu sáng. Thầy tên chi? Xuất gia với ai? Ai là thầy của thầy?"

- Nay Upakāṣivakha, tâm của Như Lai không còn ham mê trong trần cảnh, dứt bỏ tất cả các pháp, không còn Ai dục, chấp Ngũ Uẩn. Ta là người cao cả hơn tất cả chúng sanh trong Tam Giới, tự ta đắc quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì có ai làm thầy Như Lai? Như Lai là đấng có 10 hồng danh mà chư thiên và Phạm Thiên hằng ca tụng. Nay Như Lai ngự đến vườn Lộc Giả chuyển Pháp Luân, đánh trống pháp cho chúng sanh thức tỉnh trong giấc mộng vô minh, và thấy rõ các pháp.

Khi Upaka nghe vậy mới nghĩ rằng: "Thầy Sa Môn này nói giọng rất thanh tao, lời nói dịu ngọt, thân hình thật đẹp", thầy mới phát tâm trong sạch nói rằng: "Thật thầy là người có nhiều công đức tự mình Giác Ngộ. Vậy thầy là người được tên là Anantajina (có nghĩa là Thắng Hoá Đến Nơi Cùng Tột). Thầy là người hơn tất cả chúng sanh."

Đức Thế Tôn muốn cho thầy yun trồng thêm mầm tin nên Ngài mới dạy thêm rằng: "Nay Upakāṣivakha, những người hết phiền não trong thế gian này là người thắng hoá trong mọi nơi. Không còn một nhân vật nào bằng Như Lai. Vì vậy Như Lai cũng đáng có tên là Anantajina như người đã tặng."

Thầy ngoại đạo ấy nghe thế liền gặt đầu tán thưởng và nói: "Thật đúng như vậy". Rồi bỏ đi.

*Chiều ngày rằm tháng 6 âm lịch năm Dậu.*

Năm thầy Kiều Trần Như tắm xong rồi đàm đạo với nhau. Khi ấy lại nhớ đến đức Thế Tôn nói với nhau rằng: "Này các bạn, sau khi chúng ta bỏ ra đi, không biết thầy Sa Môn Cồ Đàm ở nơi nào, giờ đây đang ngồi đâu, đang làm gì, không biết Ngài có nghĩ nhớ đến chúng ta chăng?"

Nói vừa dứt lời thì đức Thế Tôn cũng vừa ngự đến, hào quang sáng ngời, 5 ông trông thấy hào quang sáng ngời rực rỡ lấy làm lạ và kinh sợ. Mỗi ông ngó một hướng coi ánh sáng ấy từ đâu đến. Có một ông thấy trước nên mới gọi các vị kia rằng: "Các bạn ơi, thầy Sa Môn Cồ Đàm đi tìm ta. Ngài đã bỏ sự hành đạo tinh tấn, đi khát thực ăn, khác thường nhiều lắm, thì làm sao đắc quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được? Chắc ông ở một mình buồn nên tìm đến chúng ta. Nếu ông ta thích nơi nào thì ngồi nơi ấy".

Tuy cả 5 vị đồng ý với nhau. Nhưng khi đức Thế Tôn ngự đến thì các ông không thể ngồi yên được vì oai đức của đức Thế Tôn, các ông lăng xăng, ông thì tiếp bát, ông thì múc nước rửa chân. Đức Thế Tôn an vị xong, 5 thầy mới hỏi: "Này thầy Cồ Đàm, thầy mạnh giỏi chớ? Đi khát thực cũng được đầy đủ chớ?"

Khi nghe các vị ấy gọi tộc của Ngài như vậy. Ngài mới dạy rằng: "Này các thầy, các thầy không nên gọi Như Lai như vậy, vì Như Lai đã đắc quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi. Vậy các thầy hãy nghiêng tai thính pháp. Như Lai sẽ giải nơi vô sanh bất diệt là Niết Bàn,

các thầy hành theo lời của Như Lai thì sẽ được hưởng hương vị của quả vô sanh bất diệt là Đại Niết Bàn".

Mặc dầu đức Thế Tôn dạy như thế, các thầy cũng vẫn gọi tộc của Ngài. Đức Thế Tôn mới dạy rằng: "Này các thầy, các thầy hãy nhớ lại coi, từ trước tới nay, Như Lai từng nói với các thầy như thế này bao giờ chưa? Vậy các thầy hãy lắng tai nghe thánh pháp".

Khi ấy các thầy không dám gọi ngay tộc của Ngài nữa. Nên Ngài bắt đầu thuyết pháp đầu tiên là Chuyển Pháp Luân.

\* \* \*

Nơi đây xin nhắc sơ lược về bài kinh Chuyển Pháp Luân. Quý vị muốn xem rõ xin xem trong quyển Kinh Tụng của Đại đức Hộ Tông dịch nguyên văn (*xem phần I-1 ở trên*).

Trong bài Chuyển Pháp Luân tóm lại Đức Phật dạy: Không nên hành theo 2 điều thái hoá, nên hành theo Trung đạo. Sau ấy là pháp Tứ Diệu Đế.

Nhân tiện đây tôi xin cống hiến quý vị phép Tứ Diệu Đế theo Chú giải và Phật ngôn hầu quý vị tiện bề nghiên cứu. Tôi có ý định giải pháp này từ lâu, nhưng chưa có dịp.

Đức Thế Tôn được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác là nhờ nơi Ngài Giác Ngộ được Tứ Diệu Đế. Và Tứ Diệu Đế là pháp mà ngoài ra đức đại Giác Ngộ không ai hiểu thấu.

*Ariyasacca* là Phạn ngữ, ta dịch là Tứ Diệu Đế. Trước hết ta nên hiểu thêm về tiếng gọi *Ariyasacca*.

*Ariya* có nghĩa là cao quý hay thánh. *Sacca* có nghĩa là thật. *Ariyasacca* có nghĩa là sự thật cao quý hay Diệu Đế, hay sự cao quý của bậc Thánh Nhơn, vì Phạm Nhơn mà thông hiểu và thấu đáo các pháp ấy tức nhiên không còn luân hồi nữa. Trở thành thánh. Tiếng nói Ariyasacca thật cao quý ấy có 2 ý nghĩa là:

- Ariyasacca: thật cao quý màu nhiệm. Ý nói sự thật của 4 pháp ấy thật là cao sâu màu nhiệm. Người còn phiền não không bao giờ nhận định được, nếu không phải là đáng Đại giác thì không thể nào nhận định nổi.

- Ariyasacca: thật cao quý màu nhiệm. Ý nói người thông đạt được ý nghĩa cao sâu màu nhiệm của 4 pháp ấy thì người ấy trở nên bậc vĩ nhân cao quý tuyệt đối trong cõi Ta-bà này.

Xin giải thêm ý nghĩa của câu thứ nhất. Tứ Diệu Đế là sự thật cao quý nói về pháp có đầy đủ nguyên nhân cao quý màu nhiệm ví như kim cương có sự quý riêng của nó, là phẩm chất đẹp quý có giá trị thật cao ai ai cũng ưa chuộng. Nó không phải là vật mà có ngày kia phải thay đổi màu sắc hay phẩm của nó. Không phải như những vật khác vì thời gian mà làm giảm mất giá trị vì nó cũ.

Câu thứ nhì: câu này có một ít làm cho ta phân vân hoài nghi vì nó làm cho người trở nên cao quý. Vì vậy tôi (soạn giả) xin đặt ra câu hỏi và trả lời để làm rõ lý ra cho quý vị dễ hiểu hơn.

Vấn: Tại sao Tứ Diệu Đế làm cho người trở nên cao quý?

Đáp: Ý câu này nói rằng: Khi nào người hiểu và thực hành triệt để theo pháp Tứ Diệu Đế, tâm của người ấy sẽ thay đổi từ chỗ còn ham mê thích thú trong Tam Giới trở nên người không còn mê đắm ham muốn gì trong Tam Giới dầu là Ngũ Uẩn này.

Vấn: Ta chỉ biết rằng: Đây Khô, Tập, Diệt, Đạo, như thế ta cũng trở thành cao quý sao?

Đáp: Người hiểu đây là Khổ, Tập, Diệt, Đạo như ông nói nhưng không thực hành theo, thì không có ích chi hết. Cũng như con kết biết nói tiếng người nhưng chính nó không rõ ý nghĩa, nếu có biết chẳng chi biết sơ sơ vầy thôi. Vì vậy không làm cho người ấy trở nên cao quý.

Sở dĩ nói rằng: Làm cho người cao quý khi người ấy học hiểu xong pháp Tứ Diệu Đế rồi lại sáng triết để thực hành theo bước đầu tiên là làm cho người tuần tự dứt bỏ phiền não cho đến khi hoàn toàn trong sạch Phiền Não, không còn khổ. Trí tuệ thấy thật sự Khổ, nhân sanh Khổ, diệt được Khổ và đạo pháp hành diệt tất Khổ, hay là con đường đi đến nơi không còn khổ nữa.

Người hiểu thấu rõ rệt như thế nghĩa là người thấy bằng tuệ nhãn hay cũng gọi là pháp nhãn. Người ấy trở nên người cao thượng vì người ấy không còn làm tội lỗi và còn trở thành luân hồi nữa.

Sự hiểu biết Tứ Diệu Đế một có định nghĩa rõ rệt, người hiểu và thực hành đúng theo mới đắc đạo được mới gọi là cao quý.

Hiểu như chúng ta không khác nào cái hiểu của trẻ con còn bé chỉ biết vàng chứ không hiểu giá trị của vàng và không biết dùng vàng để làm chi cho có ích.

Dưới đây là định luật của người mà gọi là hiểu rõ Tứ Diệu Đế:

Khổ, Tập, Diệt, Đạo, mỗi điều chia làm 3 giai đoạn khác nhau mà người cần phải hiểu 3 giai đoạn này gọi là Ba Luân. Ba luân nhân cho 4 điều khổ, tập, diệt, đạo ra 12 điều gọi là 12 thể. Đây là định luật mà người hiểu Diệu Đế thực sự đều hiểu rõ rệt.

Người hiểu Khổ có 3 luân là:

- Sự Khổ có thật.
- Nên biết có Khổ
- Khổ mà người ấy đã thấy rõ rồi

Người hiểu Tập có 3 luân:

- Ái dục là nhân làm cho sanh Khổ thật.
- Nên hiểu rõ mặt của Ái dục
- Ái dục là người đã thấy rõ rồi.

Người hiểu Diệt có 3 luân là:

- Diệt có thật.
- Nên hiểu rõ Diệt
- Diệt mà người đã hiểu rõ rồi

Người hiểu rõ Đạo có 3 luân là:

- Đạo có thật
- Nên hiểu rõ Đạo
- Đạo mà người hiểu rõ, đầy đủ rồi.

Điều nên chú ý là: Sự hiểu rõ pháp Tứ Diệu Đế có khác hơn sự hiểu thường. Vì cái hiểu của pháp Tứ Diệu Đế còn cần phải hành theo chính chắn là diệt trừ phiền não, và biết rõ rằng: Trong tâm không còn tí phiền não nào cả. Ví như người bệnh biết chính mình đang thọ bệnh và biết:

- Đây là thuốc.
- Đây là thuốc chữa bệnh của ta đang bệnh.

- Đã uống thuốc ấy và nhờ thuốc ấy mà bệnh tình cũng đang thuyên giảm từ từ, và chắc rằng sẽ đến nơi lành mạnh.

Người bệnh này ví như chúng sanh đầy phiền não đang bị đau khổ trong biển luân hồi, người này lại học được pháp Tứ đế, hành theo pháp ấy, và cũng nhờ vậy mà từ diệt được phiền não như người uống thuốc bệnh thuyên giảm lần lần, rồi mạnh hẳn, nghĩa là giải thoát hẳn.

-ooOoo-

### I-3

## LUẬN VỀ KHỔ

**T**rong pháp Tứ Diệu Đế pháp mà đức Đại giác đặt trước nhất là Khổ.

Khi vừa nghe tiếng Khổ thì không ai lấy làm lạ. Vì ai ai cũng đều có nếm qua mùi vị của khổ không ít thì nhiều. Người sanh ra trong đời không ai không khổ mặc dầu là vị trưởng giả hay nhà vua. Nếu ta hỏi lại ai ai cũng đều biết đời là khổ, thậm chí có người bảo: Khi đứa trẻ sơ sanh khóc ra tiếng "khô a, khô a", nhưng người ấy hiểu như thế nào có đắc được quả đạo gì! Vì người ấy chỉ hiểu cái vỏ bên ngoài của khổ, hay biết khổ mà không thực hành để diệt trừ khổ. Người hiểu khổ như thế khác hơn cái hiểu bằng trí tuệ của đức Giác Ngộ một trời một vực. Cái hiểu của con người là hiểu bằng thức tánh. Còn cái hiểu của bậc Thánh Nhơn bằng tuệ. Chúng sanh biết khổ nhưng chưa biết phương pháp tránh khổ hay diệt khổ. Trái lại càng làm nhiều khổ. Cũng như người cầm ngọn đuốc chạy ngược gió bị lửa tấp vào mặt nóng la khóc, than van nhưng lại không bỏ ngọn đuốc ấy vì sợ mất ánh sáng của ngọn đuốc ấy. Tôi xin ví như tài, sắc, lợi, danh hay thất tình lục dục

Còn các bậc Thánh Nhơn nhất là Đấng Giác Ngộ biết khổ, biết nguyên nhân sanh khổ, và biết nguyên nhân diệt khổ.

Ví như 2 nhân vật người bị và bác sĩ. Người bệnh chỉ biết rằng: Ta đang bệnh bị hành hạ, khổ sở, nhưng không biết làm sao hết bệnh. Còn bác sĩ biết nguyên nhân phát sanh bệnh. Biết cách ngăn ngừa sự ấy và hơn nữa có thuốc và biết cách trị dứt bệnh ấy nữa. Vì 2 sự hiểu biết khác nhau như thế ấy nên bác sĩ và người bệnh khác nhau. Người bệnh lâm bệnh chỉ còn chờ chết và chưa hết phải chịu khổ vì chứng bệnh ấy. Đây chính là chúng sanh tuy biết khổ nhưng không có phương pháp nào làm sao để giải thoát khổ.

Đoạn trên nhắc cho quý vị thấy rằng: Sự hiểu biết của chúng sanh, của Thánh Nhơn khác nhau chỗ biết bằng trí tuệ, và biết bằng sự nhận thức của thức tánh. Vì chúng sanh biết khổ bằng thức tánh nên không giải thoát được. Nhưng ví dụ tôi đem lại đoạn trên để quý Ngài hiểu rõ thêm biết khổ hay hiểu khổ có khác hơn sự Giác Ngộ không.

Bài pháp đầu tiên của đức Đại giác là bài DHAMMACAKKAPPAVATTANA SUTTA nghĩa là KINH CHUYÊN PHÁP LUÂN. Trong ấy đại khái như đã nói trên. Nơi đây tôi xin giải thích pháp Tứ Diệu Đế.

\* \* \*

Trong Tứ Diệu Đế hay pháp thứ nhất gọi là Khổ. Trong cái khổ này có thể chia ra làm 2 phần là:

1) *Sabhāvadukkhā*: Khổ có từ khi có ta và cái khổ này là khổ theo dính bên ta không bao giờ xa ta. Mà hiện nay các bậc trí thức hay chánh phủ đang diệt khổ ấy, nhưng chắc hẳn là không

được. Khổ ấy trong bài Chuyển Pháp Luân đức Thế Tôn có dạy rằng: *Idam kho pana bhikkhave dukkham ariyasaccam*. Nay các thầy Tỳ Khuru, đây là khổ thật sự là:

*Jatipi dukkha*: Sanh Khổ.

*Jàràpi dukkha*: Lão Khổ

*Maranampi dukkham*: Tử Khổ.

2) Điều thứ nhì gọi là *Pakinnakadukkha*: Khổ phụ thuộc hay có thể gọi là khổ đến sau là:

*Soka*: Buồn rầu thất vọng

*Parideva*: Than van.

*Dukkha*: Khổ Khổ

*Domanassa*: Uất ức, phiền phức.

*Upàyàsàpi dukkha*: Tâm nóng nảy, xốn xang.

*Avampi sampayogo dukkho*: Gặp những việc mà mình không ưa thích là khổ.

*Piyehe vippayogo dukkho*: Bị xa lìa những vật thương yêu mến tiếc.

*Yampiccham na lapati tampi dukkham*: Sự yêu mến mà không được gần là khổ.

Khổ tóm lại có một là:

***Sankhītena pancupādānakkhandhā dukkhā - Nói tóm lại, sự chấp lấy Ngũ Uẩn này là Khổ.***

Theo bài kinh Chuyển Pháp Luân cho ta thấy rằng: Đức Thế Tôn chia Khổ ra làm 2 phần là Khổ thật sự và Khổ mới đến sau này. Khi dạy xong 2 Khổ ấy, Ngài còn lại tóm lại một lần nữa cho chúng ta thấy rõ phiền não làm cho khổ nên Ngài dạy rằng: *Chung qui là những người còn chấp lấy Ngũ Uẩn nên khổ.*

Nếu tôi giải tỷ mỹ của Khổ, tôi tin rằng chỉ choán lấy giấy và làm cho quý vị chán đọc thôi, vì vậy tôi nên nói tóm lại là khổ là nền tảng của đời sống là cái khổ thật sự. Còn những cái khổ tới sau là những cái khổ khi mà người ta đã có thân này rồi.

Khổ đến sau có chỗ Phật gọi là *Akantadukkha*, Khổ khách quan. Khổ này quý vị đã hiểu nhiều xin miễn giải.

Khổ thật sự, nghĩa là khổ ấy theo dính liền với ta bắt đầu từ khi ta thọ sanh vào lòng mẹ. Theo lời dạy trong bài kinh Chuyển Pháp Luân thì khổ này có 3 là:

*Jāti dukkha*: Sanh Khổ

*Jarā dukkha*: Già Khổ

*Marana dukkha*: Tử Khổ.

Theo chúng ta thường nghe và biết rằng: Sanh, lão, bệnh, tử là 4 cái khổ thật sự. Nhưng trong Phạm ngữ không kể khổ đau, vì khổ đau là khổ đến khi sanh, hay khi trong lòng mẹ, nhưng khi đau phải do một lý do nào chứ không phải như già và chết, vì già từng giờ phút của thời gian qua. Còn đau lâu lâu mới đến một lần chứ không phải từng giờ từng phút như già. Sau này chú giải mới nói rõ thêm đau vào và vì quen miệng nên nói già, đau, chết. Chớ thật sự trong bài Chuyển Pháp Luân thì không nói đến đau là khổ thật sự.

Giải 3 cái Khổ thật sự:

## **JÀTI (SANH)**

Sanh đây ý nói là bắt đầu sanh vào lòng mẹ. Xin nhắc lại quý vị là khổ sanh đây chỉ là người sanh vào lòng mẹ chớ không nói cái khổ của bà mẹ sanh. Sanh khổ ấy chia ra làm 3 thời kỳ:

- Khổ khi còn trong bụng mẹ
- Khổ khi sanh ra
- Khổ do nơi sanh, nghĩa là khi sanh có thân này là có già, đau, chết và những cái khổ đến sau nữa.

Vạn vật trong vũ trụ này kể cả thân hình ta đều do nơi sự phối hợp của tứ đại. Nhưng những đồ vật dùng lâu người ta gọi là cũ. Những thân hình ta dùng lâu là cũ mà gọi là Già, mặc dầu là 2 tiếng phát âm khác nhau nhưng cũng một ý nghĩa là tới chỗ hư hoại. Vạn vật trong vũ trụ có khác nhau về hình thể, màu sắc... Nhưng cùng chung một thể là già, cũ, rồi tiêu hoại.

Nên trong chú giải có câu hỏi: Thân hình ta đây bắt đầu già từ bao giờ?

Đáp: Theo lời Phật dạy và người đời hiểu cái Già có 2 lối khác nhau là:

- Người đời thường hiểu cái Già là khi bắt đầu vào 60, 70, hay 80 tuổi mới gọi là già. Vì người đời khi ấy mới thấy rõ sự thay đổi của hình dáng bên ngoài.
- Về phương diện đạo đức thì trái lại thân này thay đổi từng sát na, nghĩa là một sát na qua thì thân này đã già rồi và vạn vật trong đời và người đều thay đổi mà chính bản thân của người cũng không biết sự thay đổi ấy, nên chỉ không biết mình đã già. Chỉ có khác là cái Già thực hiện rõ rệt thôi.

Đức Thế Tôn có dạy Già ấy có thể chia ra 3 phần là:

1) *Appaticchannajara*: Già không hiện rõ. Nghĩa là người đời trông thấy đứa bé càng ngày càng lớn thân hình tráng kiện đó là nơi do sự thay đổi mọi vật trong châu thân chính là già, nhưng đời thường cho đó là sự lớn của con người, nhưng người đó biết đâu khi qua mỗi sát na là người đã già vì cái Già này không hiện ra rõ rệt dễ người ngó thấy, nên ai ai cũng ưa thích và hãnh diện trong tuổi này. Và đây cũng là 1 lý do chỉ cho ta thấy rằng người chưa thấy được phép Tứ Diệu Đế

Nếu quý vị tự ý và muốn biết thì hỏi các nhà nghiên cứu về vi trùng học thì quý Ngài sẽ cho quý vị biết rằng những vi trùng và những hạt máu trong châu thân ta đều thay đổi từng sát na một. Còn Đức Phật thì dạy các tế bào của ta thay đổi và chết đi rồi những cái khác thay vào.

2) *Parijina*: Già làm cho thân này có phần thay đổi đối với người có thể nhận thấy được. Ý nói, khi được 4 hay 5 hoặc 60 tuổi người thấy có thay đổi một vài bộ phận rõ rệt làm cho ta thấy cái thay đổi ấy, chừng đó mới chịu gọi là già. Có lắm người còn muốn giấu cái Già bằng cách nhuộm tóc lại ...

3) *Paripakka*: Già khủ, ý nói già đến đời không làm gì được. Chính bản thân mình cũng không kiểm soát được mình, như tay run, chân không nhắc nổi để đi...

Người đời khi thấy người già khủ ấy mới nhận thức là Già Khổ. Vì người già tới độ ấy chỉ còn đợi tử thần đến đem đi chớ không còn làm gì được nữa.

Hiện giờ, nếu ta nói đến già thật là khó hiểu nổi, chỉ còn có hỏi các cụ thì mới biết cái Già Khổ như thế nào. Riêng tôi mới 50 tuổi, chỉ thấy tóc bạc, ngoài ra chưa thấy gì hơn, vì mắt cận thị từ lâu. Nhưng tôi thấy ngày kia không xa, tôi không còn dùng thân tứ đại này vào đâu được, nên chỉ hiện thời, tôi cố tiện tận từng giờ phút một để làm việc lợi ích cho mình ngày vị lai.

Già còn có thể chia ra làm 2 phần là:

1) Già làm giảm sức mạnh của cơ thể. ý nói chúng ta ai cũng có phận sự rất nặng trên vai, mà càng lớn phận sự ấy càng chồng chất nặng thêm lên mãi mãi. Như khi ta còn nhỏ học lớp nhỏ không khó lắm, càng lớn càng học cao thì cái khó chồng thêm mãi. Đến khi lớn lên phải sanh sống không thể nhờ nơi cha mẹ gia đình mãi được, thì phận sự càng nặng. Ta có những cái khổ nhất mà không thể tránh khỏi là Già, Đau, Chết, khi có vợ ta cũng có cái Già, Đau, Chết như ta, đã một thân mà còn nặng trĩu phương chi lại thêm một thân nữa như ta, mà có lẽ còn nặng thêm nữa là nếu gặp bà vợ đòi thêm son, phấn, quần áo đẹp, hay hột xoàn, vàng ròng v.v... thì quý vị có nặng tới độ nào. Khi có thêm một đứa con thì cái lo thêm nữa, đến 2, 3, 4 đứa thì cái nặng càng gấp bội. Nhưng khổ nỗi khi gánh càng nặng tuổi thọ lại càng nhiều nghĩa là đã già và cộng thêm vào bệnh hoạn thường đến với tuổi già.

Già làm giảm sức nơi đây ta có thể ví dụ như một chiếc xe hơi. khi còn mới ít hư và đẹp, chạy nhanh mau. Nhưng khi dùng nhiều ngày chờ quá nặng hay chạy đường xa, thì nó lại hư mau. Khi đã cũ rồi lại càng hư liên liên, như toàn thân này khi càng già càng bệnh thường hơn.

2) Già đem sự bệnh hoạn lại. ý nói rằng: Khi cái Già đã đến thì không bao giờ đưa hạnh phúc đến bao giờ, cái mà nó đưa đến là sự bệnh hoạn, như mắt mờ, tai điếc, răng rụng tóc bạc, tay chân run rẩy v.v...

Nếu có ai hỏi: Cái gì đem bệnh hoạn đến cho ta? Tôi tin rằng quý Ngài sẽ không ngần ngại đáp rằng: già đem bệnh hoạn đến cho ta.

## MARANA (CHẾT)

Chết là gì? - Chết là sự bỏ xát thân này lại, và không đem những gì theo được mặc dù là vật thương yêu nhất đời. Sau khi thần thức ra khỏi thân này thì thân này từ từ thay đổi sinh lên và hôi thúi, đến cùng là tan rã còn lại một đồng xương trắng.

Người đã chết thì không còn hành động gì được, và không dùng vào đâu được với cái xác thân hôi thúi ấy. Đời người không khác nào cây đèn có đủ dầu, tim, khi có lửa châm vào bắt cháy đến khi hết dầu lại tắt. Tuổi thọ con người ví dầu trong đèn, ngày nào đó dầu phải cạn và tắt, người sống đây thọ yếu không khác nào đèn có dầu nhiều ít vậy thôi chứ có một điểm giống nhau là tắt. Khi người hết tuổi thọ không thể sống thêm được dầu một phút, cũng như đèn hết dầu cũng không thể cháy thêm được một giây nào. Khi ngọn đèn tắt ta không tìm thấy ngọn lửa đã tắt cũng như không thể tìm được cái sống của người đã chết.

Sự khổ của chết không thể dùng lời mà tả cho được vì mọi người chúng ta đều còn sống, phải chăng chỉ có người sắp chết và đã chết mới nhận thấy cái khổ ấy. Khổ chết ta có thể kết luận vấn đề là: Làm mất cả sự an lạc của cả đời người. Sự an lạc ấy là nhà cửa, của cải, thân quyến. Nhất là cái xác thân này.

## Phận sự của Khổ để

Khổ Diệu Đế nhất này, Đức Thế Tôn dạy phải biết rõ khổ một cách vi tế như vị bác sĩ hiểu rõ căn bệnh, nguyên nhân sanh bệnh và phương pháp trị tuyệt bệnh.

## Phật ngôn

*Dukkham ariyasaccam pariannyya - Khổ Diệu Đế này người nên nhận thức cho rõ ràng.*

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 08-2001).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 01-08-2001

**Chuyển Pháp Luân và Tứ Diệu Đế**  
**Maha Thongkham và Huỳnh Văn Niệm soạn dịch**  
**Tái bản năm 1995 tại Sài Gòn**

**Phần I - CHUYÊN PHÁP LUÂN (tiếp theo)**

-ooOoo-

**I-4**

**LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN CỦA KHỔ**

**Diệu Đế thứ nhì**

Diệu Đế thứ nhất Đức Phật dạy về khổ mà Ngài đã giác ngộ. Xin ví như đức Thế Tôn dạy về loài hổ rất hung dữ hằng ăn thịt người, Ngài sợ chúng sanh không biết hình dáng hổ ra sao nên Ngài mới bắt về nhà nhốt trong chuồng cho chúng sanh xem cho biết hình dáng sức mạnh và tiếng gầm của nó. Ý nói rằng: Ngài dạy rất rõ về Khổ để chúng sanh đã nhận thức và kính sợ khổ thật chứ không phải sợ sợ như chúng ta hằng ngày.

Diệu Đế thứ nhì là phương pháp diệt Khổ, hay nói cho đúng là phương pháp chống lại hay giết hổ dữ, vì vậy xin quý vị cố suy nghĩ bằng trí tuệ cho kỹ để hiểu rõ những gì mà Ngài đã dạy. Ngài dạy rằng Diệu Đế là Tập Đế này Ngài cố tâm tìm kiếm hằng 20 A Tăng Kỳ và 100 ngàn kiếp mới gặp dưới cội Bồ đề sau 6 năm khổ hạnh.

**Diệu Đế này là Tập Diệu Đế**

Tập Khổ Diệu Đế nghĩa là nguyên nhân phát sanh khổ. Ý nói nó là nguyên nhân làm cho chúng sanh phải bị trầm luân trong biển khổ phải bị khổ đủ mọi phương diện.

Tóm sơ lược lời Phật dạy trong bài Chuyển Pháp Luân: *Idam kho pana bhikkhave dukkhasamudayo ariyasaccam ya yam tanha ponobbhavika* v.v... Nghĩa là: Nay các thầy Tỳ Khuru, đây là nhân sanh khổ thật sự là Ái dục. Ái dục là nhân sanh làm cho chúng sanh phải sanh vào cảnh giới mới, khi ấy lại phải lẫn lộn với sự ham muốn trong các đề mục (sự việc bên ngoài) là:

- Sự ưa muốn sanh trong cõi dục
- Sự ưa thích sanh vào cõi sắc
- Sự ưa thích sanh vào cõi vô sắc

Theo lời Phật dạy nên cho chúng ta thấy rõ có 3 giai đoạn là:

- 1) Nguyên nhân sanh khổ là do nơi ở Ái dục
- 2) Giải rõ cho thấy Ái dục là sự ưa thích sanh vào 3 cõi là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới (thường gọi là Tam giới).
- 3) Phân giải tỉ mỉ về Ái dục.

Tôi (soạn giả) xin gom lại giải 3 điều là:

- 1) Nguyên nhân sanh khổ
- 2) Sự hành động của Ái dục

### 3) Ái dục

#### ***Nguyên nhân sanh khổ***

Nói về Khổ vì các vị Giáo Chủ khi xưa hay đồng thời với Đức Phật giải thích một cách mù mờ. Nhưng có thể tóm lại là: Các vị ấy dạy rằng: Phước tội do nơi một đấng thiêng liêng ban cho và trừng phạt. Vậy người muốn các Ngài không trừng phạt và ban cho hạnh phúc thì phải thừa hành theo lễ lới của vị thiêng liêng tối cao ấy. Chung qui đều thuộc về thần giáo nghĩa là dạy trong sự tin tưởng thần linh hộ trì giúp đỡ.

Sở dĩ mà đức Thế Tôn được người thời ấy bỏ đạo của họ theo Ngài là vì đức Thế Tôn Giáo ngộ được chánh Pháp là nhân sanh khổ và Ngài giải rõ nhân sanh khổ, và nhân vật diệt khổ. Không có một Đấng thiêng liêng nào cho phước và hành tội chúng sanh mà tự chính chúng sanh làm cho mình khổ. Hiện nay là thời kỳ nguyên tử rất có nhiều vật mà từ xưa chưa hề khám phá ra được mà các nhà bác học khám phá ra được, nhưng những lời Phật dạy vẫn còn là phương pháp duy nhất bất dịch mà trải lại các nhà bác học vẫn hành theo.

Nhân sanh khổ mà đức Thế Tôn dạy là pháp mới không thể đề cử và ngoài vị Chánh Đẳng Chánh Giác không ai hiểu thấu nổi. Nên khi Ngài thuyết Tứ Diệu Đế gọi là Chuyển Pháp Luân, tôi xin nói là khi Ngài thuyết xong thời pháp ấy, chính Ngài thay đổi tất cả vạn vật nghĩa là Ngài lật rõ bộ mặt thật của vạn vật mà Ma Vương cố che giấu từ vô lượng kiếp tới ngày ấy. Nên bài kinh ấy gọi là xoay bánh xe Pháp (Chuyển Pháp Luân).

Thuyết nhân sanh khổ là Ái dục là thuyết không ai cải được làm cho người thời xưa chỉ mới nay ai ai cũng phải nhìn nhận và vâng giữ hành theo. Và cũng nhờ ấy mà Phật giáo truyền bá rất sâu rộng và rất nhanh.

Tứ Diệu Đế là 4 Pháp thật quý báu mẫu nhiệm và chân chánh là pháp chứng minh rằng: Phật Giáo không phải là một tà thuyết, không phải là nhất thần giáo hay đa thần giáo mà là một đạo giải thoát thật sự là nhờ biết rõ khổ, nhân sanh khổ và phương pháp diệt khổ và Niết Bàn là nơi không còn khổ.

Nguyên nhân sanh khổ có rất nhiều nhưng đức Thế Tôn không dạy những cái khổ đến sau, hay những cái khổ không đầy đủ lý do để chứng minh rõ rệt, như nói khổ ấy do nơi một đấng thiêng liêng hành phạt. Trái lại Ngài dạy rằng: Khổ nào sanh lên cũng đều do nơi ta. Đây tôi xin đem lại một ví dụ nhỏ để quý vị dễ chứng minh.

Anh A gây với vợ vì đi chơi bỏ phế việc gia đình.

Anh B bị mất sở vì việc làm không chu đáo.

Anh C bị tù tội vì trộm cắp.

Trong 3 anh này bị khổ khác nhau nhưng chung qui cũng vì Ái dục mà ra. Nếu những người ấy không làm quấy thì đâu bị tai nạn như trên.

Người đời khổ vì sự thương, muốn mà ra cả. Vậy đức Giác Ngộ dạy khổ sanh ra vì Ái dục.

#### ***Sự hành động của Ái dục***

Ái dục ngụ ý chỉ sự thương yêu, mong muốn ấy là nền tảng của Tâm người thế tục, ngoại trừ các bậc Thánh Nhơn. Vì Ái dục là sự thương yêu mến tiếc, nên trong chú giải có đề câu hỏi rằng: ai cũng có Ái dục xấu xa hết chăng? Đức Phật muốn thuyết pháp độ đời vì thương chúng sanh, vậy Đức Phật cũng còn Ái dục chăng?

Khi quý vị bị hỏi như thế này, nên nhớ đến một đoạn trong bài kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật có dạy: Ái dục có 3 trạng thái cho ta thấy nó là phiền não để trả lời cho câu hỏi ấy.

Ba trạng thái của Ái dục là:

- *Ponobbhavikà*: Nghĩa là tạo ra cảnh giới mới cho kiếp lai sinh cho mình
- *Nandiràgasagatà*: Lẫn lộn với tham ái
- *Tatrathàbhinandini*: Vui thích trong các đề mục của tham ái

Ba điều trên là 3 trạng thái của ái dục. Đức Thế Tôn thuyết pháp độ đời vì lòng từ bi dạy chúng sanh bỏ 3 trạng thái nói trên của Ái dục để đi tới nơi yên lặng hoàn toàn giải thoát. Nên chỉ sự hành động của Ngài không gọi là Ái dục mà gọi là giải thoát.

Pháp của Ngài không khác gì chiếc thuyền có đầy đủ tiện nghi ở giữa bể trầm luân. Chúng sanh là người đang bị đắm luân trong bể khổ. Khi trông thấy chiếc thuyền như người được nghe, được gặp Pháp bảo. Khi biết rằng chiếc thuyền ấy có đủ tiện nghi và dành để cho ai là người muốn vượt qua khỏi bể trầm luân thì cứ lên rồi lái vào bờ là nơi giải thoát.

Theo ví dụ trên thì sự muốn cho chúng sanh khỏi luân hồi không gọi là lòng Ái dục được.

Ba điều Ái dục là:

- *Kāmatanhà*: Ái dục trong cõi dục
- *Bhavatanhà*: Ái dục trong cõi sắc.
- *Vibhavatanhà*: Ái dục trong cõi vô sắc

Ái dục trong cõi dục nghĩa là người còn ưa thích ham muốn sanh vào cõi dục là cõi còn có ngũ trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và tài tình, danh lợi.

Ái dục trong cõi sắc ý nói người còn muốn sanh vào cõi sắc thân này, nhưng không ham mê ngũ trần, không có tài tình, danh lợi.

Ái dục trong cõi vô sắc ý nói hạng này không còn có sắc nhưng thọ, tưởng, hành, thức. Vẫn còn, nhưng không ham mê gì cõi dục hay sắc. Nhưng lại còn ham muốn có cái vô sắc ấy, đây thật là phiền não rất vi tế. Nếu không phải là vị Đại giác thì không bao giờ tầm cho ra nguyên nhân để giải thoát khỏi luân hồi được.

Chung qui là khi còn ham muốn hay ưa thích một điều gì là còn phiền não, còn luân hồi.

### ***Phận sự của Tập Diệu Đế là***

Đức Thế Tôn dạy diệt bỏ nghĩa là càng ngày càng bớt Ái dục dần dần xuống cho đến mức độ chót là không còn có một tí nào, có nghĩa là khô cạn. Sự dứt bỏ Ái dục phận ngữ gọi là Pahàna. Nghĩa là diệt trừ, cũng có khi gọi là Pahānakkicca nghĩa là phận sự phải diệt trừ.

Nếu nói về Khổ để người cần biết rõ khổ là được. Nhưng nếu nói đến Tập đế cần có sự hành nghĩa là làm thế nào dứt bỏ được khổ.

Vấn đề quan trọng là: phương pháp hành trì để dứt bỏ được bằng cách nào? - Xin quý vị hãy xem phần Đạo Diệu Đế tiếp theo, đó là phương pháp diệt trừ khổ.

**Phật ngôn:**

***Dukkhasamudayo ariyasaccam pahàtabbam: Diệu Đế này là Tập đế cần phải diệt trừ.***

-ooOoo-

## LUẬN VỀ SỰ KHỔ DIỆT

Diệt đế là dập tắt khổ. Theo đây là Phật ngôn dạy trong bài kinh Chuyển Pháp Luân.

*Idam kho pana bhikkhave dukkhanirodho ariyasaccamyo tassātanhāyaveva tanhāya asesaviraganidho cāro patinissaggo mutti anālayo*

Này các thầy Tỳ Khuru! Đây là sự diệt khổ thật sự đó là diệt tắt hẳn dục, dứt bỏ không luyện tiếc, giải thoát không mền thương.

Căn cứ theo Phật ngôn ta có thể nhận định rõ rệt là sự diệt trừ Ái dục có nhiều tiếng tương tự như nhau như dứt bỏ không luyện tiếc v.v... Để chứng minh rõ rệt là phải dập tắt thật sự có ý nói những gì đã dập tắt xong rồi không còn tái phát sanh nữa.

*Nirodha* nghĩa là diệt, ý nói rằng tắt hẳn, nghĩa là hoàn toàn tắt hẳn không có một nguyên nhân hay một cơ hội nào làm cho phát sanh lại được, ví những bởi Ái dục làm cho cháy không còn nữa. Đây chỉ rõ là Niết Bàn, vì vậy, thiết tưởng quý vị cần hiểu qua Niết Bàn nhiều hơn.

Theo lời Phật dạy, có một phần vô hình ngự trong thân này để nhận định sự vật bên ngoài, phần vô hình ấy gọi là Tâm. Tâm này lại là vật hay vọng động và như đục vì phiền não ngự trị, mà cũng vì Tâm như đục ấy làm cho chúng ta phải trầm luân trong biển luân hồi để chịu khổ. Trong khi đang trầm luân chúng ta không lo dập tắt những phiền não như là dầu trong cây đèn, trái lại chúng ta lại châm thêm dầu càng ngày càng nhiều hơn. Ý tôi muốn nói chúng ta không lo tu hành để diệt lần phiền não trái lại chúng ta lại tạo thêm nhiều nghiệp chướng mà cũng vì vậy càng ngày càng đi xa bờ giải thoát hơn.

Phật ngôn là phương pháp dập tắt lửa trên ngọn đèn, mà cũng là phương pháp dập vỡ bình đèn luôn, ngọn lửa của cây đèn ấy là Ái dục, còn cái bình đèn ấy là không khác nào Tam Giới, khi người chỉ dập tắt ngọn lửa thôi không dập bể bình đèn thì có ngày nào có đủ phương tiện nó lại cháy lại. Nên phải dập tắt xong còn phải diệt trừ tận không cho nó dư sót chút nào nữa.

Khi người thừa hành chính chắn theo lời Phật dạy là người ấy có thể dập tắt và dập bể được cây đèn tai hại ấy. Khi lửa tắt đèn bể thì người ấy trông thấy Niết Bàn vậy.

Chỗ hay tiếng gọi Niết Bàn chủ ý chỉ một nơi rất là hoàn toàn trong sạch. Theo Phật dạy Niết Bàn là một nơi thật là hoàn toàn trong sạch của Tâm.

Xin ví như các nhà bác học về nguyên phân tử phân chất ra đi từng giai đoạn thô thiện tới vi tế cho tới khi không còn phân chất ra được nữa đó là nguyên tử. Chẳng những chất này rất vi tế mà lại không có chất nào cấu tạo ra nó được.

Đức Phật có thể tạm ví như một nhà bác học không cần máy móc phòng thí nghiệm mà cũng chẳng cần phải tốn kém của tiền để phân chất này ra chất nọ, mà hơn ấy, Ngài phân chất được vật ấy là Tâm. Đức Phật tìm thấy rằng: Tâm ta bị cấu tạo do nhiều chất như Ái dục, tham ái, tam độc v.v... sau khi Ngài phân chất ra được từng phần, Ngài đã bỏ cả những phiền não đến một độ không còn một tí phiền não nào trong Tâm và không còn có gì cấu tạo Tâm được nữa, vì Tâm ấy không còn như bản. Vì tâm như bản nên còn bị luân hồi. Tâm còn luân hồi Phạn ngữ gọi là *Sankhātadhātu* nghĩa là còn chất cấu tạo làm cho luân hồi. *Asankhātadhātu* là chất không bị các pháp khác cấu tạo cho luân hồi, là chất không còn phân tách ra được nữa, chất ấy ra ngoài phạm vi của sự hiểu biết của con người, người không còn dùng tiếng gì để nói được cái chất ấy. *Asankhātadhātu* nghĩa là không bị các vật khác cấu tạo cho luân hồi.

*Asankhātadhātu* là chất là người không thể dùng lời diễn tả được hình thức, sự hành động v.v... Nó thuộc về vật cần thấy bằng trí tuệ vì vậy nên chỉ có các bậc Thánh Nhơn mới nhận thức được vì các Ngài tự đắc được do nơi trí tuệ của Ngài.

Người nằm mơ mới thấy cảnh mình thấy thôi, người ngoài ra không thể thấy được, cũng như người đã đắc được thánh Pháp tự mình thấy chứ không thể làm cho người khác và biết được những gì mà mình đã thấy.

Vậy xin ví dụ thêm như người bị nặng, sau khi hết bệnh như người bệnh ấy biết trong mình của họ dễ chịu như thế nào, người ngoài người bệnh như chúng ta thì không hiểu biết gì được về cái an vui của sự hết bệnh của người ấy. Người bệnh ấy ví như chúng ta cái bệnh hành hạ ta ví như phiền não. Khi ta hết bệnh phải uống thuốc ấy chính là Pháp bảo, khi uống thuốc ấy là lúc đang hành đạo. Khi đắc đến mục nào thì ta biết ta đắc đến bậc ấy như người bệnh biết khi uống thuốc thấy trong mình bớt từ từ đến với người ấy cho đến khi mạnh hẳn. Khi mạnh, người bệnh biết rằng ta mạnh. Cũng như người hết phiền não tâm trong sạch thì tự biết là an vui và hạnh phúc như thế nào trong tâm của họ.

Trong bộ *Udàna* đoạn *Pataligāmi-vagga* có dạy rằng:

Niết Bàn không phải là đất, nước, gió, lửa v.v... không phải cõi này, cũng không phải cõi khác, không phải trên mặt nhứt hay mặt nguyệt. Đây các Tỷ Khuru, mà vật ấy (Niết Bàn) lại là vật có thật sự.

Nói về Niết Bàn thiết tưởng cũng nên nói đến cái 2 điều đặc biệt khác nhau là:

- Nói về đặc tánh của Niết Bàn
- Trạng thái của Niết Bàn

Đặc tánh của Niết Bàn là:

*Madanimmadano*: Không còn say đắm (trần cảnh).  
*Pipasavinayo*: Không còn khao khát (tất cả mọi việc)  
*Alayasamugghato*: Không còn lưu luyến (Tam Giới)  
*Vattupacheto*: Cắt đứt hết những gì còn luân hồi.  
*Tanhakkhayo*: Khô hết Ái dục.  
*Virago*: Không còn tham ái  
*Nirodho*: diệt hay dập tắt (hết mọi việc)  
*Nibbanam*: dập tắt hay gọi là Niết Bàn.

Trạng thái của Niết Bàn là: Không còn bị pháp hành cấu tạo.

Niết Bàn còn có tên khác nữa theo lời Phật dạy là:

*Nibbanam paraman sunnam*, Niết Bàn thật trống không, nghĩa là không còn một bợn nhơ nào của phiền não.

*Nibbānamparaman sukham*, Niết Bàn là nơi an vui tuyệt đối.

Theo Phật dạy, người sanh ra là mang theo một phận sự rất nặng nề là khổ, vì vậy nên trong bài kinh Bhàra có dạy: Ngũ Uẩn thật là nặng, chúng sanh là người hằng mang đi trong luân hồi dầy vô tận xa xôi vô biên. Khi nhận thấy Ngũ Uẩn là khổ và biết phương pháp để Ngũ Uẩn ấy xuống được rồi thì thật là an vui, không còn nặng nề khổ sở, đó là Niết Bàn.

Theo câu Phật dạy trên để cho chúng ta thấy rằng: Khi sanh ra làm người hay con vật là chúng ta mang theo một nặng nề vô hạn là khổ, khi có thân này thì bận rộn không ngừng nghỉ theo dính bên ta.

Hiện nay người thường hay tìm sự vắng lặng để nghỉ ngơi như mỗi năm đi nghỉ mát nơi nào, cốt ý để làm cho tâm hồn lắng xuống, hay ta có thể nhận thấy mang lấy thân này phải khổ, muốn tạm để xuống trong ít ngày. Tuy làm thế nhưng người cũng không an toàn nghỉ hay để tạm Ngũ

Uẩn này xuống được. Có lắm người cả đời cũng không có dịp may để tạm để phận sự ấy ít ngày. Quý vị nghĩ coi ta chỉ tạm để xuống nghỉ tạm thời trong ít ngày mà còn an vui hay phương chi ta lại để hẳn cái Ngũ Uẩn này xuống thì an vui tới chừng nào.

Tôi ví dụ đây để quý vị thấy cái an vui của Niết Bàn như thế nào. Chắc quý vị đã nhận định thấy rõ cái khổ của sự mang lấy thân này và cái để cái thân nặng này xuống.

Đến đây xin nhắc lại quý vị rằng: Niết Bàn không phải là một đồ thị có đầy đủ vui tươi sung sướng, hay đủ tiện nghi cho quý vị vui chơi. Nhưng trái lại Niết Bàn là nơi dập tắt những gì mà quý vị thấy của người có và của quý vị đang có.

Diệt Khổ để là một của riêng của Phật giáo. Ý tôi muốn nói rằng: Chỉ có đức Chánh Đẳng Chánh Giác mới tìm thấy diệt Khổ để.

Chắc quý vị muốn hỏi: Vậy các Tôn Giáo khác không có một Tôn Giáo nào có phương pháp diệt khổ hay sao?

Đáp: Tông chỉ của các Tôn Giáo trong vũ trụ này chung qui là diệt khổ, nhưng có phương pháp khác nhau. Chỉ có Phật Giáo là có phương pháp hoàn toàn hơn hết mà từ ngàn xưa đến hiện tại và đến vị lai ngoài ra vị Chánh Đẳng Chánh Giác như Đức Phật thì không ai tìm ra và hiểu rõ phương pháp diệt khổ hoàn toàn như Ngài là Tứ Diệu Đế

Để minh chứng cách diệt khổ của Phật Giáo và các Tôn Giáo khác tôi xin so sánh cho quý vị nhận thức dễ dàng.

| PHẬT GIÁO                                                                                                                                                                                                                             | Tôn Giáo khác                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân sanh Khổ                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Khổ sanh do Ái dục, nghĩa là ưa muốn ngũ trần, Lục dục. Sự ưa muốn sanh lại có sắc thân (Sắc giới). Sự ưa muốn sanh lại nhưng không muốn có sắc thân (Vô Sắc giới).                                                                   | Khổ sanh đến chúng sanh vì do nơi sự trừng phạt của Đấng Thiêng liêng tối cao vì người làm tội ác .                                                                                                                                                            |
| Phương pháp giải thoát Khổ                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Phật dạy: diệt tận phiền não là ái dục thì sẽ không còn khổ.                                                                                                                                                                          | Dạy phải cầu Đấng thiêng liêng có uy quyền tối cao tha lỗi hay hành phạt; hoặc ban bố an vui hạnh phúc .                                                                                                                                                       |
| Trạng thái của sự giải thoát thật sự                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1) Không có sự ưa thích gì trong tâm đầu rất vì tế.<br>2) Dứt bỏ các sự cố chấp.<br>3) Không luyến ái trong các cảnh giới .<br>4) Thoát khỏi sự vui của Tam Giới .<br>5) Không cần ai đến giải thoát cho mình mà tự mình giải thoát . | 1) Muốn được Đấng thiêng liêng cứu khổ.<br>2) Cổ tin có Đấng thiêng liêng tối cao của mình.<br>3) Xin sanh vào cõi thiên đàng<br>4) Còn muốn được hưởng an vui của cõi thiên đàng<br>5) Cần có Đấng thiêng liêng đến tiếp độ cho linh hồn được ở bên Ngài mãi. |

## Phận sự của Diệt Khổ Đế.

Phận sự của Diệt Khổ Đế, Phạn ngữ gọi là SACCHIKARANA, nghĩa là phải làm cho phân mình rõ rệt; Ý nói tự mình hành động cho đến nơi giải thoát, tự mình dập tắt hết dục vọng ở lòng mình và tự mình biết rõ rằng mình đã giải thoát.

### PHẬT NGÔN:

***DUKKHANIRODHO ARIYASACAM SACCHIKÀTABBAM. Điều để gọi là Diệt Khổ diệu để này người cần phải hành cho phân minh, nhận định rõ rệt bằng trí tuệ.***

-ooOoo-

### I.6

## LUẬN VỀ CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ - ĐẠO DIỆU ĐẾ

Đạo Diệu Đế có nghĩa là hành đến nơi diệt Khổ. Đây là tiếng thường dùng trong Phật Giáo, nhưng nếu dùng tiếng thông thường cho dễ nghe, dễ hiểu hơn có những tiếng thay thế là:

- 1) MAJJHIMAPATIPADA: Trung đạo
- 2) KAMAGGA: Bát Chánh Đạo
- 3) ARIYAMAGGA: Thánh đạo

Trước khi giải rõ xin quý vị học qua câu Phật dạy:

*IDAMKHO PANA BHIKKHAVE DUKKHANIRODHAGAMINÌP PATIPADA  
ARIYASACAM AYAMEVA ARIYO ATTHANGIKOMAGGO SAYYATHÌDAM?*

*SAMMÀDITTHI, SAMMÀSANKAPPO, SAMMÀVÀCÀ, SAMMÀKAMMANTO,  
SAMA-ÀJIVO, SAMÀVAYAMO, SAMMÀSATI, SAMMÀSAMÀDHI*

Này các Thầy Tỳ Khuru! Đây là sự hành để dập tắt khổ thật sự, là đạo có tám chi. Tám chi ấy là gì? Tám chi ấy là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Theo lời Phật dạy trên thì chúng ta nhận thấy rằng Diệu Đế thứ tư là sự hành đúng theo con đường đi đến nơi giải thoát có đầy đủ tám chi.

Diệu Đế thứ tư này Phật dạy hành theo Chánh Đạo có tám yếu tố. Tôi (soạn giả) xin rút bài kinh khác giải rõ Bát Chánh Đạo lại trình bày trên đây hầu quý vị, vì trong bài Chuyển Pháp Luân chỉ có đếm đủ tám chi thôi.

### Sammàditthi (Chánh kiến)

Đây là Phật ngôn trong bài kinh Maggavibhanga dạy rằng:

Kattamà ca bhikkhave samma bhikkhave ditthi yam kho bhikkhave dukkhena nam.

Này các thầy Tỳ Khuru! Chánh kiến là gì? Chánh kiến là: 1) Sự biết rõ khổ, 2) sự biết rõ nhân sanh khổ, 3) Sự biết rõ dập tắt khổ. Và 4) Sự biết nương pháp hành cho đến nơi dập tắt khổ. Này các thầy Tỳ Khuru: sự hiểu biết như thế gọi là Chánh kiến.

### Sammàsankappa (Chánh tư duy)

KATAMÀ CA BHIKKHAVE samma SANKAPPO YÀ KHO bhikkhave  
NEKKAMMASAKAPPO. ABHYÀPÀDASANKAAPPO AVIHIMÀSÀ –  
KAPPO.

Này các Tỳ Khuru, Chánh tư duy là thế nào? Chánh tư duy là: 1) sự suy nghĩ thoát trần (xuất gia). 2) sự suy nghĩ không cột oan trái. 3) sự suy nghĩ không làm hại người. Này các thầy Tỳ Khuru, hành như thế này gọi là Chánh tư duy (suy nghĩ chơn chánh).

### **Sammàvaca (Chánh ngữ)**

Katama ca bhikkhave bhikkhavesammàvaca yakho bhikkhave veramanì pharusaya  
vacaya vermanì. Samphappalapa veramanì ayam vuccati bhikkhave samavaca.

Này các thầy Tỳ Khuru! Chánh ngữ là thế nào? Chánh ngữ là: 1) tác ý lánh xa sự nói dối. 2) tác ý lánh xa sự nói lời đâm thọc. 3) tác ý lánh xa sự nói lời đê tiện. 4) tác ý lánh xa sự nói lời vô ích. Này các thầy Tỳ Khuru! Sự nói như thế gọi là Chánh ngữ (lời nói chơn chánh).

### **Sammakammanta (Chánh nghiệp)**

Katama ca bhikkhave v.v....

Này các thầy Tỳ Khuru! Chánh nghiệp là thế nào? Chánh nghiệp là: 1) tác ý lánh xa sự sát sanh. 2) tác ý lánh xa sự trộm cắp. 3) tác ý lánh xa sự tà dâm. Này các thầy Tỳ Khuru! Hành như thế này gọi là Chánh nghiệp (sự làm chơn chánh).

### **Sammà ajivo (Chánh mạng)**

Katamà ca bhikkhave v.v....

Này các thầy Tỳ Khuru! Chánh mạng là thế nào? Chánh mạng là các thầy Tỳ Khuru bậc đệ tử thuộc hàng thánh nhân trong Phật Giáo: 1) nuôi mạng chơn chánh. 2) không nuôi mạng trái với đạo lý. 3) nuôi mạng theo lẽ phải. Này các thầy Tỳ Khuru! Nuôi mạng như thế gọi là Chánh mạng.

Riêng về người tại gia cư sĩ nuôi mạng chơn chánh là không lường gạt lấy của kẻ khác, giết thú ăn, biết là của bất nghĩa không nên lấy về dùng, mặc dầu của ấy là của rơi rớt vô chủ.

### **Sammavàyama (Chánh tinh tấn)**

Katamà ca bhikkhave v.v....

Này các thầy Tỳ Khuru! Thế nào gọi là Chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn là các thầy Tỳ Khuru trong Phật Giáo:

- Vun trồng sự hoà thích trong sự tinh tấn không để cho tội lỗi phát sanh lên, không để cho tội chưa phát sanh lên lại sanh lên trong tâm, cố gắng hết sức để giữ tâm cho vững chắc.

- Vun trồng sự hoà thích tinh tấn diệt trừ các pháp đã sanh trong tâm rồi cho tiêu diệt và giữ tâm cho trong sạch.

- Vun trồng sự hoà thích tinh tấn cho thiện pháp chưa sanh trong tâm làm cho phát sanh và giữ tâm cho vững chắc trong thiện pháp.

- Vun trồng sự hoà thích tinh tấn làm cho các thiện pháp đã có trong tâm hằng này nở tiến hoá thêm lên mãi mãi và làm cho tâm càng vững chắc trong thiện pháp.

## Sammāsati (Chánh niệm)

Katamā ca bhikkhave v.v....

Này các thầy Tỳ Khuru! Thế nào gọi là Chánh niệm? Chánh niệm là các thầy Tỳ Khuru trong Phật Giáo hằng suy nghĩ thấy thân trong thân, có sự tỉnh tấn thiêu đốt phiền não, tự mình biết lấy mình, có sự nhớ được mọi việc làm và sự hành động của mình trong mọi sát na, diệt sự ưa muốn và ghét bỏ. Nhận thấy thọ trong thọ ... uy nghĩ thấy tâm trong tâm ... suy nghĩ thấy pháp trong pháp...

## Sammāsamādhī (Chánh định)

Katamā ca bhikkhave v.v....

Này các thầy Tỳ Khuru! Thế nào gọi là Chánh định? Chánh định là các thầy Tỳ Khuru trong Phật Giáo: 1) tâm vắng lặng những sự việc bên ngoài. 2) vắng lặng dục tình. 3) vắng lặng các ác pháp, nhập Sơ Thiền có Tâm, Sát, Hỷ, Lạc, An và Định.

Vì diệt được Tâm và Sát nên nhập Nhị Thiền nên làm cho tâm càng thêm trong sạch xa lánh trần nhiều hơn. Đây là nhân làm cho Tâm càng trong sạch làm cho Định càng vững mạnh thêm trong sạch hơn nhiều Hỷ, Lạc, An được thêm sự trong sạch vì oai lực của Định.

Hơn ấy nữa, vì không cần Hỷ, Lạc với tâm đã bình tĩnh có đủ trí nhớ và biết mình (chỉnh tâm) và tâm đang hưởng sự an lạc do nơi oai lực của tâm xả. Trí nhớ và biết mình là nhân mà các bậc thánh nhân hằng ngợi khen, người có tâm xả là người có trí nhớ điều chỉnh tâm và hưởng an vui nên gọi là Tam Thiền.

Khi đã diệt được khổ và lạc, những sự vui buồn đã có từ xưa đều bị dập tắt được do nơi Tứ Thiền. Không còn vui mà cũng không có khổ chỉ có trí nhớ để ở trong Xả.

Này các thầy Tỳ Khuru! Sự đề tâm như thế gọi là Chánh định.

Trên đây tôi dịch sát nghĩa theo Phật ngôn chắc quý vị đã hiểu rõ rồi xin khỏi giải thêm.

-ooOoo-

I-7

## LUẬN GIẢI TRUNG ĐẠO

Phàm đã làm đệ tử Phật thì không ai không hiểu Trung đạo. Vì Trung đạo là con đường đi tới giải thoát của chư Phật. Người muốn giải thoát ngoại trừ ra đường Trung đạo thì không còn con đường nào khác hơn. Vì chỉ có một đường duy nhất đi đến Niết Bàn mà thôi.

Tại sao gọi là Trung đạo?

Tương nên nhắc lại rằng: Trước khi có Phật Giáo tại Trung Ấn Độ hay gọi là cõi Diêm Phù Đề có rất nhiều Tôn Giáo khác nhau, phần nhiều các giáo phái ấy đều dạy người hành khổ hạnh. Vì người đời ấy tin rằng: hành khổ hạnh mới làm cho các Đấng thần linh hay Đấng thiêng liêng cảm động ban ân huệ, hay là khi hành khổ hạnh như thế mới diệt được phiền não trong lòng.

Theo lời Đức Phật dạy gọi hạnh ấy là thái quá. Có chia ra 2 điều thái quá là:

- *Kamasukhallikanuyoga*: Nghĩa là người hành đạo nhưng còn lẫn với sự hành lạc trong ngũ trần, lục dục gọi là hành đạo quá dùng.

- *Attakilamatthānuyoga*: hành làm cho thân này quá khổ cực gọi là thái quá hay cũng gọi là khổ hạnh.

Hai phương pháp kể trên, khi chưa thành đạo, Bồ Tát Sĩ Đạt Ta phải bỏ ra 6 năm để hành. Nhưng không đem lại kết quả nào xứng đáng theo ý muốn của Ngài, nên Ngài lại hành theo Trung đạo.

Sau khi thành đạo, bài Pháp đầu tiên là Chuyển Pháp Luân, Ngài dạy rằng:

*Dvmebhikkhave antāpabbajī tena nasevitabbā*: Nay các thầy Tỳ Khuru! Hai phái thái quá mà các bậc xuất gia không nên xu hướng theo, không nên hành theo. Hai Pháp thái quá ấy là gì?

Một là Pháp làm cho tâm quyến luyến theo tình dục. Pháp hèn hạ, Pháp của kẻ thế gian, Pháp của phạm nhân chẳng lợi ích chi.

Hai là Pháp khổ hạnh làm cho thân hình tiêu tụy cực khổ chẳng phải là Pháp của một cao nhân, cũng chẳng có lợi ích chi.

Nay các thầy Tỳ Khuru! Sự tu hành theo Trung đạo không nên thiên theo 2 điều thái quá ấy.

Bát Chánh Đạo có thể tóm lại là Tam Học:

Tuệ: Chánh kiến, Chánh tư duy

Giới: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng

Định: Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định

### Phận sự của Tứ Diệu Đế

Phận sự của Tứ Diệu Đế là sự cố gắng hành đúng theo Bát Chánh Đạo. Người hành phải hành một lúc đúng theo tám chi của đạo và cũng phải trong sạch bằng nhau trong một lúc, không thể thiếu sót một chi nào trong một của tám điều ấy. Nghĩa là không dư không thiếu.

Tôi xin ví dụ, như trong một thang thuốc có tám vị, phải dùng đúng theo phân lượng và khía sắc thuốc cũng phải còn lại bao nhiêu không thể nhiều hơn hay ít hơn được. Đây cũng như sự hành đạo phải hành đúng theo Bát Chánh Đạo, có tám chi không thể thiếu sót mặc dầu một chi của một điều nào trong Bát Chánh Đạo.

Đây là Phật ngôn dạy:

*Dukkhaṇyrodhagāminī patipadā ariyasaccam bhāvetabbam*.

Diệu Đế là đạo để nghĩa là sự hành theo đạo cho đến diệt tận phiền não và Khổ, hành giả nên hành theo.

Có nhiều người hỏi tôi (soạn giả): Thời kỳ này còn có đạo quả chăng? Có người đắc đạo quả và Niết Bàn không?

Đáp: Phật dạy phương pháp hành để đắc Niết Bàn là Bát Chánh Đạo. Nếu Bát Chánh Đạo còn thì đạo quả còn. Còn người hành đúng theo Bát Chánh Đạo là còn có người đắc được đạo quả và Niết Bàn. Nếu người ai ai muốn giải thoát đến Niết Bàn thì cứ hành đúng theo Bát Chánh Đạo. Vì đó là con đường đi ngay đúng vào Niết Bàn.

Sở dĩ mà thời pháp đầu tiên thuyết tại vườn Lộc Giả được tên là Chuyển Pháp Luân có ý nghĩa xoay bánh xe Pháp. Ý nói thời pháp ấy dạy 3 luân và 12 thể của Tứ Diệu Đế. Khi người nhận định thấy rõ 3 luân và 12 thể rõ rệt thì người ấy là người giải thoát luân hồi.

Ba luân và 12 thể ấy là gì?

Như quý vị đã biết Tứ Diệu Đế là 4 điều: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Hành giả phải hiểu rõ mỗi đế có 3 điều gọi là 3 luân nhân cho 4 đế ra làm 12 thể.

Câu chốt của bài kinh Chuyển Pháp Luân đức Thế Tôn dạy: Khi mà Ngài chưa tìm thấy rõ 3 luân và 12 thể trong Tứ Diệu Đế là chưa đắc quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau khi Ngài đắc được 3 luân 12 thể nên Ngài mới đắc được quả cao thượng ấy.

Ba luân ấy là:

- Tuệ thấy rõ Khổ.
- Tuệ suy nghĩ thấy và hiểu rõ Khổ
- Tuệ thấy và biết rõ là hoàn toàn giải thoát khỏi Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đều có 3 luân như thế nên gọi là 12 thể.

Sau khi thuyết dứt thời Pháp đức Thế Tôn biết rằng: Trong 5 vị có một vị già nhất đắc Tu Đà Hườn quả. Nên Ngài mới dạy rằng: *Annasi vata bhokondanno* nghĩa là Kondanna (Kiều Trần Như) đã thấy rõ Thánh Pháp rồi. Vì vậy từ ấy Ngài Kiều Trần Như có tên là A Nhã Kiều Trần Như.

Xin nói thêm về *Attha* (ý nghĩa) của Tứ Đế. Khổ đế có 4 *Attha* (ý nghĩa):

- Pilanatto*: Có nghĩa là làm hại
- Sankhatatto*: Có nghĩa là hợp các nguyên nhân
- Santapatto*: Có nghĩa là làm cho nóng nảy
- Viparinamatto*: Có nghĩa là thay đổi.

Tập đế có 4 *Attha* (ý nghĩa):

- Ayuhanattho*: Có nghĩa là làm cho Khổ phát sanh
- Nidanattho*: Có nghĩa là nhân làm cho Khổ sanh
- Sanyogattho*: Có nghĩa là hội hợp tất cả điều Khổ
- Palipolattho*: Có nghĩa là làm cho bận lòng vì Khổ.

Diệt đế có 4 *Attha* (ý nghĩa):

- Nissaranattho*: Có nghĩa là đem mình ra khỏi luân hồi.
- Appalibodhattho*: Có nghĩa là không còn bận rộn vì khổ.
- Alankalattho*: Có nghĩa là nguyên nhân cấu tạo không thể hội hợp lại không thể cấu tạo được.
- Amattho*: Có nghĩa là bất tử.

Đạo đế có 4 *Attha* (ý nghĩa):

- Niyyanattho*: Có nghĩa là đi ra khỏi vùng luân hồi.
- Hetavattho*: Có nghĩa là nhân diệt khổ
- Dassanattho*: Có nghĩa là thấy rõ Niết Bàn
- Adhipayattho*: Có nghĩa là chủ nhân (ý nói không còn dưới quyền của phiền não)

Sau khi đắc được Tu Đà Hườn quả, Kiều Trần Như không còn hoài nghi Phật bảo và Pháp bảo nên bạch với Phật rằng: Bạch hoá đức Thế Tôn, đệ tử xin xuất gia với đức Đại giác.

Đức Thế Tôn dạy: *Ehi bhikkhu*, thầy hãy trở nên vị Tỷ Khuru hành theo thánh đạo và phạm hạnh đúng theo luật của Như Lai đã dạy hầu diệt tận phiền não.

Khi dạy dứt lời thì râu tóc của vị Kiều Trần Như đều rụng, trên mình có đắp bộ y cà sa vàng. Sau ấy 4 vị kia mới xin xuất gia.

Ngày 16 âm lịch Ngài thuyết pháp độ vị thứ nhì đắc Tu Đà Hườn quả vị ấy là Đại đức Vappa. Còn 4 vị kia đi khát thực.

Ngày 17 âm lịch Đức Phật thuyết pháp độ Đại đức Bhaddiya đắc Tu Đà Hườn quả.

Ngày 19 âm lịch đức Thế Tôn thuyết pháp độ Đại đức Assaji Tu Đà Hườn quả.

Đến ngày 30 âm lịch Đức Phật hội 5 vị lại và thuyết bài *Anattalakkhana-sutta* (Vô ngã tướng kinh) (quý vị muốn xem nguyên văn xin xem quyển kinh tụng của Đại đức Hộ Tông đã xuất bản). Nơi đây tôi xin lược thuật để hiểu thôi.

\* \* \*

Đức Thế Tôn dạy:

*Rupam bhikkhave anattā*, Này các thầy Tỳ Khuru! Thân này không phải của ta, vì vậy hằng bị các bệnh hoạn. Không thể ngăn cản rằng: Thân ta nên trẻ đẹp và trang điểm rất đẹp ví như cây cột bằng vàng chạm trổ rất tinh vi, trông coi rất đẹp mắt. Mặc dầu lo trang điểm cho đẹp như thể, nhưng nó vẫn thay đổi vì bệnh hoạn tàn phá, không thể tồn tại như lời ta bảo. Ngoài ra Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng chẳng phải của ta. Những pháp ấy cũng không chịu dưới quyền sai bảo và cầm đoán của ta.

Rồi Ngài vẫn chư Tăng rằng: Này các thầy Tỳ Khuru! Các thầy nghĩ sao?

Chư tăng đáp: Bạch Ngài thân sắc này vô thường.

- Nếu thân sắc này vô thường thì khổ hay vui?

- Bạch Ngài, là khổ.

- Nếu sắc thân này khổ, vậy các thầy suy tưởng thấy có phải cần ta hay không?

- Bạch Ngài, sắc thân này không phải ta, mà cũng không phải là của ta.

Rồi đức Thế Tôn hỏi Thọ, Tướng, Hành, Thức như trên, và Chư tăng cũng trả lời như trên.

Đức Thế Tôn mới dạy Ngũ Uẩn ở quá khứ cũng như hiện tại và vị lai mặc dầu là của ta hay của người, đẹp hay xấu, thô hay vi tế, nếu nó là Ngũ Uẩn hay có sắc thì hằng ở dưới 3 tướng là vô thường, Khổ não, Vô ngã. Các thầy nên lấy đó mà quán tưởng cho thấy rõ rệt là vô thường, khổ não và vô ngã. Do nhờ sự quán tưởng như thế nên chư Thánh Văn đệ tử Phật chán nản với Ngũ Uẩn. Không ưa mến Ngũ Uẩn nên được giải thoát là đắc được A La Hán quả tuệ, thì tức nhiên tự mình thấy rằng: Ta đã diệt trừ tận phiền não, phạm hạnh của Phật giáo đã hành xong.

Sau khi thuyết bài Vô ngã tướng kinh, cả 5 vị đều giải thoát nghĩa là đắc được quả A La Hán.

Trong ngày ấy, 30 tháng 6 âm lịch, trong Tam Giới có 6 vị Thánh Nhơn: Một đức Chánh Đẳng Chánh Giác và 5 vị A La Hán.

**MAHA THONGKHAM MEDHIVONGS**

-ooOoo-

# DỊCH NGHĨA KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (DHAMMACAKKAPPAVATTANA-SUTTA)

(trích trong bộ luật MAHĀVAGGA phần PATHAMADESANA,  
và cũng trong bộ SAMYUTTA NIKĀYA)

## BỐ CÁO

Kính bạch chư hiền giả:

Phạm Thiên SAHAMPATI thỉnh cầu đức Thế Tôn thuyết pháp độ sanh, đức Thế Tôn nhận lời, Ngài đã ngự đến khu rừng nơi vườn Lộc Giả (ISIPATANA), nơi trước kia chư Phật Độc Giác thường ngự xuống, gần thành BĀRĀNASĪ. Bấy giờ tại nơi đây có nhóm 5 Tỷ Khuru: Ngài KONDANNA, Ngài VAPPA, Ngài BHADIYA, Ngài MAHĀNĀMA và Ngài ASSAJI, đức Thế Tôn thuyết bài kinh đầu tiên gọi là DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA kinh Chuyển Pháp Luân, giảng giải về Pháp Tứ Thánh Đế để tế độ nhóm 5 Tỷ Khuru. Nhóm 5 Tỷ Khuru cùng tất cả chư thiên, Phạm Thiên vô cùng hoan hỷ.

Nghe xong, Ngài KONDANNA là bậc thỉnh văn đại đệ tử đầu tiên chứng ngộ Tứ Thánh Đế, chứng đắc thánh đạo, thánh quả nhập lưu, đồng thời có 180 triệu chư thiên, Phạm Thiên cùng chứng ngộ Tứ Thánh Đế, chứng đắc thánh đạo, thánh quả nhập lưu. Bài kinh này đem lại sự lợi ích cho thế gian và siêu thế giới.

Kính bạch chư hiền giả, vì mong sự lợi ích, sự tấn hoá, sự an vui lâu dài cho tất cả chúng sanh, nay chúng tôi sẽ tụng bài kinh Chuyển Pháp Luân ấy.

\* \* \*

## MỞ ĐẦU:

Kính bạch Ngài Đại đức Trưởng lão MĀHAKASSAPA khả kính, con là ANANDA được nghe bài kinh Chuyển Pháp Luân từ đức Thế Tôn như vậy:

Một thớ nọ, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng, nơi vườn Lộc Giả ISIPATANA, trước kia chư Phật độc giác thường ngự xuống. Tại đây, đức Thế Tôn gọi nhóm 5 Tỷ Khuru: Ngài KONDANNA, Ngài VAPPA, Ngài BHADIYA, Ngài MAHĀNĀMA và Ngài ASSAJI mà dạy rằng:

## HAI PHÁP THẤP HÈN (DVE ANTĀ)

Này chư Tỷ Khuru, có 2 pháp cực đoạn thuộc về 2 biên kiến người xuất gia không nên hành theo. Hai pháp ấy như thế nào?

Một là việc thường thụ hưởng lạc thú trong ngũ dục hợp với tâm tham ái và thường kiến; thấp hèn của hạng tục gia phàm phu không phải của bậc Thánh Nhơn, không đem lại lợi ích an vui nào.

Hai là việc thường tự ép xác hành khổ mình, hợp với tam sân hận và có đoạn kiến, thuộc pháp hành khổ hạnh của ngoại đạo, không thuộc bậc Thánh Nhơn, không đem lại sự lợi ích an vui nào.

## PHÁP HÀNH TRUNG ĐẠO (MAJJHIMA PATIPADA):

Này chư Tỷ Khuru, không thiên về 2 biên kiến ấy, Như Lai đã hành theo pháp hành Trung đạo, nên đã chánh giác Tứ Thánh Đế bằng trí tuệ siêu thế, làm cho tuệ nhân phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ phát sanh, để làm vắng lặng hẳn mọi phiền não, trí tuệ siêu việt thông suốt chân lý Tứ Thánh Đế, giác ngộ thánh đạo, thánh quả, chứng đắc Niết Bàn.

Này chư Tỳ Khuru, thế nào gọi là pháp hành Trung đạo mà Như Lai đã chánh giác Tứ Thánh Đế (bằng trí tuệ siêu thế), làm cho tuệ nhân phát sanh, làm cho vắng lặng hẳn mọi phiền não, cho trí tuệ siêu việt thông suốt chân lý Tứ Thánh Đế, Giác Ngộ thánh đạo, thánh quả chứng đắc Niết Bàn?

Này chư Tỳ Khuru, pháp hành Trung đạo đó chính là thánh đạo hợp đủ tám chi cao thượng là:

- 1) Chánh kiến: Trí tuệ chọn chánh chứng ngộ Tứ Thánh Đế
- 2) Chánh tư duy: Tư duy chọn chánh, có 3 điều: Tư duy ra khỏi cảnh ngũ dục, tư duy không thù hận và tư duy không làm khổ mình, khổ người.
- 3) Chánh ngữ: Lời nói chọn chánh có 4: Tránh xa sự nói dối, sự nói lời đâm thọc chia rẽ, sự nói lời thô tục chửi rủa, mắng nhiếc và sự nói lời phù phiếm vô ích.
- 4) Chánh nghiệp: hành nghiệp chọn chánh có 3 là: Tránh xa sự sát sanh, sự trộm cắp, sự tà dâm.
- 5) Chánh mạng: Nuôi mạng chọn chánh là xa cách sống tà mạng do 3 lại thân hành ác và 4 loại khẩu nói ác.

6) Chánh tinh tấn: Tinh tấn chọn chánh có 4 điều là:

- Tinh tấn không để cho ác Pháp phát sanh.
- Tinh tấn diệt ác Pháp đã phát sanh.
- Tinh tấn để cho thiện pháp phát sanh.
- Tinh tấn để cho thiện pháp phát sanh càng thêm, phát triển.

7) Chánh niệm: Niệm chọn chánh có 4 là:

- Niệm thân: dùng thân làm đối tượng cho chánh niệm và tỉnh giác.
- Niệm thọ: dùng thọ làm đối tượng cho chánh niệm và tỉnh giác.
- Niệm tâm: dùng tâm làm đối tượng cho chánh niệm và tỉnh giác.
- Niệm pháp: dùng pháp làm đối tượng cho chánh niệm và tỉnh giác.

(chỉ có Tứ niệm xứ này mới gọi là Chánh niệm).

8) Chánh định: Tâm định chọn chánh có 5 là:

- Tâm Định đệ nhất thiền
- Tâm Định đệ nhị thiền
- Tâm Định đệ tam thiền
- Tâm Định đệ tứ thiền
- Tâm Định đệ ngũ thiền

(nhưng tâm định này chỉ khi đồng sanh với thánh đạo tâm và thánh quả tâm mới gọi là Chánh Định)

Này các thầy Tỳ Khuru! Nhờ pháp hành Trung đạo là thánh đạo hợp đủ tám chánh cao thượng này mà Như Lai đã chánh giác Tứ Thánh Đế (bằng trí tuệ siêu thế) làm cho tuệ nhân phát sanh, để làm cho vắng lặng mọi phiền não, để trí tuệ thông suốt chân lý Tứ Thánh Đế, để giác ngộ thánh Đạo thánh Quả, chứng đắc Niết Bàn.

## **TỨ THÁNH ĐẾ**

### ***KHỔ THÁNH ĐẾ (DUKKHA ARIYASACCA)***

Này chư Tỳ Khuru, Khổ Thánh Đế là.

- Tái sanh là Khổ, già là Khổ, bệnh là Khổ và chết là Khổ, trái nghịch ý lòng cũng là Khổ.
- Phải xa lìa người thường yêu hay mất cảnh vừa lòng cũng là Khổ.

Câu rằng: "Vui biết chừng nào! mong cho ta đừng có sanh, đừng có già, đừng có bệnh, đừng có chết..." Như vậy, câu mà không thể được như ý cũng là khổ. Tóm lại Ngũ Uẩn là đối tượng của chấp thủ do tâm tham ái và tà kiến là khổ. Thực tánh những sự khổ nói trên ấy là sự thật là bậc thánh nhân đã chứng ngộ gọi là Khổ Thánh Đế.

### ***TẬP THÁNH ĐẾ (DUKKHASAMUDAYA ARIYACCA):***

Này chư Tỳ Khuru! Nhân sanh Khổ Thánh Đế này chính là tâm tham ái, là nhân dẫn dắt tái sanh, hợp với tham muốn thoả thích, có trạng thái thường say đắm hoan lạc trong kiếp sống hay các đối tượng. Nhân sanh Khổ Thánh Đế ấy là:

- DỤC ÁI (KÀMATANHÀ): Tham đắm trong 6 cảnh trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.
- HỮU ÁI (BHAVATANHÀ): Tham đắm trong 6 cảnh trần hợp với thường kiến, hay tham ái trong thiên hữu sắc, thiên vô sắc, hoặc cõi trời hữu sắc, cõi trời vô sắc.
- PHI HỮU ÁI (VIBHAVATANHÀ): Tham đắm trong 6 cảnh trần hợp với đoạn kiến, hay tham ái trong thiên vô sắc, hoặc cõi trời vô sắc.

Thực tánh 3 loại tham ái ấy là nhân sanh Khổ Thánh Đế mà bậc thánh nhân đã chứng ngộ, còn gọi là Tập Thánh Đế.

### ***DIỆT THÁNH ĐẾ (DUKKHANIRODHA ARIYASACCA):***

Này chư Tỳ Khuru! Diệt Khổ Thánh Đế này chính là Niết Bàn, là nơi diệt tận nhân sanh khổ, diệt tận khổ, là nơi diệt tận tâm tham ái không còn dư sót bằng thánh đạo, nơi xả ly Ngũ Uẩn, nơi từ bỏ Ngũ Uẩn, nơi giải thoát khổ, nơi không còn có gì để luyến ái, dính mắc nữa.

Niết Bàn Diệt Khổ Thánh Đế ấy là sự thật mà bậc thánh nhân đã chứng ngộ còn gọi là Diệt Thánh Đế.

### ***ĐẠO THÁNH ĐẾ (DUKKANIRODHAGAMINIPATIPADA ARIYASACCA):***

Này chư Tỳ Khuru! Pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, nơi Diệt Khổ Thánh Đế này, chính là thánh đạo hợp đủ tám chánh: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Bát Chánh Đạo, pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, nơi Diệt Khổ Thánh Đế ấy, là sự thật mà bậc thánh nhân đã chứng ngộ, gọi là Đạo Thánh Đế.

-ooOoo-

**I-9**

## **BA BẠC TRÍ TUỆ TRONG TỨ THÁNH ĐẾ**

### **1- BA BẠC TRÍ TUỆ TRONG KHỔ THÁNH ĐẾ**

#### ***a) TRÍ TUỆ HỌC BIẾT TRONG KHỔ THÁNH ĐẾ (SACCANÀNA)***

Này chư Tỳ Khuru! Tuệ nhãn (Cakkhu) thấy rõ Khổ Thánh Đế đã phát sanh: Trí tuệ Thiên tuệ (nàna) thấy rõ được tánh Khổ Thánh Đế đã phát sanh, trí tuệ sáng suốt (Pannà) thấy rõ khổ sanh, Tuệ Minh (Vijjā) thấy rõ thấu suốt hoàn toàn Khổ Thánh Đế đã phát sanh, ánh trí tuệ (Àloka)

diệt màn Vô Minh che ám Khổ Thánh Đế đã phát sanh đến Như Lai trong mọi pháp Khổ Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực hành tất cả các pháp (danh pháp, sắc pháp) sanh trong Tam Giới ngoại trừ tâm tham ái ra gọi là Khổ Thánh Đế "

#### ***b) TRÍ TUỆ HÀNH BIẾT TRONG KHỔ THÁNH ĐẾ (KICCANÀNA):***

Này chư Tỳ Kheuru! Tuệ nhãn ... đã phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh, trí tuệ sáng suốt ... đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi mọi pháp Khổ Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực hành tất cả các pháp (danh pháp, sắc pháp) Khổ Thánh Đế ấy là pháp phải biết rõ bằng thánh Đạo tuệ"

#### ***c) TRÍ TUỆ THÀNH BIẾT TRONG KHỔ THÁNH ĐẾ (KATANÀNA)***

Này chư Tỳ Kheuru! Tuệ nhãn ... đã phát sanh; trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh; tuệ sáng suốt ... đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi mọi pháp Khổ Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực hành tất cả các pháp (danh pháp, sắc pháp) Khổ Thánh Đế ấy là pháp phải biết rõ bằng thánh Đạo tuệ rồi "

### **2- BA BẠC TRÍ TUỆ TRONG TẬP THÁNH ĐẾ**

#### ***a) TRÍ TUỆ HỌC BIẾT TRONG TẬP THÁNH ĐẾ (SACCANÀNA)***

Này chư Tỳ Kheuru! Tuệ nhãn thấy rõ tham ái là nhân sanh Khổ Thánh Đế đã phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ thấy rõ thực tánh ba loại tham ái là nhân sanh Khổ Thánh Đế đã phát sanh: Trí tuệ sáng suốt thấy rõ 108 loại tham ái là nhân sanh Khổ Thánh Đế đã phát sanh, Tuệ Minh thấy rõ thấu suốt mọi nhân sanh Khổ Thánh Đế đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ diệt màn Vô Minh che ám nhân sanh Khổ Thánh Đế đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi Tập Pháp Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh ba loại tham ái ấy gọi là nhân sanh Khổ Thánh Đế, còn gọi là Tập Thánh Đế"

#### ***b) TRÍ TUỆ HÀNH BIẾT TRONG TẬP THÁNH ĐẾ (KICCANÀNA)***

Này chư Tỳ Kheuru! Tuệ nhãn... đã phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh, Trí tuệ sáng suốt, đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh ba loại tham ái là nhân sanh Khổ Thánh Đế ấy, là pháp cần phải diệt tận bằng thánh Đạo tuệ"

#### ***c) TRÍ TUỆ THÀNH BIẾT TRONG TẬP THÁNH ĐẾ (KATANÀNA):***

Này chư Tỳ Kheuru! Tuệ nhãn ... đã phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh, Trí tuệ sáng suốt, đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp tập đế mà trước đây khi chưa thành Phật Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh ba loại tham ái là nhân sanh Khổ Thánh Đế ấy, là pháp cần phải diệt tận bằng thánh đạo tuệ rồi".

### **3- BA BẠC TRÍ TUỆ TRONG DIỆT THÁNH ĐẾ:**

#### **a) TRÍ TUỆ HỌC BIẾT TRONG DIỆT THÁNH ĐẾ (SACCANÀNA):**

Này chư Tỳ Khuru! Tuệ nhãn thấy rõ Niết Bàn là Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ thấy rõ trạng thái Niết Bàn là nơi an vui tuyệt đối đã phát sanh; Trí tuệ sáng suốt thấy rõ 2 loại Niết Bàn, 3 loại Niết Bàn đã phát sanh, Tuệ Minh thấy rõ thấu suốt mọi Niết Bàn là nơi Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ diệt tận Vô Minh che ám Niết Bàn là nơi Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh Niết Bàn ấy gọi là Diệt Khổ Thánh Đế, còn gọi là diệt Thánh Đế "

#### **b) TRÍ TUỆ HÀNH BIẾT TRONG DIỆT THÁNH ĐẾ (KICCANÀMA)**

Này chư Tỳ Khuru! Tuệ nhãn ... đã phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh, trí tuệ sáng suốt ... đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp diệt Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh Niết Bàn là Diệt Khổ Thánh Đế ấy là Pháp phải chứng ngộ bằng thánh đạo tuệ"

#### **c) TRÍ TUỆ THÀNH TRONG DIỆT THÁNH ĐẾ (KATANÀNA)**

Này chư Tỳ Khuru! Tuệ nhãn ... đã phát sanh, trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh, trí tuệ sáng suốt ... đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp diệt Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh Niết Bàn là Diệt Khổ Thánh Đế ấy, là pháp phải chứng ngộ thì đã được chứng ngộ bằng thánh đạo tuệ rồi".

### **4- BA BẠC TRÍ TUỆ TRONG ĐẠO THÁNH ĐẾ**

#### **a) TRÍ TUỆ HỌC BIẾT TRONG ĐẠO THÁNH ĐẾ (SACCANÀNA)**

Này chư Tỳ Khuru! Tuệ nhãn thấy rõ Bát Chánh Đạo là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, nơi Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh; trí tuệ Thiền tuệ thấy rõ thực tánh thánh đạo hợp đủ tám chánh là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ là Niết Bàn nơi Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh; Trí tuệ sáng suốt thấy rõ mỗi chi trong Bát Chánh Đạo là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn nơi Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh, Tuệ Minh thấy rõ thấu suốt tất cả mọi chi trong Bát Chánh Đạo là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn là nơi Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ diệt tận Vô Minh che ám Bát Chánh Đạo là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn nơi Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp Đạo Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh thánh đạo hợp đủ tám chánh là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, nơi Diệt Khổ Thánh Đế, còn gọi là Đạo Thánh Đế "

#### **b) TRÍ TUỆ HÀNH BIẾT TRONG ĐẠO THÁNH ĐẾ (KICCANÀNA)**

Này chư Tỳ Khuru! Tuệ nhãn ... đã phát sanh; trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh, Trí tuệ sáng suốt ... đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai

trong mọi pháp Đạo Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh thánh đạo hợp đủ tám chánh là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, nơi Diệt Khổ Thánh Đế, còn gọi là Đạo Thánh Đế ấy, là pháp cần phải tiến hành, là pháp cần được tiến hành".

### ***c) TRÍ TUỆ THÀNH BIẾT TRONG ĐẠO THÁNH ĐẾ (KATANĀNA)***

Này chư Tỳ Khuru! Tuệ nhãn ... đã phát sanh; trí tuệ Thiền tuệ ... đã phát sanh, Trí tuệ sáng suốt ... đã phát sanh, Tuệ Minh ... đã phát sanh, ánh sáng trí tuệ ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp Đạo Thánh Đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thực tánh thánh đạo hợp đủ tám chánh là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, nơi Diệt Khổ Thánh Đế, còn gọi là Đạo Thánh Đế ấy, là pháp cần phải tiến hành, thì đã được tiến hành rồi".

### ***CHƯA CHỨNG NGỘ TỨ THÁNH ĐẾ THÌ CHƯA ĐỦ TUYÊN BỐ THÀNH BẠC CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC:***

Này chư Tỳ Khuru! Khi nào trí tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp một cách hoàn toàn trong sáng thanh tịnh theo ba bậc tuệ luân (trí tuệ học, trí tuệ hành, trí tuệ thành) trong Tứ Thánh Đế thành mười hai thể loại trí tuệ chưa phát sanh đến với Như Lai. Này chư Tỳ Khuru! Khi ấy Như Lai chưa tuyên bố rằng: "Như Lai đã chứng đắc vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác" Trong hàng Sa Môn, Bà La Môn, nhân loại, chư thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả thấy.

### ***ĐÃ CHỨNG NGỘ TỨ THÁNH ĐẾ MỚI TUYÊN BỐ THÀNH BẠC CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC:***

Này chư Tỳ Khuru! Khi nào trí tuệ Thiền tuệ thấy rõ biết rõ thực tánh của các pháp một cách hoàn toàn trong sáng thanh tịnh theo ba bậc tuệ luân trong Tứ Thánh Đế thành mười hai thể loại trí tuệ đã phát sanh đến với Như Lai. Này chư Tỳ Khuru! Khi ấy Như Lai mới mạnh dạn tuyên bố rằng: "Như Lai đã chứng đắc vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong hàng Sa Môn, Bà La Môn, nhân loại, chư thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả thấy".

### ***NHÓM NĂM TỖ KHUU HOAN HỖ, NGÀI ĐẠI ĐỨC KODANNA CHỨNG ĐẮC THÁNH ĐẠO QUẢ NHẬP LƯU ĐẦU TIÊN TRONG GIÁO PHÁP CỦA ĐỨC PHẬT.***

Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân này xong, nhóm 5 Tỳ Khuru vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Ngài. Trong khi bài Pháp thoại được tuyên giảng thì Pháp nhãn (chứng ngộ Thánh Đế), chứng đắc nhập lưu thánh đạo tuệ, tâm không còn bụi nhơ bởi phiền não thường kiến, không còn ô nhiễm bởi đoạn kiến, hoài nghi đã phát sanh đến Ngài Đại đức Kodanna. Ngài biết rõ rằng chắc rằng: "Trạng thái các pháp phát sanh trong Tam Giới, thì tất cả Pháp ấy có sự diệt là thường"

### ***TÒAN THỂ CHƯ THIÊN, PHẠM THIÊN TÁN DƯƠNG CA TỤNG:***

Khi đức Thế Tôn thuyết giảng kinh Chuyển Pháp Luân vừa xong, chư thiên trên địa cầu đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

"Đức Thế Tôn thuyết Chuyển Pháp Luân vô thượng tại vườn Lộc Già Isapātana gần thành Bārāṇasī, chưa từng có Sa Môn, Bà La Môn, hay chư thiên, Ma Vương, Phạm Thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể thuyết Chuyển Pháp Luân như vậy được"

Đồng thời chư thiên trong cõi Tứ Đại Thiên Vương được nghe lời tán dương ca tụng của chư thiên ở địa cầu cũng đồng thanh tán dương ca tụng như trên.

Đồng thời chư thiên trong cõi tam thập tam thiên được nghe lời tán dương ca tụng của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương cũng đồng thanh tán dương ca tụng như trên.

Cũng như vậy, chư thiên ở cõi Dạ Ma Thiên, Hoá Lạc Thiên, Tha Hoá Tự Tại Thiên cũng đồng thanh tán dương ca tụng như trên.

Phạm Thiên cõi trời Sắc giới, được nghe lời tán dương ca tụng của chư thiên ở Tha Hoá Tự Tại Thiên cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

"Đức Thế Tôn thuyết Chuyển Pháp Luân vô thượng tại vườn Lộc Giả Isipatana gần thành Bārāṇasī chưa từng có Sa Môn, hay Bà La Môn, hay chư thiên, Ma Vương, Phạm Thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể thuyết Chuyển Pháp Luân như vậy được".

Ngay khi ấy, ngay lúc ấy, ngay tức khắc lời tán dương ca tụng thấu lên đến cõi trời Sắc giới Phạm Thiên cao nhất là "Sắc Cứu Cánh Thiên" (Akanitthā). Mười ngàn thế giới này đều rung chuyển, rung động, rung rinh cả ánh sáng hào quang của đức Chánh Đẳng Chánh Giác toả rộng vô biên cùng khắp thế giới hơn hẳn tất cả oai lực chư thiên, Phạm Thiên cả thảy.

#### **NGÀI ĐẠI ĐỨC KODANNA CÓ TÊN LÀ ANNASIKONDANNA:**

Khi Ngài Đại đức Kodanna chứng đắc thánh đạo, thánh quả nhập lưu, đức Thế Tôn cảm hứng tự thốt lên cho toàn thể giới biết rằng:

"Này chư vị, quả thật Kondanna đã chứng ngộ Tứ Thánh Đế rồi! Này chư vị, quả thật Kondanna đã chứng ngộ Tứ Thánh Đế rồi!"

Do vậy Ngài Đại đức Kondanna được gọi là Annasikondanna (A-nhã Kiền-Trần-Như, ngài Đại đức Kondanna đã chứng ngộ).

#### **NGÀI ĐẠI ĐỨC ANNASIKODANNA XIN THỌ GIỚI TỖ KHURU VỚI ĐỨC PHẬT:**

Khi ấy Ngài Đại đức Annasikondanna đã phát sanh trí tuệ chứng ngộ Tứ Thánh Đế n, đã biết rõ một cách chắc chắn đúng theo Tứ Thánh Đế, đã thấu rõ thông suốt Tứ Thánh Đế, nên đã tận diệt hoàn toàn mọi điều hoài nghi nơi đức Phật, đức Pháp, v.v... do trí tuệ sắc bén chứng đạt chân lý Tứ Thánh Đế cao thượng trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn một cách vững chắc, ngoài Đức Phật ra không còn tin tưởng nơi người nào khác nữa (vì chính mình đã tự chứng ngộ Tứ Thánh Đế rồi).

Ngài Đại đức Annasikondanna thành kính đánh lễ đức Thế Tôn rồi bạch rằng:

"Kính bạch đức Thế Tôn cao thượng, con thành kính xin Ngài từ bi cho con thọ giới Tỳ Khuru nương nhờ nơi Ngài".

Đức Thế Tôn từ bi đưa ngón tay chỏ chỉ và truyền rằng:

***"Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara braṃacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ"***

(này con, hãy đến với Như Lai, con sẽ trở thành Tỳ Khuru như con cầu xin. Giáo Pháp cao thượng giải thoát khổ luân hồi mà Như Lai đã thuyết giảng, hoàn thiện ở phần đầu, hoàn thiện ở phần giữa, hoàn thiện ở phần cuối, con hãy nên cố gắng thực hành phạm hạnh cao thượng để chứng đắc thánh đạo thánh quả Arahāṃ, chấm dứt sự khổ sanh tử luân hồi).

Chỉ với lời truyền dạy ấy của đức Thế Tôn, Ngài Đại đức Annasikondanna đã trở thành Tỳ Khuru theo cách ***Ehi bhikkhu paṣampadā***.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [1.1](#) | [1.2](#) | [2.1](#) | [2.2](#) | [2.3](#) | [2.4](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 08-2001).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 01-08-2001

**Chuyển Pháp Luân và Tứ Diệu Đế**  
**Maha Thongkham và Huỳnh Văn Niệm soạn dịch**  
**Tái bản năm 1995 tại Sài Gòn**

**Phần II**

**BỐN CHÂN LÝ CAO SIÊU**  
**(Tứ Diệu Đế - Ariya Sacca)**

-ooOoo-

**XIN ĐỌC GIẢ LƯU Ý KHI BƯỚC VÀO NỘI DUNG**

- Chữ đứng là những câu Phật ngôn.
- *Chữ nghiêng* là lời giải thích của Đại đức Nyanatiloka và của soạn giả.
- Số và chữ bên lề ghi những phẩm của Tạng Kinh:

**D** ... Digha Nikàya (Trường Bộ)  
**M** ... Majjhima Nikàya (Trung Bộ)  
**A** ... Anguttara Nikàya (Tăng Chi)  
**S** ... Samyyutta Nikàya (Tương Ưng)  
**DHP** ... Dhammapada (Pháp Cú)  
**UD** ... Udàna (Phật Tự Thuyết)  
**IT** ... Itivuttaka (Phật Thuyết Như Vầy)  
**SUP** ... Sutta Nipàta (Kinh Tập)  
**VM** ... Visuddhi Magga (Thanh Tịnh Đạo)

-ooOoo-

**M. 141** - "Hỡi các Tỳ Khuru! Đáng trọng lành, Đáng siêu việt, Đáng hoàn Toàn Giác Ngộ đang xây dựng tại vườn Lộc Giả (Isipatana) gần thành Bāranaśi một giang sơn tuyệt vời về chân lý mà trong khắp các giới: Đạo sĩ, Bà La Môn, Phạm Thiên, người, Ma Vương, A Tu La hay một ai khác không sao phủ nhận.

Đáng Chí tôn đã công bố, khai sáng chỉ dẫn, giải thích đúng theo thực tế về 4 chân lý cao siêu như thế nào?

Chân lý cao siêu về sự Khổ.  
Chân lý cao siêu về nguyên nhân sự Khổ.  
Chân lý cao siêu về sự dứt Khổ.  
Chân lý cao siêu về con đường đưa đến nơi dứt Khổ".

**S. 54** - Đức Thế Tôn thuyết: "Này các đệ tử! Trước khi thành đạt trí tuệ cùng tột và 4 chân lý cao siêu chưa phát hiện rõ rệt, đã hèn lâu ta nghi ngờ về tư cách Giác Ngộ mà từ xưa tới nay,

trên khắp thế gian chẳng có hạng chúng sanh nào thông suốt kể cả: Đạo sĩ, Bà La Môn, Phạm Thiên, Ma Vương, A tu la, nhân loại. Chỉ có khi thấu rõ và thành đạt tuệ giác về 4 chân lý cao siêu ấy, ta mới quả quyết là đã đến nơi hoàn Toàn Giác Ngộ không có chi sánh bằng".

**M. 26** - "Rồi Như Lai khám phá ra được chân lý cao thâm huyền diệu đó, rất khó lĩnh hội, khó thông suốt. Nó đem lại an vui tuyệt đối, nhưng không thể thành tựu bằng lý luận và chỉ có bậc hiền triết mới thấu rõ.

Chúng sanh lại chú trọng về những thú vui, say mê trong hỷ lạc, hân hoan trong sự bê tha, không thấu rõ về qui luật về cội rễ của vạn vật, không thông suốt tư cách kết thúc của những vật hữu vi, không chịu huy diệt nguyên tố tái sanh, tham muốn để chứng quả Niết Bàn.

Tuy nhiên cũng có hạng chúng sanh với đôi mắt chứa ít bụi nhơ sẽ thấy được chân lý cứu cánh".

-ooOoo-

## II-1

### CHÂN LÝ CAO SIÊU VỀ SỰ KHỔ (Khổ đế - *Dukkha Ariya sacca*)

**D.22** - "Thế nào là chân lý cao siêu về sự Khổ?

Tư cách sanh trưởng là Khổ. Sự suy bại Già nua là Khổ, chết là Khổ, Đau đớn là Khổ. khốc than, phiền não, thất vọng, muốn không được là Khổ. Năm uẩn bảo trì nguồn sống là Khổ".

SANH LÀ THẾ NÀO?

"Trạng thái sanh trưởng của chúng sanh thuộc các giới cấp từ lúc ra đời, sự cấu tạo suốt quá trình đi đến kiếp sống, tư cách bùng tỉnh cả Ngũ Uẩn, cội rễ của đời sống, sự hoạt động của lục căn đều gọi là sanh".

GIÀ LÀ GÌ?

"Trạng thái Già nua của chúng sanh thuộc các giới cấp đã có nhiều tuổi thọ, xác thân rệu rã, suy nhược nhăn nhó, giảm sinh khí, lục căn mòn mỏi đều gọi là Già".

SAO GỌI LÀ CHẾT?

"Tư cách từ biệt sự ra đi vĩnh viễn của chúng sanh thuộc các giới cấp, xác thân tan vỡ hư hoại, nguồn sống đứt đoạn, Ngũ Uẩn phân tán, thân thể không còn, đều gọi là Chết".

THẾ NÀO GỌI LÀ KHỔ SÂU?

"Trường hợp phát sanh phiền muộn vì mất mát, thiệt thòi làm cho điên đảo, hoảng hốt, tủi sầu, thất vọng trong tâm não đều gọi là sâu Khổ".

THAN TIẾC LÀ GÌ?

"Tai nạn sụp đổ, mất mát thiệt thòi về tài sản hay vật quý trọng gây ra phiền muộn âu sầu, bơ vơ luyến tiếc, tủi phận đó là sự than tiếc".

SAO GỌI LÀ ĐAU ĐÓN?

"Xác thân bị hành hạ đánh đập. Gặp việc trái ý nghịch lòng, cảm xúc náo nức, không vui thích khi xác thịt đụng chạm, đều làm cho đau đớn".

## SỰ KHỔ TÂM?

"Lương tâm cắn rứt, chán ghét vật không vừa ý, cảm giác khó chịu, nhòe chán trong khi xác thân đụng chạm, đó là Khổ tâm".

## THẤT VỌNG?

"Là những nguy cơ phát sanh do tai hoạ, mất mát, hư hoại vô phương cứu vãn gọi là thất vọng".

## KHỔ VÌ MUÔN MÀ KHÔNG ĐƯỢC

"Đối với hạng chúng sanh còn mắc trong luân hồi thường có ý nghĩ như vậy: Than ôi! Phải chi ta không bị luân hồi. mong sao ta không khỏi tái sanh nữa!

Hoặc giả đang bị những cảnh: Bệnh tật, Già nua, từ biệt, khổ đau, thất vọng chi phối, chúng sanh đó lại ước mong: "Than ôi! Phải chi những tai hoạ ấy đừng đến với ta! Phải chi ta không gặp phải những điều như vậy!" Nhưng không thể cầu mong suông mà được - lẽ đó sự chẳng toại nguyện là Khổ".

## LUYỆN ÁI NGŨ UẨN (KHANDHA)

"Năm uẩn đó là: hình thể (sắc), cảm giác (thọ), chấp nhận vào tâm (tưởng), phối hợp tư tưởng (hành), hiểu biết (thức).

Tư cách chấp trước cho rằng những uẩn ấy là ta, đó là nguồn gốc đem lại muôn vàn thống khổ".

**S.21-** "Hiện tượng vật chất nào, bất cứ ở nơi ta, dù nó thanh cao hèn hạ, ở xa hay gần, đều thuộc sắc uẩn làm cho phát sanh luyến ái.

Thọ thuộc uẩn thọ.  
Tưởng thuộc về uẩn tưởng.  
Hành thuộc về uẩn hành.  
Thức thuộc về uẩn thức".

## GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYNATILOKA (theo Abhidhamma - Vi Diệu Pháp)

*Cái mà chúng ta gọi là đời sống cá nhân, trên thực tế chỉ là một chuỗi dài các trạng thái về thể xác (vật chất) và tâm thức (tinh thần) được gọi là danh và sắc (nāmarūpa). Những trạng thái đó có từ vô thủy trước kiếp sống hiện tại và sẽ tiếp tục mãi sau khi chết, và cứ như thế trong thời gian vô cùng tận. Các uẩn kể trên dù riêng rẽ hay phối hợp nhau lại, cũng chẳng phải là một "thực ngã" (Entité-Ego, tiếng Pāli là Atta), mà cũng không có một thực ngã nào ở bên ngoài. Tin tưởng vào một thực ngã trong mỗi con người là sự mơ hồ lầm lẫn.*

*Cũng như chúng ta đặt tên vật nọ là cái xe. Thật ra cỗ xe đó không sao thể hiện được nếu chẳng có sự chấp nối của nhiều bộ phận khác nhau như: thùng xe, vành, trục, cán v.v... hoặc giả cái nhà là tổ hợp của vật liệu và kiểu mẫu, bằng phương thức khác nhau, chứ không có gì "thực thể của cái nhà".*

*Nói về sự vật hay con người cũng thế. Đây là sự cấu hợp của các hiện tượng vật chất và tâm lý bị thay đổi không ngừng và những hiện tượng đó chẳng có tính*

trạng tồn tại nào cả.

## SẮC UẨN HAY LÀ UẨN VỀ THỂ XÁC LÀ THỂ NÀO?

**M.28** - "Là 4 nguyên tố căn bản mà xác thân tùy thuộc vào đó: Chất rắn chắc, chất lưu động, chất nóng và chất rung chuyển".

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYNATILOKA (theo Abhidhamma)

Nói rõ hơn, những nguyên tố trên đây là bốn chất đơn giản. Theo Phạn ngữ Pàli là: *Pathavi dhātu, Apo dhātu, Tejo dhātu và Vayo dhātu*, có nghĩa là: bất động, kết hợp, rọi sáng và rung chuyển.

Theo Abhidhamma, xác thân có 24 tính chất tùy thuộc vào các nguyên tố đó là: mắt, mũi, tai, lưỡi, thân thể, sắc tướng, âm thanh, mùi vị, phái nam, phái nữ, sinh lực, cơ quan, tư tưởng, điệu bộ, lời nói, khoảng trống (như lỗ mũi, lỗ tai v.v...) nhậm lệ, dẻo dai, đông hoá, tiến triển thời gian, già nua, sai biệt biến chất.

#### 1) Nguyên tố rắn chắc (*Pathavi-dhātu*) - Đất

Những chất mang tính cách rắn chắc hiện có trong thân ta hay thân khác đều là chủ quan và khách quan.

Chất nào ở trong thân ta có tánh cách cứng rắn chắc đều là chủ quan, như: tóc, lông, móng, răng, da thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoàn cách mạc, lá mía, phổi phèo, bao tử, ruột, phần và tất cả những gì mang tánh cách như vậy đều gọi là "nguyên tố rắn chắc chủ quan", còn ở ngoài ta thì gọi là "khách quan". Tuy nhiên, dù chủ hay khách quan, đó cũng chỉ là "nguyên tố rắn chắc" mà thôi. Vậy cần phải nhận định bằng trí tuệ đúng theo chân lý như vậy: "Đó không thuộc về ta, mà cũng chẳng phải là ta".

#### 2) Nguyên tố lưu động (*Apo-dhātu*) - Nước

Những chất mang tánh cách lưu động hiện có trong thân ta hay thân khác đều là chủ quan và khách quan. Chất nào ở trong thân ta có tánh cách lưu động; ướt mềm đều là chủ quan như: mật, đàm, mủ, máu, mùi hôi, nước mắt, nước mũi, nước giải, nước tiểu, huyết thanh, nước khớp xương, và tất cả những gì mang tánh cách như vậy đều gọi là "nguyên tố lưu động chủ quan", còn ở ngoài ta thì gọi là "khách quan". Tuy nhiên, dù chủ hay khách quan, đó cũng chỉ là "nguyên tố lưu động" mà thôi. Vậy cần phải nhận định bằng trí tuệ đúng theo chân lý như vậy: "Đó không thuộc về ta, mà cũng chẳng phải là ta".

#### 3) Nguyên tố nóng (*Tejo-dhātu*) - Lửa

Những chất mang tánh cách nóng hiện có trong thân ta hay thân khác đều là chủ quan và khách quan. Nguyên tố nào ở trong thân ta có tánh cách phóng quang, nóng đều là chủ quan như những trạng thái ẩm áp, đun đốt, rọi sáng do những vật thực ăn uống đưa vào được nhai nếm, tiêu hoá làm phát sanh phóng quang và hơi nóng, và tất cả những gì mang tánh cách như vậy đều gọi là "nguyên tố nóng chủ quan", còn ở ngoài ta thì gọi là "khách quan". Tuy nhiên, dù chủ hay khách quan, đó cũng chỉ là "nguyên tố nóng" mà thôi. Vậy cần phải nhận định bằng trí tuệ đúng theo chân lý như vậy: "Đó không thuộc về ta, mà cũng chẳng phải là ta".

#### 4) Nguyên tố rung chuyển (*Vayo-dhātu*) - Gió

Những chất mang tánh cách rung chuyển hiện có trong thân ta hay thân khác đều là chủ quan và khách quan. Nguyên tố nào ở trong thân ta có tánh cách lay động, bốc hơi, rung chuyển, đều là chủ quan, như những luồng hơi di động lên xuống trong châu thân, hơi trong dạ dày, ruột, hơi thở ra vô, và tất cả những gì mang tánh cách như vậy đều gọi là "nguyên tố rung chuyển chủ quan", còn ở ngoài ta thì gọi là "khách quan". Tuy nhiên, dù chủ hay khách quan, đó cũng chỉ là "nguyên tố rung chuyển" mà thôi. Vậy cần phải nhận định bằng trí tuệ đúng theo chân lý như vậy: "Đó không thuộc về ta, mà cũng chẳng phải là ta".

Cũng như cái nhà bằng đất thành hình do gỗ, sậy, bùn trộn lộn với nhau, cái mà chúng ta gọi là xác thân chỉ là sự phối hợp của xương, thịt, gân, da, máu v.v...

-ooOoo-

## SỰ BỪNG DẬY CỦA "THỨC HIỂU BIẾT"

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYNATILOKA

Với đôi mắt toàn vẹn, nhưng với đôi mắt bên ngoài không lọt vào vòng nhãn quan và chẳng có trường hợp đặc biệt hoạt động, thì sự hiểu biết không sao phát sanh đáng (như nhìn trong đêm tối).

Hoặc giả với đôi mắt toàn vẹn, có hình sắc bên ngoài lọt vào nhãn quan nhưng không có trường hợp đặc biệt hoạt động thì cũng chẳng phát sanh sự hiểu biết (mờ mắt lúc ngủ hay chết).

Chỉ khi nào với đôi mắt toàn vẹn, mà có hình sắc bên ngoài lọt vào vòng nhãn quan và có trường hợp đặc biệt hoạt động thì trạng thái hiểu biết của mắt (nhãn thức) mới bùng dậy.

#### M.38 - "Hãy nghe Như Lai thuyết đây:

Tư cách bùng dậy của cái "Thức hiểu biết" tùy thuộc nhiều trạng thái, bằng không thì sự hiểu biết chẳng thể nào phát sanh được". Đây là các loại thức hiểu biết:

- Nhìn xem và hình sắc đánh thức sự hiểu biết của mắt: "Nhãn thức" (Cakkhu-Vinnāna)
- Nghe và âm thanh đánh thức sự hiểu biết của tai: "Nhĩ thức" (Sota-Vinnāna)
- Ngửi và mùi đánh thức sự hiểu biết của mũi: "Tỷ thức" (Ghana-Vinnāna)
- Nếm và vị đánh thức sự hiểu biết của lưỡi: "Thiệt thức" (Jihvā-Vinnāna)
- Đụng chạm và hình thể đánh thức sự hiểu biết của thân: "Thân thức" (Kaya-Vinnāna)
- Trí óc và tư tưởng đánh thức sự hiểu biết của ý: "Ý thức" (Mano-Vinnāna)

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA (theo Abhidhamma)

Về khía cạnh tâm lý hình sắc thể hiện được là do sự nhận xét của nhãn thức. Ví dụ một vật gì không thể phát hiện được với cặp mắt thường mà phải tùy thuộc vào sự nhận xét và tưởng của chúng ta xuyên qua ánh sáng và màu sắc. Theo khoa vật lý học đó là những năng lượng di chuyển theo lượn sóng ánh sáng gây phản ứng của những hóa chất và vật chất trong nhãn quan như dây thần kinh của đôi mắt chẳng hạn làm phát sanh cảm giác về màu sắc. Âm thanh cũng thế, nó tùy thuộc cảm giác của chúng ta. Căn bản vật chất về âm thanh chỉ là năng lượng do sức đẩy của hơi gió đưa vào màng tai, và chạm với dây thần kinh của nhĩ quan làm cho chúng ta cảm nghĩ rằng đó là tiếng động.

*Căn bản vật chất của mùi là hơi khói, của hương vị là những thành phần về hoá chất, v.v... Như vậy cả 5 sắc trần được thể hiện là do suy tưởng của "ý thức" (Mano-Vinnana) mà ra.*

*Để kết luận, những hình ảnh thấy được khi đối mắt mở là do nhãn thức và lúc nhắm mắt lại là do tâm thức (hay ý thức).*

*Mê sản hay mộng寐 trong khi ngủ liên hệ đến tâm thức chứ chẳng ăn thua gì tới nhãn quan hay nhĩ quan.*

**M.28** - "Sắc trần xâm nhập vào tâm khơi động những trạng thái tùy thuộc "sắc uẩn" làm phát sanh luyến ái và ngã chấp về đời sống.

Tư cách cảm giác xâm nhập vào tâm, khơi động những trạng thái tùy thuộc "thọ uẩn" làm phát sanh sự luyến ái và ngã chấp về đời sống.

Sự thoả thích chấp nhận sự xâm nhập vào tâm khơi động những trạng thái tùy thuộc "tưởng uẩn" làm phát sanh sự luyến ái và ngã chấp về đời sống.

Sự phối hợp tư tưởng khơi động những trạng thái tùy thuộc "hành uẩn" làm phát sanh sự luyến ái và ngã chấp về đời sống.

Sự nhận xét hiểu biết xâm nhập vào tâm, khơi động những trạng thái tùy thuộc "thức uẩn" làm phát sanh sự luyến ái và ngã chấp về đời sống."

#### CẢ 5 UẨN ĐỀU LIÊN TỤC TÙY THUỘC LẦN NHAU

"Không một ai có thể giải thích được khởi điểm của đời sống từ lúc nào, giai đoạn chuyển tiếp của kiếp này qua kiếp khác ra sao và tư cách nảy nở, tiến triển của tâm thức nếu không căn cứ vào sự liên quan tùy thuộc thường xuyên giữa năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức"

#### BA ĐIỂM NẪO NỀ CỦA ĐỜI SỐNG

**S.21(5)** - "Tất cả những vật cấu tạo đều mang tánh cách "vô thường" (Anicca) và những vật phối hợp đều là "khổ não" (Dukkha), không có thực ngã hay "vô ngã" (Anatta).

Sắc là giả tạm. Thọ là giả tạm. Tưởng là giả tạm. Hành là giả tạm. Thức là giả tạm.

Lẽ tất nhiên, những gì có tánh cách tạm thời đều bị sự thống khổ chi phối và thay đổi triền miên. Bởi vậy ta không thể quả quyết rằng "đó là ta, đó là của ta, đó là bản ngã"

**S.21 (6)** - "Ví dụ người kia nhìn xem tường tận những quả bóng nước trôi trên sông Hằng (Gange). Sau khi quan sát chu đáo, người ấy thấy rằng những quả bóng đó đều trống rỗng, không thực tế và chẳng có bản chất rõ rệt nào cả.

Cũng như thế ấy, thầy Tỳ Khuru chăm chú quán tưởng về các uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức dù thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai, dù là xa hay gần. Thầy Tỳ Khuru quan sát chu đáo (diễn biến của 5 uẩn) và hiểu rằng đó là không thực tế, là rỗng không, chẳng có thực ngã".

#### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Theo ý nghĩ tuyệt đối (Paramattha) những lượng sóng trên mặt biển chuyển động thay đổi triền miên thì năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng là những trạng thái uyển chuyển thường xuyên và liên hệ với nhau chứ không có một thực ngã riêng biệt.*

**S.21 (3)** - "Kẻ nào vui thích trong năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thực ra kẻ đó vui thích với các điều thống khổ và chẳng mong dứt khổ đặng".

Hãy nghe Như Lai thuyết đây:

**DHP. 146-48** - "Nào đâu có lạc thú, có vui thích gì khi chỉ thấy toàn là lửa đang thiêu đốt tất cả! Bị bóng tối bao trùm, tại sao các người không chịu tìm ánh sáng?"

Hãy nhìn xem cái hình nộm này, cái đồng rác thối bần chứa đầy tham dục này mà trong đó chẳng có gì là trường cửu.

"Sắc tướng thật mỏng manh! Nó là cái ổ thối tha chứa đầy bệnh tật. Cái xác thân hư hỏng này có giới hạn và sự chết là nơi cuối cùng của đời sống".

### BA ĐIỀU CẢNH CÁO

**A. III (35)** - "Vậy các người không có khi nào gặp một người đàn ông hay đàn bà 80, 90 hoặc 100 tuổi sao? Người ấy thân hình cong queo như cây đã trên góc mái nhà, lưng còm xuống đất, tay rung chông gậy, bước đi khập khiễng xác thân tàn phế, tuổi xuân biến dạng từ lâu, răng cò chẳng còn, tóc bạc lơ thơ, đôi sợi hay rụng sạch, chân tay cong gù như những mắt cây?"

Rồi không lúc nào các người nghĩ rằng mình cũng sẽ già nua như thế và không tránh khỏi nạn già sao?"

Vậy các người không có khi nào gặp trên thế gian này một người đàn ông hay người đàn bà đau nặng sao? Người ấy bệnh tình nguy ngập, khô sỡ trăm bề, nằm liệt trên vật ô trược của chính mình, phải nhờ người thân bồng bế lên giường.

Rồi không lúc nào các người nghĩ rằng mình cũng mang bệnh tật như thế và không tránh khỏi sao?"

"Vậy các người không có khi nào gặp trên thế gian này một xác chết đàn ông hay người đàn bà sao? Người ấy đã chết 2, 3 hôm rồi. Thân thể sinh lên, mùi thúi xông ra khó chịu và đã bắt đầu rệu rã.

Rồi chẳng có lúc nào các người nghĩ rằng thế nào mình cũng phải chết và không tránh khỏi sao?"

### VÒNG SANH TỬ LUÂN HỒI (Samsara)

**S.14 (1)** - "Thật ra không sao biết được tư cách sanh diệt và chuyển kiếp bắt đầu từ lúc nào? Người ta cũng không khám phá được khởi điểm về đời sống của chúng sanh ra sao? Chúng sanh bị màn "Vô Minh" bao trùm mờ ám, bị sa vào bẫy ái dục, chen lấn, xô đẩy nhau, hời hả xông vào bánh xe sanh tử".

#### *GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA (theo Abhidhamma)*

*Theo Phạn ngữ Pali, tiếng SAMSARA có nghĩa: "Tư cách lang thang trôi dạt triền miên." Đây là danh từ ám chỉ cái biến về nguồn sống, với những lượng thủy triều dâng lên cao rồi hạ xuống thấp không ngừng nghỉ biểu hiện một lịch trình liên tục dài vô hạn định của những trạng thái: sanh, lão, bệnh, tử. Và cứ như thế không có ngày chấm dứt, nói rõ hơn Samsara là một chuỗi dài sanh tử, không có đoạn cuối cùng do sự hoạt động liên hệ và thay đổi thường xuyên của năm uẩn trải qua những thời gian vô cùng vô tận không sao thấu nổi. Trong bánh xe luân hồi, mỗi kiếp sống chỉ là một điểm rất nhỏ không giấu được. Vậy muốn thấy rõ*

*cái điểm thứ nhất "Khổ đế" trong Tứ Diệu Đế, chúng ta nên nhìn vào trọn cái bánh xe luân hồi chứ không phải chỉ để ý vào một kiếp sống mà thôi; bởi vì đôi khi, kiếp sống đó ít đau khổ và lạc quan.*

*(Samsara, "Vòng luân hồi", có tánh cách biến chuyển và thay đổi. Vậy đối tượng của nó là Nibbana, "Niết Bàn", luôn luôn cố định và trường cửu).*

**S. 14 (2)** - "Các người nghĩ xem bên nào nhiều hơn, nếu đem so sánh với nước trong biển cả, những giọt nước mắt tuôn ra suốt cuộc hành trình dài đằng từ khi các người chen lẫn hối hả nhảy vào vòng sanh tử? Thêm vào đó, các người đã than khóc quá nhiều vì phải chung chạ với những vật không vừa ý và phải xa lìa những vật thân yêu triu mến".

"Trải qua thời gian vô tận, các người đã khổ đau vì cha hết, mẹ chết, vì phải mất những đứa con trai, con gái, vì ly biệt anh em, chị em. Trên con đường thiên lý, các người đã đổ ra biết bao nhiêu giọt lệ, nhiều hơn nước trong bốn biển".

"Các người nghĩ xem bên nào nhiều hơn, những dòng máu đỏ từ thân xác các người chảy ra vì bị đánh đập, tàn sát suốt cuộc hành trình dài đằng còn nhiều hơn nước trong bốn biển".

"Đã bao phen, các người bị trừng phạt vì trộm cướp, lưu linh lung địa, hãm dâm. Các người bị tra tấn hành hình, máu đỏ ra nhiều hơn nước trong bốn biển".

"Mà tại sao như thế được?"

Thật không biết nổi, sự lang thang trôi dạt bắt đầu từ đâu và chúng sanh xuất hiện từ lúc nào? Chúng bị mù mờ vô minh bao phủ, bị sa vào bẫy ái dục, chen lẫn nhau, hối hả nhảy vào vòng sanh tử.

Lẽ đó, từ vô thi các người phải mang số phận điều linh, thân xác bị dày ò, gánh nặng nhiều đau khổ và đã phơi xác trên khắp các bãi tha ma.

"Ái dục tạo ra sự sống phát sanh đã lâu rồi! Lẽ đó, các người cũng phải dày công khó nhọc lâu như thế, thì mới mong huỷ diệt được bánh xe sanh tử".

-ooOoo-

## II-2

### CHÂN LÝ CAO SIÊU VỀ NGUYÊN NHÂN SỰ KHỔ. (Tập đề - *Dukkha Samudaya Ariya Sacca*)

**D.22** - "Chân lý cao siêu về dục khát khao muốn được tái sanh thêm nhiều kiếp mới để tìm thú vui, tìm tham vọng, tìm hưởng những khoái lạc mới trong nơi này hay nơi khác".

*GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA (theo Abhidhamma)*

*Theo ý nghĩa tuyệt đối không phải thật sự một chúng sanh, một cái ta bất di bất dịch hay là một thực ngã đi tái sanh. Thật ra chẳng có một vật gì giữ nguyên tình trạng trong hai chấp liên tiếp. Vì năm uẩn (Khandhas) tạo thành kiếp sống luôn luôn thay đổi, hết sanh rồi diệt, hết diệt rồi sanh trong mỗi giây không ngừng nghỉ. Lẽ đó không có một vật thể hay một chúng sanh nào mà thực tế, mà chỉ là những diễn tiến không có đoạn kết thúc, một trạng thái thay đổi triền miên, một sự phát triển liên tục. Những trạng thái đó là nguyên nhân đưa đến quả là "sự tái sanh" (Uppatti bhava).*

Chuỗi dài diễn tiến của "nhân và quả" có thể đem ra so sánh với những lượn sóng, không có một thành phần nước riêng biệt nào ngoa du trên mặt biển. Ao tưởng về các lượn sóng đang di chuyển, gây cho chúng ta cảm giác rằng đó là một khối nước duy nhất. Nhưng trên thực tế thì đó chỉ là những trạng thái về sự chuyển động của nước biển. Do sức đẩy của gió, nhiều khối nước khất nhau vươn lên cao rồi đổ nặng xuống tạo thành những khoảng trũng. Nước ở các khoảng trũng này cổ vươn lên cao để rồi hạ xuống ... và mãi mãi như thế ấy. Cũng như Đức Phật không dạy có một thực ngã đi tái sanh, mà đó chỉ là những "lượn thủy triều của đời sống". Tùy theo hoàn cảnh và hành vi tốt xấu trong mỗi kiếp, chúng sanh xuất hiện làm người nơi này, làm thú nơi khác, hoặc được tái sanh vào những cảnh giới vô hình.

Có 3 cái tâm ái dục:

- 1) Tham muốn nhục dục (Kāma tanha)
- 2) Tham muốn được tái sanh (Bhava tanha)
- 3) Tham muốn thú vui về sắc trần (Vibhava tanha)

Theo kinh *Visuddhi-magga* (Con đường thanh tịnh) danh từ *Bhava Tanha* có liên hệ mật thiết với đức tính về tư cách "Trường tồn", được liệt kê vào *Sassata-ditthi* (thường kiến), cho rằng có một "thực ngã" tuyệt đối bất di dịch (linh hồn) ở ngoài và không tùy thuộc xác thân.

*Vibbhava Tanha* là hậu quả của sự tin tưởng về *Duy Vật*, "*Uccheda ditthi*" (đoạn kiến), cho rằng cái bản ngã hư hống này sẽ bị tiêu diệt và nó không liên hệ gì tới thời gian trước kiếp sống và sau khi chết.

## D.22 - "Lòng tham dục bắt nguồn từ đâu?

Trên khắp thế gian, bất cứ nơi nào có những trò vui chơi khoái lạc thì lòng tham dục được đánh thức và bắt nguồn từ đó. Mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý, bị kích động say mê rồi bám víu vào đó.

Lòng ham dục bùng dậy và bắt nguồn từ nơi nào đó: Sắc đẹp, tiếng thanh, hương thơm, vị ngon, vật dụng chạm vừa lòng, tình cảm thích hợp.

Lục căn va chạm với lục trần gây ra: Cảm xúc, hăng say, thích thú, ý nghĩ, suy tư hấp dẫn. Lòng tham dục bùng dậy và bắt nguồn từ đó".

**M. 38** - "Khi tiếp xúc với sắc tướng, âm thanh, vị hương, thân thể, tình cảm, vừa ý, con người liền bị thu hút và nếu chẳng vừa lòng thì lại cố tránh xa".

## NGUỒN GỐC VÀ LIÊN QUAN GIỮA CÁC TRẠNG THÁI ĐƯA TỚI KHỔ ĐAU

"Như thế, bất cứ loại cảm giác (thọ) nào thường phát sanh, dù thích thú hay bình thường, con người cũng say mê ôm ấp, bám diu lấy nó và đánh thức lòng tham muốn. Tư cách vừa lòng và luyến ái đối với vật gì có nghĩa là tung tiu ôm ấp kiếp sống. Chính sự luyến ái này gây ra cái nghiệp đưa tới "tái sanh" rồi tuần tự lôi kéo gây ra cái nghiệp đưa tới "Tái sanh" rồi tuần tự lôi kéo muôn ngàn thống khổ như: già nua, bệnh tật, chết chóc, sầu não, khóc than, đau đớn, thất vọng ... nổi khổ càng thêm chồng chất.

"Đó là chân lý cao siêu về nguyên nhân sự Khổ".

## KHỔ NÃO DẬP DỒN

**M. 12** - "Thật ra, chính lòng tham dục là nguyên nhân đưa đến khổ sầu. Bị lòng tham dục chi phối và sai khiến, chúng sanh phải dính mắc và việc gì xảy đến?

Vua chúa tranh chấp với vua chúa, công hầu xung đột với công hầu, đạo sư với đạo sư, dân chúng với dân chúng. Cha mẹ gây gỗ với con. Con hôn ầu với mẹ cha. Anh em chị em chống đối nhau, bạn bè thù nghịch cùng nhau.

Do đó phát sanh xích mích chia rẽ, cãi vã, xung đột. Kẻ nọ lấn áp người kia, tranh chấp với nhau bằng những quả đấm đá, bằng gậy gộc, bằng khí giới, gây khổ đau, chết chóc tang thương".

Cũng vì tham dục mà có những kẻ hung hăng xông vào nhà người cướp phá, tấn công hành khách trên đường, hãm hiếp phụ nữ. Rồi các tên hung thủ bị nhà cầm quyền bắt bớ tù đầy, hành phạt đủ điều. Chúng bị tra tấn hay trăm quyết vì gây ra tội lỗi.

Muôn ngàn thống khổ trong kiếp hiện tại đều do lòng tham dục gây nên. Bị lòng tham dục chi phối, sai khiến chúng sanh sa vào cạm bẫy và hoàn toàn lệ thuộc vào ngũ trần tội lỗi.

Và nếu vẫn tiếp tục như thế, chúng sanh phải đi vào đường xấu xa đê tiện gây nhiều nghiệp dữ do thân, khẩu, ý. Đến khi chết chúng sẽ bị sa đọa vào cảnh giới thấp hèn, lọt vào tình cảnh khổ đau, bị lôi sâu xuống hố thẳm của địa ngục. Đó là nỗi khổ cùng của lòng tham dục gây ra biết bao thống khổ trong kiếp vị lai.

Chúng sanh bị tham dục chi phối và hoàn toàn lệ thuộc vào nó".

**DHP. 127** - "Bất cứ là trên không cao vợi, dưới hố thẳm của đại dương hoặc chốn hang cùng ngõ tận, trên khắp trần gian này chẳng một nơi nào có thể che trở con người gây ra nghiệp dữ!"

**S.35** - "Chúng sanh là chủ nhân ông của cái nghiệp, phải thừa tự nó. Nghiệp là một giống được gieo trồng. Nó trổ chặt vào bảo trì chúng sanh. Con người phải thụ hưởng những của phụ âm cao đẹp hay bần cùng tùy theo nghiệp tốt hay xấu đã tạo".

**A.III (33)** - "Bất cứ nơi nào mà chúng sanh xuất hiện thì cái nghiệp chín muồi tại đó. Chúng sanh phải gặt hái những quả báo trong kiếp hiện tại, hoặc trong những kiếp sau".

**S.21(10)** - "Đến một thời gian nào đó, nước trong biển cạn khô và không còn nữa. Đến một thời gian nào đó, quả địa cầu bị lửa thiêu hủy, đất không còn nữa. Nhưng các điều thống khổ vẫn tồn tại. Chúng sanh vẫn bị màn vô minh bao phủ, vẫn bị sa vào cạm bẫy tham dục và vẫn chen lấn nhau, hối hả nhảy vào vòng sanh tử".

-ooOoo-

## II-3

### CHÂN LÝ CAO SIÊU VỀ SỰ DỨT KHỔ (Diệt đế - Dukkha Nirodha Ariya Sacca)

**D.22** - "Vậy chân lý cao siêu về sự Diệt Khổ là thế nào?

Đó là tư cách làm biến mất, dập tắt, vất bỏ, lánh xa, để thoát ly ra khỏi lòng tham dục. Tại nơi nào lòng tham dục có thể biến dạng? Và tại đâu nó mới bị dập tắt?

Trên thế gian bất cứ nơi nào không có những thú vui chơi khoái lạc, thì chính tại nơi đó lòng tham dục mới có thể biến mất hay bị dập tắt".

**S.12** - "Dù là trong quá khứ, trong hiện tại hay trong tương lai, thầy Đạo sĩ hay Tỳ Khuru nào biết nhận rõ tánh cách vô thường của những thú vui chơi khoái lạc chốn trần gian, cho đó là khôn ngoan, tạm bợ, là một chứng bệnh, một khối u phiền, thầy đạo sĩ hay Tỳ Khuru đó mới được qua khỏi tham dục vậy".

**IT.96** - "Và khi được giải thoát ra khỏi tham dục, không còn khao khát được tái sanh, thầy Đạo sĩ hay Tỳ Khuru đó, sẽ không trở lại thế gian nữa".

**S.32** - "Do đâu mà sự Khổ chấm dứt?

Chính tư cách biến mất, dập tắt hoàn toàn lòng tham dục làm cho tâm khao khát được tái sanh chấm dứt. Khao khát được sanh trường bị dập tắt thì trạng thái diễm tin không còn. Không có sự diễn tiến căn bản của trường hợp tái sanh cũng tiêu tan. Chấm dứt sanh trường thì những cảnh Già nua, Bệnh tật, chết chóc, khổ đau, thất vọng cũng chẳng phát sanh được. Do đó mà các điều thống khổ chấm dứt.

Lẽ đó phải tận diệt, dập tắt, vượt khỏi ảnh hưởng của năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì mong chấm dứt nỗi khổ, không còn đau, già và chiến thắng được nguồn sanh tử".

#### *GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA (theo Abhidhamma)*

*Những mô nước dập dờn mà chúng ta gọi là "sóng", đối với người kém khôn ngoan, chúng nó gây ra ảo tưởng cho đó là một khối nước duy nhất lướt trên mặt hồ. Làn sóng được duy trì nhờ sức đẩy của gió và những năng lực tiềm tàng (trơn mạnh). Nhưng một khi gió ngừng thổi và không có một ngọn gió nào khác tạt vào mặt nước thì những năng lực tiềm tàng bị hao mòn và lần lần lướt sóng không còn nữa. Cũng như khi nào không có chất đốt mới được đưa vào lò lửa chỉ còn cháy một thời gian rồi tắt và đã tiêu huỷ hết nhiên liệu và làm tiêu tan năng lực cũ.*

*Những hiện tượng trên đây giống như trạng thái "diễn tiến" của Ngũ Uẩn đã tạo ra một cá nhân. Đối với người kém khôn ngoan, nó gây ra có ảo tưởng có một "Thực ngã". Áo tưởng này (bản ngã) bảo trợ và nó cũng kéo dài được một thời gian nhờ các năng lực tiềm tàng (nghiệp cũ) được tồn trữ lâu đời.*

*Nhưng khi nhiên liệu (tham dục) bị hao mòn mà không có một khối lượng khác được đưa vào để làm phát triển năm uẩn, thì sự sống chỉ kéo dài được một thời gian rồi chấm dứt vì năng lực tiềm tàng (nghiệp cũ) đã cạn khô. Trạng thái "diễn tiến" của năm uẩn biến tan trong khi chết (nói về các bậc Thánh Nhơn).*

*Như thế, Nibbàna (Niết Bàn) có nghĩa là "dập tắt" hoặc "ngừng thổi" và được nhận định dưới 2 hình thức:*

*- Dập tắt tất cả bốn nhơ, "Kilesa Nibbàna", trong khi bậc A La Hán còn tại tiền (hữu dư Niết Bàn).*

*- Dập tắt sự diễn tiến của Ngũ Uẩn (khanda nibbàna) lúc bậc thánh nhập diệt (vô dư Niết Bàn).*

**A III (32)** - "Đây là chân lý về sự an vui cao cả, chấm dứt các hiện tượng cấu tạo, vất bỏ căn nguyên sanh trưởng, diệt trừ tham dục để khỏi dính mắc, để dập tắt và chứng quả Niết Bàn.

Bị bối rối vì tham dục, bị cuồng loạn sân hận, mù quáng vì ảo tưởng, tâm tư bị tràn ngập, con người hướng về sự huỷ diệt mình, huỷ diệt kẻ khác để gánh chịu khổ đau, và khi nào tâm

tham lam, sân hận, si mê, được tẩy trừ, chừng đó con người không còn định huỷ diệt mình, huỷ diệt kẻ khác và chẳng còn đau khổ nữa.

Như thế Niết Bàn có thể thành đạt ngay trong kiếp hiện tại và thu hút bậc hiền triết biết nhận định bằng trí tuệ".

**A.III (53)** - "Dập tắt tham dục, dập tắt sân hận, dập tắt si mê, đó là Niết Bàn vậy".

**A.VI (55)** - "Người giới từ được giải thoát, tâm trí an tịnh thì không còn gì phải bồi bổ thêm nữa, vì người đã làm xong một việc phải làm. Một tảng đá to, nguyên vẹn vững chắc không hề bị giống tôi lay chuyển được. Thì cũng như thế ấy, chẳng có sắc tướng, âm thanh, hương vị hay sự đụng chạm nào có thể làm rung động được giới từ đó, vì tâm từ người đã an tịnh và người đã được giải thoát rồi".

**A.III (32)** - "Người có tâm thanh tịnh, không còn sân hận, Phiền Nã tham vọng, nhìn xem các trạng huống tương phản (tốt xấu, lành dữ, lớn nhỏ, cao thấp, sang hèn ...), mà vẫn thản nhiên không xao động, người ấy đã vượt khỏi những niềm đau khổ vì sanh tử, già nua, bệnh tật rồi vậy."

## TRIỀU ĐẠI BẤT DI DỊCH

**U.VIII (1)** - "Thật ra, có một vương quốc mà tại đó chẳng có những gì là: rắn chắc, lưu động, nung nóng, rung chuyển (tứ đại), không có quả địa cầu này hay quả địa cầu khác, không có mặt trời, mặt trăng, không cao, không thấp, không tới không lui, không sanh, không diệt, không tiến triển không nên móng. Đó là trạng thái chấm dứt sự thống khổ (Niết Bàn)".

**U.III (3)** - "Có một trạng huống không căn nguyên, không sanh trưởng, không tạo tác, không hình thành. Nếu có chẳng có trạng huống đó thì tư cách giải thoát không sao thực hiện được.

Nhưng đã chứng minh rằng trạng huống không căn nguyên, không sanh trưởng, không hình thành có thật, vì vậy tư cách thoát ly rakhô thể gian phải thực hiện được"

-ooOoo-

## II-4

# CHÂN LÝ CAO SIÊU VỀ CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ (Bát Chánh Đạo - Ariya Magga)

## HAI LỐI CỰC ĐOAN VÀ CON ĐƯỜNG ĐI GIỮA

**S.36** - "Buông tha say mê trong các thú vui trần tục rất thường tình, như bản, thấp hèn, vô bổ. Đàng khác, tự chế bằng cách hành thân hoại thể rất khó nhọc, không thanh cao mà cũng chẳng lợi ích gì. Bậc Toàn Giác tránh cả 2 điều đó và đã xây đắp con đường đi giữa, rồi đem ra giải thích, giáo hoá (chúng sanh) tới nơi an lạc, tới sự nhận xét chánh đáng, tới Giác Ngộ, tới Niết Bàn".

Đây là con đường siêu việt có tám phần, con đường đưa đến kết thúc nguồn đau khổ:

Chánh kiến (Sammà-Ditthi)  
Chánh tư duy (Sammà-Sankappa)  
Chánh ngữ (Sammà-Vāca)  
Chánh nghiệp (Sammà-Kammanta)

Chánh mạng (Sammà-Àjiva)  
Chánh tinh tấn (Sammà-Vàyàma)  
Chánh niệm (Sammà-Sati)  
Chánh định (Sammà-Samàdhi)

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Sự tiến hoá tuyệt đối trên lộ trình rèn luyện nội tâm, trau dồi giới đức phải căn cứ vào Chánh kiến, nghĩa là phải nhận xét cho thấy một cách chính xác. Lễ đồ Chánh kiến là bước đầu tiên của Bát Chánh Đạo.*

*Nhưng muốn kiện toàn sở nguyện, người tu Phật phải noi theo lịch trình được sắp đặt đúng thứ tự như sau:*

*Giới (Sila)  
Định (Samàdhi)  
Tuệ (Pannà)*

*Bởi vậy Chánh kiến và Trí tuệ liên quan rất chặt chẽ với nhau trong Giáo Pháp của Đức Phật.*

**S. 56** - "Đây là đường lối "Trung dung" mà Đấng Toàn Giác đã khám phá và đem ra giảng giải, giáo hoá để đưa đến nơi an tịnh, tới sự nhận xét rõ rệt, tới Giác Ngộ, tới Niết Bàn.

Đường lối đó không hành thân hoại thể, không gây đau đớn than van, khổ não. Đó là con đường huyền diệu.

**DHP. 247-275-276** - "Thật ra, ngoài Bát Chánh Đạo, không còn cách nào khác để tẩy uế nội tâm, để thấy rõ chân lý. Noi theo Bát Chánh Đạo, các người sẽ chấm dứt được nguồn thống khổ.

Nhưng mỗi cá nhân phải tự mình chiến đấu. Đấng Chánh đẳng đã chỉ rõ đường đi".

**M.26** - "Tư cách bất tử đã tìm được rồi! Như Lai đem ra phổ biến và giải thích đúng chân lý. Các người hãy nghe theo. Vì mục đích cao thượng của cuộc đời đạo đức mà có nhiều con nhà danh giá rồi bỏ gia đình nhà cửa, đi tìm sống lang thang nay đây mai đó. Chẳng bao lâu nữa, vì chính trong kiếp hiện tại, nếu các người cố công học hỏi, tri chí thực hành thì sẽ thành đạt đạo quả chẳng sai".

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [1.1](#) | [1.2](#) | [2.1](#) | [2.2](#) | [2.3](#) | [2.4](#)

*Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 08-2001).*

---

**[[Trở về trang Thư Mục](#)]**  
*updated: 01-08-2001*

**Chuyển Pháp Luân và Tứ Diệu Đế**  
**Maha Thongkham và Huỳnh Văn Niệm soạn dịch**  
**Tái bản năm 1995 tại Sài Gòn**

**Phần II - TỨ DIỆU ĐẾ (tiếp theo)**

-ooOoo-

**II-4a**

**CHÁNH KIẾN (Samma Ditthi)**  
**HIỂU RÕ BỐN CHÂN LÝ CAO SIÊU**

**D.22** - "Thế nào là Chánh kiến? - Là:

Hiểu rõ sự Khổ.  
Hiểu rõ nguyên nhân sự Khổ.  
Hiểu rõ sự diệt Khổ.  
Hiểu rõ con đường đưa tới dứt Khổ.

"Đó gọi là Chánh kiến (hiểu biết chơn chánh)

HIỂU RÕ TỘI PHƯỚC.

**M.9** - "Giới từ hiểu rõ tội lỗi và nguồn gốc của nó là thế nào, và hiểu rõ phước báu và nguồn gốc của nó ra sao."

*GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

*Điều được xem như tội lỗi (Akusala) là những hành động do thân, khẩu, ý, làm cho đời sống bị nhơ bẩn và đem lại hậu quả khổ đau trong kiếp hiện tại và các kiếp tương lai.*

**M.9** - "Thế nào là tội lỗi? (Akusala)

*(thuộc ác thân nghiệp - kàya kamma)*

Sát hại sanh vật  
Trộm cắp  
Tà dâm.

*(thuộc ác khẩu nghiệp - vacà kamma)*

Nói dối  
Nói lời đâm thọc  
Nói lời hung dữ  
Nói chuyện vô ích

*(thuộc ác ý nghiệp - mano kamma)*

Tham muốn xấu xa  
Có ác tâm

Ý nghĩa làm lạc

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Tư cách chú tâm hay cố ý (cetana) được gọi là "nghiệp" (kamma). Nghiệp xem thấy được đều phát sanh do thân hay khẩu. Còn những suy tưởng không biểu lộ ra ngoài đều do hành vi của ý (ý nghiệp).*

**M.9** - "Đâu là nguồn gốc tội lỗi?"

"Tham lam (lobha) là nguồn gốc của tội lỗi. Sân hận (dosa) là nguồn gốc của tội lỗi. Si mê (Moha) là nguồn gốc của tội lỗi."

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Những hành động tham lam và sân hận đều do si mê và mù quáng mà ra. Lẽ đó si mê là cội rễ của cả tội lỗi.*

**AX. 147** - "N hư Lai chia tội lỗi ra 3 loại: Tội do tánh tham lam gây ra; Tội do tánh sân hận gây ra; Tội do tánh si mê gây ra".

**M.9** - "Còn thể nào là phước báu của thiện nghiệp (kusala kamma)? Là:

*(thiện thân nghiệp)*

Tránh việc sát sanh hại vật.  
Tránh sự trộm cắp  
Tránh sự tà dâm

*(thiện khẩu nghiệp)*

Tránh sự nói dối  
Tránh lời nói đâm thọc  
Tránh lời nói hung dữ  
Tránh lời nói vô ích

*(thiện ý nghiệp)*

Tránh sự tham lam xấu xa  
Tránh có ác tâm  
Tránh có ý nghĩ bất chánh

Sau đây là những phước báu:

Không tham lam (Alobha) làm cho phát tâm rộng lượng.  
Không sân hận (Adosa) làm cho phát tâm từ bi.  
Không si mê (Amoha) làm phát sanh trí tuệ"

### HIỂU RÕ BA TƯỚNG

**S.21** - "Kẻ nào thấu rõ tánh cách giả tạm (vô thường), khổn quần (khổ não) và chẳng có thực ngã (vô ngã) của năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, kẻ đó đã có Chánh kiến rồi vậy."

### NHỮNG VẤN ĐỀ KHÔNG LỢI ÍCH

**M.63** - "Nếu có kẻ nói rằng chỉ bằng lòng tu theo Phật giáo chỉ khi nào đức Như Lai chịu giải thích cho biết những điều sau đây:

Thế gian là trường tồn hay giả tạm?  
Thế gia hữu biên hay vô biên?  
Sự sống và xác thân là một hay khác nhau?  
Đức Phật Toàn Giác còn hay mất sau khi tịch diệt?

Thì kẻ ấy phải chết trước khi được Ngài ứng đáp. Cũng như người kia mang phải mũi tên có tẩm thuốc độc, được thân bằng quyến thuộc lương y đến cứu chữa nhưng lại biện lẽ rằng: "Tôi không thể nào chịu cho rút mũi tên ra trước khi được biết ai đã bắn đã gây thương tích cho tôi. Tôi muốn biết thủ phạm thuộc giai cấp nào? Thuộc hạng cao sang hay giai cấp nô lệ? Người đó tên gì? Con nhà ai, hình vóc, lớn, nhỏ hay trung bình?... Chắc chắn kẻ đó phải chết trước khi biết được những điều như thế".

**SUP.592** - "Như vậy, kẻ nào muốn tìm sự an vui cho chính bản thân phải mau rút mũi tên ra ... mũi tên đau đớn than van sầu khổ".

**M.36** - "Dù cho thế gian là trường cửu hay tạm bợ, có giới hạn hay vô biên, một sự việc hiển nhiên là những trạng thái: sanh trưởng, già nua, bệnh tật, khóc than, thất vọng, vẫn luôn luôn tồn tại. Nhưng người đời có thể huỷ diệt các thảm họa đó trong kiếp hiện tại nếu hành theo lời chỉ dạy của Như Lai".

### NĂM SỢI DÂY TRÓI BUỘC (THẰNG THÚC).

**M.2-54** - "Ví dụ có người thế, vì si mê mù quáng, không biết trọng nề các bậc thánh nhân, chẳng chịu nghe lời dạy bảo của các Ngài, không thông suốt Giáo lý cao thâm.... Tâm trí người đó bị vô minh che lấp, thường có tâm ngã chấp, hay hoang mang ngờ vực, lại vui thích với những tục lệ cùng kiến lễ bái, say mê tình dục, có tư tưởng bất hảo, nhưng không biết làm cách nào để thoát ly ra khỏi các điều xấu xa ấy."

#### *GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

*Áo tưởng về "bản ngã" (Sakkāya-ditthi) có thể thuyết minh như sau:*

*- Lý thuyết về tâm linh (Sassata-ditthi) căn cứ nơi đức tin về tư cách "Trường tồn" cho rằng cái "Ta" là một linh hồn có tánh cách thiêng liêng không tùy thuộc xác thân vật chất và linh hồn đó tiếp tục tồn tại sau khi chết (Thường kiến)*

*- Lý thuyết "duy vật" (Uccheda ditthi) là tin tưởng tánh cách huỷ diệt hoàn toàn, cho rằng Ta của kiếp sống hiện tại sẽ biến tan cùng lúc với cái chết của xác thân vật chất (Đoạn Kiến).*

### NHẬN ĐỊNH SAI LẦM

**M.2** - "Hạng thường nhân không nhận rõ những gì đang chú trọng và không nên chú trọng. Họ để tâm luyện ái các điều vô ích và bỏ rơi những việc hữu ích. Vì thiếu sáng suốt nên họ nảy ra ý nghĩ như vậy:

Trước kia ta đã có sanh ra làm người không?  
Nếu có, vậy thử đó ta là thế nào?  
Và đã có những biết chuyện gì?  
Rồi sau này ta sẽ tái sanh nữa chăng?  
Chừng đó ta sẽ ra thế nào? Số phận ra sao và sẽ có thay đổi gì không?

Về kiếp hiện tại, họ cũng hoài nghi:

Đây có phải thiệt là ta không?  
Hiện nay ta là thế nào?

Con người từ đâu đến, rồi nó sẽ đi về đâu?"

## SÁU CÁI HÀM TÀ KIẾN

"Bị chìm đắm trong sự nhận định thiếu trí tuệ, hạng thường nhơn phải sa vào một trong sáu tà kiến. Họ quả quyết như vậy và tin tưởng vào đó:

- 1) Hoặc ta có cái ngã (Ta)?
- 2) Hoặc ta không có cái ngã?
- 3) Phải chăng, nhờ cái ngã mà ta tự biết mình?
- 4) Nhờ cái Ngã mà tự biết được trạng thái "Vô Ngã"?
- 5) Đây là cái Ngã của ta, vì nó biết suy nghĩ, biết cảm xúc, biết thọ lãnh quả báo của những nghiệp lành hay dữ.
- 6) Đây là cái "Bản Ngã", nó thật trường cửu, bền bỉ vĩnh viễn, không thay đổi và mãi mãi như vậy thôi".

**M.22** - "Nếu cái Ngã (Ta) là thật tế, tất nhiên phải có vật gì tùy thuộc vào nó., nhưng chẳng tìm đâu ra được cái Ngã mà cũng không tìm được cái gì (có một thực thể) tùy thuộc vào nó. Như vậy chẳng có chi phi lý bằng khi nói: "Đây là thể gian. Đây là Ta. Sau khi chết ta sẽ tồn tại mãi mãi. Ta là trường tồn vĩnh cửu".

Đó là những ý kiến thô sơ, là một đám rừng ý kiến, một bả nhơ ý kiến, một trò hề ý kiến, một cái bẫy ý kiến. Và khi bị sa vào cạm bẫy "Si Mê" thì con người thiếu khôn ngoan không sao thoát ly ra khỏi những thảm họa: sanh, già, đau, chết, khỏi sầu não khổ đau, khỏi thất vọng. Như Lai cho rằng người đó sẽ không thoát khỏi những điều thống khổ."

## LÝ LUẬN THÔNG MINH

**M.2** - "Người giới tử nào có học thức, thuộc gia đình cao quý, biết kính trọng các bậc hiền triết, biết nghe lời dạy bảo của các Ngài là đã thuần thực trong Giáo lý cao siêu rồi vậy. giới tử đó biết phân biệt những gì đáng chú trọng và những gì không nên chú trọng, biết vật nào có giá trị và vật nào vô giá trị. Người nhận xét sáng suốt thế nào là đường lối đưa tới dập tắt nguồn đau khổ".

## BƯỚC VÀO VÒNG THÁNH VỨC "SOTAPANNA" (Tu Đà Hườn)

"Khi biết nhận định đúng theo chân lý như thế, người giới tử vất bỏ được ba sợi dây trói chặt là: ảo tưởng về cái Ta (Ngã Chấp), nghi ngờ về chánh giáo (Hoài Nghi), tin tưởng dị đoan cúng kiến lễ bái, tế lễ (Giới Cẩm Thủ)".

**M.2** - "Lúc gạt bỏ được 3 sợi dây trói buộc đó, giới tử đã bước vào dòng nước (Nhập Lưu - Tu Đà Hườn) thoát khỏi tình trạng khốn khổ và chắc chắn sẽ được Giác Ngộ".

**DHP.178** - "Hơn cả việc thống trị thế gian. Hơn cả các thú vui nơi cõi thiên đàng. Hơn cả nắm quyền hành trên toàn vũ trụ, chẳng có chi an vui hạnh phúc bằng được nhập lưu Niết Bàn".

**A.X** - "Thật ra những kẻ nào có đức tin không gì lay chuyển nổi đối với Như Lai, những kẻ đó đã nhập lưu rồi vậy (bước vào lãnh vực Thánh Nhơn)".

## GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA (theo Abhidhamma)

*Có mười sợi dây trói chặt chúng sanh vào bánh xe luân hồi (Sannojana):*

- 1) Ảo tưởng về cái "Ta" (Sakkaya-ditthi - ngã chấp)
- 2) Ngờ vực về chánh pháp (Vicikicchā - hoài nghi).
- 3) Ưa thích lễ bái cúng kiến (Silabbata Parāmāsa - Giới cẩm thủ)

4) Ham muốn tình dục (Kàmaràga)

5) Ác tâm (Vyàpàda)

6) Muốn được sanh về cõi Sắc giới (Rùpa Ràga)

7) Muốn được sanh về cõi trời Vô Sắc giới (Arùpa Ràga)

8) Cống cao ngã mạn (Màna)

9) Phóng tâm (Uddhacca)

10) Vô Minh (Avijjà)

Theo nghĩa Phạn ngữ Pali "Sotàpanna - Tu Đà Hườn" là "Người bước vào dòng nước ". Nghĩa là nhập vào lạng thủy triều đưa tới Niết Bàn, người ấy đã thoát ra khỏi 3 sợi dây trói chặt thứ nhất.

"Skadàgàmi - Tư Đà Hàm" là "Người còn trở lại một lần" (trên cõi thế) đã diệt thêm 2 sợi dây trói buộc thứ 4 và thứ 5 một cách tương đối thô thiển.

"Anàgàmin - A Na Hàm" là "Người không còn trở lại nữa". Nghĩa là cắt đứt hoàn toàn 5 dây trói chặt đầu tiên thuộc phạm vi cõi Dục giới (Kàma-Loka). Sau khi chết, người được sanh về cõi trời Sắc giới (Rùpa-Loka) rồi đắc quả Niết Bàn luôn.

"Arahat - A La Hán" hay là "Thịnh Văn Giác" là người đã hoàn toàn cắt đứt mười dây trói chặt kể trên.

**M.117** - "Như Lai cho biết Chánh kiến có hai:

1) Chánh kiến thế gian (hiểu biết chọn chánh của người tại gia)

2) Chánh kiến siêu thế gian (hiểu biết chọn chánh của bậc Sa Môn)

### CHÁNH KIẾN THẾ GIAN

Hiểu biết rằng bố thí và cúng dường đến những bậc có giới đức không phải là vô ích. Biết rằng nghiệp lành hay nghiệp dữ sẽ đem lại quả vui hay quả Khổ chẳng sai.

Biết rằng kiếp hiện tại và kiếp vị lai có thật. Cha mẹ và chúng sanh khác hằng được thụ hưởng phước báu nơi cõi trời. Biết rằng trên thế gian có những bậc Sa Môn hay bậc đại hiền giới đức trong sạch có thể giải thích đời sống hiện tại và những kiếp vị lai.

Đó là Chánh kiến thế gian (Lokiya Sammà ditthi).

### CHÁNH KIẾN SIÊU THẾ GIAN

"Tuy cũng đạt được Chánh kiến về đạo đức, các bậc thánh: Tu Đà Hườn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán không hướng sự hiểu biết của các Ngài về phương diện thế gian mà chỉ chú trọng đến con đường siêu việt (Bát Chánh Đạo).

Đó là "Chánh kiến siêu thế gian" (Lokutta-ra Sammà ditthi) không còn nằm trong lãnh vực thế gian, ở ngoài thế gian và đã hợp nhất với con đường siêu việt."

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Bát Chánh Đạo cũng có 2:*

- *Bát Chánh Đạo thế gian do hàng tại cư sĩ thực hành (Puthujjana).*

- *Bát Chánh Đạo siêu thế gian được dành riêng cho những bậc Sa Môn cao quý (Ariya pugala).*

**M.47** - "Và khi biết rõ thế nào là "Tà Kiến" Cũng như thế nào là "Chánh kiến" (bước một) hành giả cố gắng trau dồi sự hiểu biết thêm đúng đắn, cố vượt khỏi những điều tà vạy bằng "Chánh tinh tấn" (bước thứ 6) chú tâm quan sát về sự hiểu biết chơn chánh bằng "Chánh niệm" (bước thứ 7).

Như thế ba yếu tố có liên quan mật thiết với nhau về "Chánh kiến" là: Hiểu biết chơn chánh, tinh tấn chơn chánh và niệm tưởng chơn chánh".

## ĐỨNG NGOÀI VÒNG LÝ LUẬN

**M.72** - "Đấng Toàn Giác không còn dính mắc trong phạm vi của các lý thuyết.

Vì Đấng trọn lành đã thấu rõ sắc tướng ("sắc uẩn") là gì, nó sanh và diệt như thế nào.

Ngài biết rõ sự cảm giác và tư cách sanh diệt của "thọ uẩn",

Ngài biết rõ sự chấp nhận tinh cảm và tư cách sanh diệt của "tưởng uẩn",

Ngài biết rõ phối hợp tư tưởng và tư cách sanh diệt của "hành uẩn",

Ngài biết rõ sự hoạt động của tư tưởng và tư cách sanh diệt của "thức uẩn".

Lẽ đó Đấng Giác Ngộ đã dập tắt, đã lánh xa, đã huy diệt, đã vứt bỏ và đứng ngoài vòng lý luận, thoát ly ra khỏi sự ước đoán, sự khuynh tả ... chẳng còn tham danh vọng hào huyền cho cái "Ngã" và cái "Bản Ngã".

## BA TRẠNG THÁI TUYỆT ĐỐI

**A.III (134)** - "Dù cho các Đấng Toàn Giác có xuất hiện trên thế gian hay không, một sự kiện tuyệt đối bất di bất dịch, một quy luật cố định vẫn luôn luôn tồn tại là: "Tất cả những vật cấu tạo do các nguyên nhân là giả tạm (Vô thường), là khốn khổ (Khô não) và không có thực ngã (Vô ngã)".

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Danh từ "Sankhàra" ám chỉ những gì có một khởi điểm và một dứt điểm (sanh, diệt) mà chúng ta thường gọi là vật phối hợp hay cấu tạo (hữu vi).*

*"Pháp Hành" (Sankhàra Dhamma) được áp dụng trong tư cách phối hợp hay cấu tạo trên cả 2 phương diện vật chất và tâm lý của đời sống (tạm bợ trên thế gian).*

*Tiếng "Dhamma" (Pháp) lại mang một ý nghĩa sâu rộng bao quát hơn. Vì nó ám chỉ những gì không có khởi điểm và dứt điểm (Vô sanh bất diệt), không phối hợp hay cấu tạo (Vô vi pháp), "Asankhara dhamma". Chẳng hạn như không gian vũ trụ (Akasa) và Niết Bàn (Nibbàna).*

*Bởi thế, rất sai lầm khi cho rằng tất cả các Pháp (Dhamma) đều là vô thường, biến đổi, vì "Niết Bàn pháp" (Nibbàna dhamma) và không gian vũ trụ (Akasa) đều trường tồn vĩnh cửu không hề thay đổi. Cũng vì lẽ đó, phải nhìn nhận chẳng những các "Pháp hành" (Sankhara dhamma) mà luôn cả những "Pháp vô sắc tướng" (thuộc về tâm lý) cũng đều là vô ngã (không có thực thể).*

**S.X.VI (10)** - "Trên thế gian này, các bậc thánh nhân, kể luôn có Như Lai, chẳng có một ai công nhận rằng: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là trường tồn bền bỉ mà không thay đổi, không sao có những trạng thái như vậy".

**A.I (15)** - "Người có Chánh kiến chẳng thể nào công nhận một vật gì là cái Ngã được".

## BIỆN LUẬN VỀ CÁI "NGÃ"

**D.15** - "Nếu có kẻ quả quyết rằng "Cảm giác" (Thọ) là cái "Bản ngã" thì nên trả lời như vậy:

Thọ có 3 loại: thọ vui, thọ khổ, thọ không vui không khổ. Hỏi vậy người đó thọ cái nào là bản ngã?

Khi trải nghiệm một trong 3 cái thọ đó thì 2 cái kia biến tan (ví dụ khi đang cảm giác vui thì 2 cái thọ: Khổ và không vui không khổ chẳng xuất hiện). Như vậy, cả 3 cái thọ đó đều là vô thường và tùy thuộc các nguyên nhân. Chúng cũng bị huỷ diệt, hao mòn và dập tắt.

Bất cứ ai nghĩ rằng một trong ba cái thọ đó là bản ngã đều bị lầm lạc, rồi sau cũng phải nhìn nhận rằng cái mà họ gọi là bản ngã của kiếp hiện tại là vô thường, có vui khổ lẫn lộn và cũng bị sanh diệt không sao tránh khỏi.

Nếu có kẻ khác nói "thọ" không phải là cái ngã nhưng cái ngã của tôi (bản ngã) là thiêng liêng cao tột mà thọ không thể nào tiếp xúc được, thì nên hỏi lại: "Vậy chớ tại nơi nào không có thọ thì gọi là bản ngã được chăng?"

Nếu có ai khác nữa nói: "Thọ không phải là bản ngã mà thật ra nó cũng không phải là cái ngã thiêng liêng cao tột mà thọ không sao tiếp xúc được, mà chính cái ngã riêng của tôi mới biết cảm giác. Với người này thì nên trả lời: "Nếu thọ bị hoàn toàn huỷ diệt và chẳng có cảm giác nào cả, như vậy có thể nào chấp nhận trạng thái "vô cảm giác" là cái ngã được không?"

Nói rằng tâm và đối tượng của tâm là tư tưởng tạo ra cái ngã là không căn cứ vào đâu cả. Chỉ cần nhận định 2 trạng thái "sanh" và "diệt" của mọi vật cũng đủ chứng minh rằng cái ngã cũng sanh ra rồi bị diệt'.

**S.21 (7)** - "Người kém học thức còn có thể quan niệm cho rằng xác thân do 4 nguyên tố (Tứ Đại) cấu tạo là bản ngã. Vì dù sao xác thân đó cũng tồn tại được một năm, hai năm hoặc ba, bốn năm hoặc lâu hơn nữa là trăm năm. Còn cái mà chúng ta gọi là "tâm trí" thì luôn cả ngày lẫn đêm phát hiện rồi biến tan dưới hình thức này hay dưới hình thức khác".

**S.21 (5)** - "Như thế, tuy có: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức trong mỗi cá nhân và ở bên ngoài, dù là có tính vi hay thô thiện, thanh cao hay hèn hạ, ở xa hay ở gần, (người ta) cũng phải dùng trí tuệ để nhận định đúng theo chân lý "Đây không phải là của ta, không phải là ta và cũng không phải là bản ngã".

## QUÁ KHỨ-HIỆN TẠI-VỊ LAI

**D.9** - "Nếu có người hỏi: "Trong quá khứ anh có sanh ra hay không? Về tương lai anh có còn tái sanh nữa không? Giờ đây phải thật anh đang hiện diện hay chẳng phải?"

Và nên trả lời như vậy: "Quá thật tôi đã có sanh ra rồi. Không thể phủ nhận điều đó. Trong tương lai tôi sẽ còn tái sanh nữa, không ai chối cãi được và giờ đây chính tôi đang hiện diện tại chỗ này, chắc như vậy".

Về quá khứ, chỉ có kiếp sống khi đó là thực tế còn kiếp vị lai và hiện tại thì không thực tế. Trong tương lai, chỉ có kiếp đó là thực tế còn những kiếp quá khứ và hiện tại thì không, giờ đây, kiếp hiện tại là thực tế còn những kiếp quá khứ và vị lai thì không.

Thực ra kẻ nào thấu rõ sự liên quan của các Nhân và Duyên (Patticca-Samuppāda), kẻ đó đã thấy rõ chơn lý. Cũng như người ta vắt sữa con bò cái, sữa để lâu trở thành kem, thành bơ, thành mỡ. Rồi đem đun sôi nó ra thành bột mỡ. Nói về kiếp quá khứ cũng vậy. Nó chỉ thực tế hồi thời kỳ đó và không thực đối với hiện tại và vị lai. kiếp vị lai cũng thực tế sau này nhưng không thật đối với quá khứ và hiện tại. Kiếp hiện tại chỉ thực tế lúc này nhưng đối với quá khứ và vị lai thì không.

Đó là những chuyện nhân gian mà thôi, là một cách lý luận, một lối giải thích. Theo sự phỏng đoán, là những sự việc tầm thường. Đấng Toàn Giác cũng dùng những danh từ (trong các trường hợp) nhưng không khi nào Ngài để bị sa vào cái bẫy ngôn ngữ".

**S.42** - "Nhu thế, khi nào chưa thấu rõ năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chưa thấu rõ tư cách sanh diệt của chúng, người có thể nghĩ rằng: "Đức Chánh Biến Tri sẽ còn tiếp tục (tồn tại) sau khi nhập diệt. Hoặc giả Ngài sẽ không tiếp tục (mất luôn), v.v..."

## HAI QUAN NIỆM CỰC ĐOAN

**A.III (61)** - "Đối với kẻ nào tin tưởng rằng căn bản của đời sống (cái ngã) và xác thân là một, kẻ đó không sao thành đạt được đạo quả thánh nhân. Trái lại kẻ nào cho rằng cái ngã khác biệt với xác thân, kẻ đó cũng không đi đến đạo quả bao giờ.

Đấng Toàn Giác đã chánh hai lối cực đoan đó và trọn con đường đi giữa (Trung đạo)". Và Ngài tuyên bố:

### NHÂN QUẢ LIÊN QUAN (Paticca-Samupāda)

"Từ chỗ tối mê "Vô Minh" (Avijjā) sanh ra sự hành vi tạo tác vô ý thức, "Hành" (Sankhārā). Từ "Hành" sanh ra sự biết mình nằm trong bụng mẹ, "Thức" (Vinnāna). "Thức" gây ra sự phối hợp tinh thần và vật chất, "danh sắc" (nama rūpa). Danh sắc tạo ra 6 căn, "Lục căn" (Chalāyatana). Lục căn làm cho biết cảm giác khi đụng chạm (về thân xác hoặc tâm lý), "Xúc" (Phasso). Xúc sanh ra cảm động, "Thọ" (Vedanā). "Thọ" làm phát sanh ra sự khao khát, "Ái" (Tanhā). "Ái" sanh ra sự quyết luyến bám giữ đời sống, "Thù" (upādāna). "Thù" phát động những diễn tiến về những hành vi tạo nghiệp, "Hữu" (Kamma Bhava). Do "Hữu", có cái thai bào đi "tái sanh" (Jāti). Và vì có "tái sanh" nên phải gánh lấy những thâm họa: già nua, tử liệt (Jarāmarana) và sầu khổ, khóc than, đau đớn, thất vọng.

Đó là chân lý cao siêu về nguồn gốc sự Khổ"

**S.12 (6)** - "Tuy nhiên, giới từ nào không còn mù quáng (vô minh) và đạt Giác Ngộ, thì giới từ đó chẳng tạo nghiệp nữa, bất cứ là tốt hay xấu, hoặc nghiệp đưa đến thế lực bất bại miễn (không ai bị bại chức được như vua chúa hay trời Phạm Thiên)".

**A.III (61)** - "Vì lẽ đó, khi vô minh bị dập tắt thì hành biến tan. Không có hành thì thức cũng chẳng phát sanh. Không có thức thì danh sắc cũng không có. Danh sắc bị diệt thì không có lục căn. Không lục căn thì chẳng có xúc. Xúc không có thọ cũng không phát sanh. Không thọ thì cũng chẳng có ái. Ái không có thì không có thù. Thù không có thì chẳng có hữu và nếu hữu không có thì cũng chẳng có tái sanh."

Và khi trường hợp tái sanh bị dập tắt, thì những thâm họa già nua, tử biệt, sầu khổ, khóc than, đau đớn, thất vọng cũng tiêu tan. Tư cách diệt tận nguồn đau khổ là thế ấy. Đây là chân lý cao siêu về sự diệt Khổ"

## HIỆU LỰC CỦA NGHIỆP

**M. 43** - "Thực ra vì chúng sanh bị vô minh che lấp, bị sa vào bẫy Ái dục, đi tìm kiếm nơi này đến nơi khác, nên mới phải bị tái sanh trong nhiều kiếp mới"

**A. III** - "Cái nghiệp phát sanh do lòng tham lam, sân hận, si mê, cái nghiệp xuất hiện từ đó và nguồn gốc cội rễ của nghiệp do đó mà ra.

Bất cứ chúng sanh xuất hiện tại đâu, cái nghiệp sẽ chín mùi tại đó. Nơi nào nghiệp chín mùi thì chúng sanh phải gặt hái quả báo, hoặc trong kiếp hiện tại, hoặc về cái kiếp sau".

## NGHIỆP KHÔNG SANH QUẢ

**M.43** - "Tuy nhiên, khi màn vô minh bị vệt, trí tuệ bừng sáng phá tan lòng tham dục, thì trường hợp tái sanh không còn xảy ra nữa"

**A.III (33)** - "Những hành động không do lòng tham lam, sân hận, si mê thúc đẩy, những hành động như vậy, ví như cây thốt nốt bị nhổ tận rễ lên khỏi đất không sao mọc lại được nữa".

**A.III** - "Trong chiều hướng đó, có người Chánh ngữ rằng Như Lai bày ra một lý thuyết về sự "Tiêu Diệt", Như Lai truyền bá một Giáo lý có tánh cách tiêu diệt và dạy hàng môn đệ học tập như thế"

Mà thật đúng như vậy! Như Lai hằng khuyến hoá về cách tiêu diệt. Nghĩa là tiêu diệt tham lam, sân hận, si mê, tiêu diệt những điều dữ và hành động xấu xa tội lỗi".

*GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

Lý thuyết "nhân quả liên quan" (Paticca Samuppàda) là một giáo huấn theo định luật về mối vật phát sanh do sự phối hợp của tinh thần và vật chất (danh-sắc). Sự việc đã chứng minh rằng tất cả những hiện tượng tâm lý và vật chất trên thế gian huyền ảo này đều tùy thuộc vào sự hoạt động của các giác quan (Lục căn) gây ra muôn ngàn thống khổ, chứ không phải những tình trạng may rủi vu vơ mù quáng, mà là cuộc sống luôn luôn tùy thuộc vào những nguyên tố "Nhân và Duyên". Đây là điểm cốt yếu về Giáo lý của Đức Phật Thích Ca Gotama (mà không có một Tôn Giáo nào khác trên thế giới khám phá ra được).

Như thế gạt bỏ các yếu tố đó (mười hai nhân Duyên) thì những vật có liên quan tùy thuộc lẫn nhau chẳng còn lý do gì để tồn tại.

Kết luận, lý thuyết "Paticca Samuppàda - Duyên Sinh" rất cần thiết để làm sáng tỏ trong "Tứ Diệu Đế, chân lý thứ hai là nguyên nhân sự Khổ và chân lý thứ 3 là tư cách diệt Khổ". Thuyết đó giải thích từ nền móng hạ tầng lên tầng cao tột bằng hình thức của một triết lý nhận định sáng suốt. (Đức Phật khi còn là đức Bồ Tát phải mất 6 năm khổ hạnh để tìm ra manh mối của sợi chuỗi 12 cái khoen Nhân Duyên đó). Nhìn vào bản lược đồ sau đây, chúng ta có thể nhận định về sự liên quan tùy thuộc với nhau giữa từng kiếp sống quá khứ, hiện tại và vị lai.

*BẢN LƯỢC ĐỒ*

|                      |                                                        |                                                   |
|----------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| <i>Kiếp quá khứ</i>  | <i>1. Vô Minh (nguồn gốc của Tham, Sân, Si)</i>        | <i>Kàma Bhava (Diễn tiến của Nghiệp)</i>          |
|                      | <i>2. Hành (hành động tạo ra sự sống)</i>              |                                                   |
| <i>Kiếp hiện tại</i> | <i>3. Thức (Sự biết mình)</i>                          | <i>Uppatti Bhava (Diễn tiến đưa đến tái sanh)</i> |
|                      | <i>4. Danh-Sắc (Sự phối hợp tinh thần và vật chất)</i> |                                                   |
|                      | <i>5. Lục Căn</i>                                      |                                                   |
|                      | <i>6. Xúc (Đụng chạm với sắc trần)</i>                 |                                                   |
|                      | <i>7. Thọ (Nhận lãnh tình cảm)</i>                     |                                                   |
|                      |                                                        |                                                   |

|             |                                   |                                               |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|
|             | 8. Ái (Tham dục)                  | Kamma Bhava<br>(Diễn tiến của Nghiệp)         |
|             | 9. Thủ (bám chặt đời sống)        |                                               |
|             | 10. Hữu (Diễn tiến của hành động) |                                               |
| Kiếp vị lai | 11. Sanh                          | Uppatti Bhava<br>(Diễn tiến đưa tới tái sanh) |
|             | 12. Tử                            |                                               |

(những chi tiết trên đây mô tả cái vòng lẩn quẩn: Sanh tử, Tử sanh kéo dài triền miên vô cùng tận của chúng sanh)

-ooOoo-

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [1.1](#) | [1.2](#) | [2.1](#) | [2.2](#) | [2.3](#) | [2.4](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 08-2001).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 01-08-2001

**Chuyển Pháp Luân và Tứ Diệu Đế**  
**Maha Thongkham và Huỳnh Văn Niệm soạn dịch**  
**Tái bản năm 1995 tại Sài Gòn**

**Phần II - TỨ DIỆU ĐẾ (tiếp theo)**

-ooOoo-

**II-4b**

**CHÁNH TƯ DUY**  
**"TƯ TƯỞNG CHON CHÁNH" (Sammà-Sankappa)**

**D.22** - "Vậy thế nào là "Chánh tư duy?". Đó là:

Tư tưởng không tham lam  
Tư tưởng không không hiểm độc  
Tư tưởng không không tàn bạo."

CHÁNH TƯ DUY THỂ GIAN VÀ CHÁNH TƯ DUY SIÊU THỂ GIAN.

**M.117** - "Như Lai nói Chánh tư duy có 2:

Tư tưởng không tham lam, không hiểm độc, không tàn bạo được gọi là "Chánh tư duy thể gian" (lokiya sammà sankappa). Những tư tưởng ấy đem lại quả vui trên cõi thế.

Đàng khác, tuy cũng suy tưởng, cũng lý luận, cũng nhận định, cũng tranh biện, cũng thực hành, nhưng tâm trí (của bậc Thánh Nhơn) đã được hoàn toàn thanh lọc, không còn mang tính cách thể gian, mà chỉ hướng về "đường siêu việt".

Bát Chánh Đạo thể thức hoạt động về tâm lý đó (Vaci Sankhara) được gọi là "Chánh tư duy Siêu thể gian". Những tư tưởng đó không thuộc lãnh vực thể gian, chúng ở ngoài thể gian và hợp nhất với con đường siêu việt.

SỰ LIÊN QUAN GIỮA CHÁNH TƯ DUY VỚI CÁC CHI KHÁC

"Khi biết rõ tư tưởng nào trái với lẽ phải, là tà vạy, là tư tưởng nào đúng chân lý, người (hành giả) đã có "Chánh kiến" (bước 1). Lúc nào cố tránh được những tư tưởng xấu xa để đánh thức những tư tưởng cao thượng, người đã thực hành "Chánh tinh tấn" (bước 6). Và khi chế ngự được những tư tưởng xấu xa, người đem hết tâm lực trau dồi các tư tưởng chánh đáng thì đã được thực hành "Chánh niệm" (bước thứ 7).

Cả 3 chi trên, Chánh kiến, Chánh tinh tấn và Chánh niệm, luôn luôn có liên hệ với Chánh tư duy"

-ooOoo-

**II-4c**

**CHÁNH NGŨ**  
**(Sammà-vacà)**

## A.X.(176) - "Chánh ngữ là gì?"

### 1. KHÔNG NÓI DỐI

"Người tránh xa sự nói dối và rắng tự chế, chỉ lời nói chân thật, trau dồi phẩm hạnh trung thực. Chắc chắn người sẽ được kẻ khác tin cậy và chẳng gây phiền muộn cho ai.

Giữa cuộc hội họp đông người và các bạn thân, trong dịp lễ đại nghị hay trước sân châu tại triều đình, nếu có ai muốn dẫn chứng một điều gì, người (Phật tử) trả lời biết đối với những gì mình đã biết và không biết gì về những gì mình không biết. Người trả lời có thấy đối với chuyện gì đã thấy và không nếu mình không thấy.

Như vậy, người chẳng hề cố ý nói dối, dù làm vậy có lợi ích cho mình hay cho kẻ khác, hoặc để được bất cứ lợi lộc nào khác".

### 2. KHÔNG NÓI LỜI ĐÂM THỌC

"Người cố tránh xa sự nói xấu kẻ khác và hằng tự chế. Nghe chuyện nơi này, người không nên lặp lại nơi khác để gây ra cái vạ. Biết chuyện chỗ nọ, người không đem nói lại đằng kia, để tạo ra tranh chấp. Làm vậy người đem lại hoà hợp cho những kẻ bị chia rẽ và khuyến khích những kẻ đang hoà nhã làm cho tâm người thơ thối và mang lại nhiều hạnh phúc".

### 3. KHÔNG NÓI LỜI CỘC CẦN THÔ LỖ

"Người cố tránh những lời nói hằn học thô lỗ, và răn tự chế, chỉ dùng ngôn ngữ dịu dàng, nghe êm tai dễ thương, nhã nhặn, duyên dáng hữu ích để gây thông cảm với phần đông".

#### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Theo kinh Trung A Hàm (Majjhima Nikaya) đức Thế Tôn có thuyết:*

*"Hỡi này chư Tỳ Khưu! Nếu bị bọn cướp hay kẻ sát nhân cưa tay, chặt chân, cưa đứt khớp xương, mà các người phát tâm nóng giận thì hẳn các người không nghe lời Như Lai dạy. Vậy các người nên tập luyện như thế này: "Hiện tâm trí ta rất vững vàng. Chẳng có lời bất nhã nào vượt ra khỏi miệng ta. Ta hãy rắng giữ thái độ thân hữu, thâm nhuần từ bi bác ái, không có ý gì sâu độc bí ẩn nào trong tâm. Và ta cố rài tâm từ bi rộng lớn vô lượng vô biên, chẳng lẫn lộn điều chi sân hận".*

### 4. KHÔNG NÓI LỜI VÔ ÍCH

A.X.(176) - "Người cố tránh lời nói vô ích và rắng tự chế. Chỉ nên nói chuyện nào cần thiết, tuy sự việc và khi đúng lúc như nói về Giáo lý, nói về Giới Luật. Mỗi lần phát biểu điều gì, lời nói của người cũng như một kho bảo vật được đưa ra đúng lúc, với lý luận ôn hòa mang đầy ý nghĩa. Đó là Chánh ngữ".

#### CHÁNH NGŨ THỂ GIAN VÀ CHÁNH NGŨ SIÊU THỂ GIAN.

M.117 - "Như Lai nói Chánh ngữ có hai:

1) Tránh sự nói dối, nói lời đâm thọc, nói lời hung dữ thô lỗ, nói lời vô ích, hằng đem quả vui lại cõi trần. Đó là" Chánh ngữ thể gian"(lokiya sammā vaca).

2) Đàng khác, có tâm chán ghét bốn điều ác khẩu, tư cách tránh xa, tự chế, kiềm hãm, tâm trí (của các bậc siêu nhân) đã được hoàn toàn thanh lọc, không hưởng về thể gian và đã hợp nhất với con đường siêu việt (Bát Chánh Đạo). Đó gọi là

"Chánh ngữ siêu thế gian" (lokuttara sammà vaca), không còn thuộc lãnh vực thế gian, ở ngoài thế gian và hợp nhất với con đường siêu việt".

## SỰ LIÊN QUAN GIỮA CHÁNH NGŨ VÀ CÁC CHI KHÁC.

Khi hiểu rõ lời nói bất hảo là xấu xa và lời nói chân chánh là đứng đắn, người (giới tử) đã có chánh kiến (bước 1). Cố gắng kiềm chế những lời nói bất hảo và chỉ thốt ra những lời chân chánh người đã thực hành về "Chánh tinh tấn" (bước thứ 6). tránh thốt ra những lời bất nhã, để hết tâm trí quán xét (về Chánh ngữ) người đã thực hành "Chánh niệm" (bước thứ 7).

"Như thế, có ba chi liên quan với Chánh ngữ là: Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm "

-ooOoo-

### II-4d

## CHÁNH NGHIỆP (Sammà-Kammanta)

**A.X (176) - "Chánh nghiệp là thế nào?"**

### KHÔNG SÁT SANH

"Người có chấp sát hại sự sanh vật và ráng tự chế, không dùng guom, dùng gậy, luôn luôn cẩn thận, tánh tình côi mờ hằng lo lắng cho chúng sanh được an vui".

### KHÔNG TRỘM CẤP

"Người có tránh sự trộm cắp và ráng tự chế. Những gì không thuộc của mình, như vật thực, bàn ghế, giường chõng của kẻ ở trong làng hay trong rừng, người chẳng hề có manh tâm chiếm đoạt".

### KHÔNG TÀ DÂM

"Người có tránh sự giao thiệp bất chánh với gái có người giữ gìn, như cha mẹ, anh em, cô bác hoặc phụ nữ có chồng, đàn bà bị tù tội, gái đeo dây trắng hoa (gái mất nết). Đó gọi là Chánh Nghiệp".

## CHÁNH NGHIỆP THẾ GIAN VÀ CHÁNH NGHIỆP SIÊU THẾ GIAN

**M.117 - "Như Lai nói Chánh nghiệp có hai:**

- Không sát sanh, trộm cắp, tà dâm hằng đem lại niềm vui nơi cõi trần được gọi là "Chánh Nghiệp thế gian" (Lokiya sammà kammanta).

- Đàng khác, biết ghê sợ 3 tà nghiệp, ráng tự chế kiềm hãm, điều ngự tâm trí (của bậc siêu nhân) được hoàn toàn thanh lọc, không hướng về thế gian, mà đã hợp nhất với con đường siêu việt (Bát Chánh Đạo). Đó gọi là "Chánh Nghiệp siêu thế gian" (lokuttara sammà kammanta). Nó không còn thuộc lãnh vực thế gian, ở ngoài thế gian, và đã hợp nhất với 'con đường siêu việt'.

## SỰ LIÊN QUAN GIỮA CHÁNH NGHIỆP VỚI CÁC CHI KHÁC

"Khi hiểu rõ tà nghiệp là xấu xa và chánh nghiệp là cao đẹp, người đã thực hành chánh kiến (bước 1). chế ngự được tà nghiệp và cố gắng un đúc chánh nghiệp, người đã thực hành

"Chánh tinh tấn "(bước thứ 6). Vượt qua khỏi tà nghiệp, chú tâm suy xét về Chánh nghiệp người đã thực hành "Chánh niệm" (bước thứ 7).

"N như vậy, có ba yếu tố liên quan với Chánh nghiệp là: Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm".

-ooOoo-

## II-4e

### CHÁNH MẠNG (Sammà-Ājiva)

**D.22** - "Thế nào gọi là Chánh mạng?

Khi người tu Phật biết tránh xa tội lỗi và tìm cách nuôi mạng bằng những nghề nghiệp chánh đáng trong danh dự, đó gọi là ‘Chánh mạng’.

#### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Kinh Majjhima Nikāya (117) có đoạn: "Làm việc bội phản, nói chuyện phiêu lưu, hành động gian xảo, ăn lời cắt cổ, đó là cách nuôi mạng xấu xa không chánh đáng (tà mạng)".*

*Kinh Anguttara Nikāya V.117 cũng có chép: "Có 5 nghề sanh nhai, mà người Phật tử cần nên tránh: Buôn bán khí giới, buôn bán người, bán thịt, bán nước say và bán thuốc độc".*

CHÁNH MẠNG THỂ GIAN VÀ CHÁNH MẠNG SIÊU THỂ GIAN.

Khi người Phật tử cố tránh xa tội lỗi, tìm nuôi thân bằng phương thức chánh đáng, hành động đó đem lại quả vui nơi cõi trần. Đó gọi là "Chánh mạng thể gian" (Lokiya sammā ājiva).

Đàng khác, chán ghét lối sống bê tha, biết tự chế, kiềm hãm, điều ngự, tâm trí (của bậc thánh nhân) không hướng về thể gian đã hợp nhất với con đường siêu việt (Bát Chánh Đạo).

SỰ LIÊN QUAN GIỮA CHÁNH MẠNG VÀ CÁC CHI KHÁC

"Khi hiểu rõ tà mạng là xấu xa và chánh mạng là cao đẹp, người đã thực hành chánh kiến (bước 1). Cố gắng vượt qua sự tà mạng bất chánh để un đúc chánh mạng, người đã thực hành "Chánh Tinh Tấn "(bước thứ 6). Ràng chế ngự tà mạng, và chăm chú niệm tưởng về Chánh mạng, người đã thực hành "Chánh niệm" (bước thứ 7).

"N như vậy, có ba chi liên quan với Chánh mạng là: Chánh kiến, Chánh tinh tấn, Chánh niệm".

-ooOoo-

## II-4f

### CHÁNH TINH TẤN (Sammà-Vāyāma)

**A.IV** - "Thế nào gọi là Chánh Tinh Tấn? - Như Lai nói Chánh Tinh Tấn có bốn:

Tinh tấn tránh xa  
Tinh tấn lướt qua khỏi  
Tinh tấn làm cho tiến triển  
Tinh tấn để bảo tồn.

## 1. TINH TẤN TRÁNH XA (Samvarappadhàna)

"Tinh tấn tránh xa là thế nào?"

Muốn tránh xa tội lỗi, người giới tử cố trau dồi tâm trí không cho nó đánh thức những tư tưởng xấu xa hay hành động đê hèn khi các ý nghĩ đó chưa phát sanh. Người cố gắng để hết các nghị lực chế ngự tư tưởng và chống trả lại nó.

Làm vậy, khi thấy hình sắc gì bằng đôi mắt, tai nghe tiếng động nào. Mùi ngửi mùi gì, lưỡi nếm vật chi hoặc thân va chạm với bất cứ vật gì, người không dừng lại với ý nghĩ đó, dù với tánh cách toàn diện hay vi tế. Những người ráng chống trả, quán tưởng về những khía cạnh xấu xa tội lỗi, khát khao khôn quần (của sắc trần) rất tai hại nếu không biết gìn giữ lục căn, không canh chừng và kiểm soát chúng.

Khi làm chủ được các giác quan một cách cao thượng rồi, giới tử cảm thấy mình được an vui thơ thới, chẳng có việc gì xấu xa đê tiện có thể xen vào (tâm trí).

Đó gọi là "tinh tấn tránh xa".

## 2. TINH TẤN LƯỢT QUA KHỎI (Pahānappadhāna)

"Thế nào là tinh tấn lướt qua khỏi?"

Muốn có sự tinh tấn này, giới tử ráng trau dồi tâm trí để vượt qua các việc xấu xa tội lỗi đã phát sanh. Người đem hết nghị lực chế ngự tư tưởng, chống trả lại những ý nghĩ đê hèn đó.

người không dừng lại trong tư tưởng tham dục, ác tâm hoặc bất cứ điều gì xấu xa khôn quần đã phát sanh và ráng sa thải, đánh tan huỷ diệt nó".

## NĂM PHƯƠNG PHÁP ĐỂ ĐÁNH TAN TƯ TƯỞNG XẤU XA (Tà Tư Duy)

**M.20** - "Khi nhìn thấy vật gì có thể đem lại ý nghĩ xấu xa tội lỗi, đánh thức lòng ham dục, si mê, sân hận, giới tử nên hành động như thế này:

- Quan sát kỹ vật đó, đem nó so sánh với một vật khác có tánh cách cao thượng cứu cánh hơn.
- Nghĩ về sự đê hèn của vật đó như thế này: "Ý nghĩ này thật như nhóp. Nó làm cho ta bị người chỉ trích và ắt sẽ đem lại hậu quả đau đớn
- Hoặc bỏ qua không nghĩ đến vật đó nữa.
- Hoặc suy xét về tánh cách phối hợp của nó.
- Hoặc cắn răng lại, uốn lưỡi lên ổ gà, kềm chặt cái tâm buộc nó phải xoá bỏ tận gốc rễ ý nghĩ đó.

Làm như vậy, những tư tưởng xấu xa tội lỗi, tham lam, sân hận, si mê sẽ tiêu tan, sẽ biến dạng ... và nội tâm sẽ được vững vàng, an tĩnh tập trung.

Đó là "tinh tấn lướt qua khỏi".

### 3. TINH TẤN LÀM CHO TIẾN TRIỂN (Bhàvanàppadhàna)

#### A.IV.13-14 - "Thế nào là tinh tấn làm cho tiến triển?"

Muốn được như vậy, người giới tử phải cần khuyến khích thiện chí của mình hướng về các điều tốt tươi cao thượng chưa phát sanh. Người cố gắng hết sức mình để đều ngự tâm trí và cố sức chiến đấu như thế, người làm cho những "nguyên tố Giác Ngộ" (bojjhanga, thật giác chi) được tiến triển thêm, phát tâm vui thích nơi thanh vắng, không còn luyến ái, đập tắt (phiền não) để đi lần tới sự giải thoát"

Đó là: Niệm tưởng (Sati), Thông suốt Giáo Pháp (Dhamma vicaya), Tinh tấn (Viriya), phi lạc (Piti), An tịnh (Passaddhi), Định tâm (Samàdhi), và Xả (Upekkhà).

Đó là "tinh tấn làm cho tiến triển".

### 4. TINH TẤN ĐỂ BẢO TỒN (Anurakkhanappadhàna)

#### "Thế nào là tinh tấn để bảo tồn?"

Về phương diện này, giới tử khuyến khích thiện chí của mình hướng về những điều tốt tươi cao thượng đã phát sanh rồi, không để tư tưởng cao đẹp đó tiêu tan, mà ráng làm cho nó phát triển đến mức chín muồi, đến hoàn hảo và tiến hoá triệt để (Bhàvana). Người cố gắng hết sức để điều ngự tâm trí và ráng chiến đấu.

Đó là "tinh tấn để bảo tồn".

**M.70** - "Thật ra, giới tử nào đã có đầy đủ giới đức, đã suốt thông Giáo lý của bậc thầy tổ, thì tâm trí thường có những ý nghĩ như vậy: "Dù cho da ta, gân ta, xương ta rã rời, dù cho thịt và máu ta khô can, ta cũng không ngừng sự quyết tâm tinh tấn nếu chưa đạt được mục đích mà con người có thể thành tựu với khả năng và nghị lực".

Đó là chánh tinh tấn".

**A.IV.(14)** - "Tinh tấn tránh xa (tội lỗi), tinh tấn lướt khỏi (tội lỗi), tinh tấn làm cho phát triển (các điều lành), tinh tấn bảo tồn (những pháp cao thượng) là bốn giai đoạn về tinh tấn mà bậc đại hiền đã chứng minh. Kẻ nào cố bám dính vào các đức tánh đó sẽ kết liễu được những điều thống khổ"

-ooOoo-

## II-4g

### CHÁNH NIỆM (Sammà-Sati)

"Cũng như thót voi rừng bỏ tánh hung hăng khó dạy để trở nên thuần nết, không hoảng sợ lúc xông pha trận mạc, và được đức vua trọng dụng ...

Thầy Tỳ Khuru tách rời thế sự ... không còn buông lung ngoan cố, ráng trau dồi giới đức để đắc quả Niết Bàn bằng cách buộc chặt mình vào bốn cây trụ "Niệm Tưởng Căn Bản" (Tứ Niệm Xứ). -- MAJJIMA NIKAYA III

BỐN NIỆM TUỞNG CĂN BẢN - (Tứ Niệm Xứ, "Sati Patthàna")

#### D.22 - "Thế nào là Chánh niệm?"

Phương pháp duy nhất để tiến tới tư cách hoàn toàn trong sạch, để vượt qua khỏi mỗi ưu phiền, chấm dứt niềm Đau Khổ và mở đường chân chánh đi đến đạo quả Niết Bàn, phương pháp đó nằm trong bốn "Niệm Tưởng Căn Bản" (Tứ Niệm Xứ).

Hành theo Tứ Niệm Xứ, người giới tử luôn luôn sống trong tình trạng "Minh Sát" về thân thể, trải nghiệm những cảm và tình tấn phân tách các hiện tượng (pháp) phát sanh. Người thường xuyên dũng mãnh, chăm chú biết mình, gạt bỏ một bên tất cả sự khát vọng và phiền muộn của thế gian (sống với hiện tại).

### NIỆM THÂN (Kāyānupassanā)

"Vây chó người giới tử quán tưởng về xác thân như thế nào?"

Người tìm đi vào rừng, dưới một cội cây, trong nơi thanh vắng, ngồi kiết già, thân hình ngay thẳng, chú tâm về phía trước"

### NIỆM VỀ HƠI THỞ VÔ RA (Anāpāna Sati)

"Với tâm trí chăm chú, người hít hơi vô. Với tâm trí chăm chú, người thở hơi ra. Khi hít vô dài, người biết mình hít hơi dài. Lúc thở ra chậm, người biết mình thở ra chậm. Khi hít vô vắn, người biết mình hít hơi vắn. Lúc thở ra mau người biết mình thở ra mau.

Nhận định rõ toàn thân hơi thở, người hít hơi vô. Nhận định rõ toàn thân hơi thở, người mới thở ra. Hành giả hãy luyện tập như thế đó.

Với xác thân yên tĩnh trong tư thế (Kaya-sāṅkhāra) người hít hơi vô. Với xác thân yên tĩnh trong tư thế ấy, người mới thở ra. Hành giả nên luyện tập như thế đó.

Rồi người quán tưởng thân mình với tư cách chủ quan và suy xét đến cơ thể kẻ khác với tư cách khách quan. Người nhận định rõ xác thân được cấu tạo và bị tan rã như thế nào? Người nhận rõ tư cách sanh diệt của các vật thể và nghĩ rằng: "Đang có một vật thể tại đây" (nói về thân của mình).

Thân xác đó không phải là một sanh vật, không phải là một cá nhân, không phải là đàn bà hay đàn ông và cũng không phải là bản ngã. Chẳng phải cái gì thuộc về ta hay kẻ khác hoặc là của bất cứ một người nào."

### NIỆM TƯỞNG VỀ BỐN HOÀI NGHI

**D.22** - "Tiếp theo đó, giới tử nhận thức rõ đúng theo chân lý bốn oai nghi: Đi, đứng, nằm, ngồi, như vậy: "ta đang đi, ta đang đứng, ta đang ngồi, ta đang nằm, ta đang ở trong oai nghi này hay oai nghi khác".

Giới tử biết rõ chẳng có một chúng sanh hay một thực ngã đang đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... Và đó chỉ là một lẽ lẽ về ngôn ngữ mà thôi.

### NIỆM TƯỞNG VỀ SỰ SÁNG SUỐT BIẾT MÌNH (Sāti Sampajanna)

**D.22** - "Tiếp theo đó, giới tử luôn luôn sáng suốt biết mình khi đi tới hay đi lui, biết mình đang ngó về phía trước hay dóm lại đằng sau, biết mình khom lưng xuống hay chỗi đứng dậy, biết mình đang thọ thực, uống nước, nhai nếm thức ăn, biết mình khi hành sự tẩy ô trược (đại hay tiểu tiện). Người sáng suốt hay biết mình trong lúc đi, đứng, ngồi, ngủ hay thức, biết mình đang nói chuyện hay im lặng.

Trong các trường hợp, giới tử sáng suốt biết rõ ý định của mình, biết nhận thức sự lợi ích, biết rõ bổn phận và mỗi hành động đứng theo chân lý".

## NIỆM TƯỚNG VỀ XÁC THÂN Ô TRƯỚC (Patikkula Sanna)

**D.22** - "Tiếp theo đó, giới tử quan sát thân mình từ bàn chân lên tới đầu, từ tóc trở xuống chân, dường như bị bao phủ bằng một lớp da trong đó chứa đầy những vật ô trước. Người suy nghĩ như vậy: "Thân này gồm có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, xương, tủy, thận, tim, gan, phổi, hoành cách mạc, lá mía, dạ dày, ruột, phân, mật, đờm, mồ hôi, máu, mùi hôi, nước giải, huyết thanh, nước khớp xương, nước mắt, nước tiểu.

Như người kia nhìn xem một cái bao, miệng mở toanh ra cho thấy trong đó đựng các loại ngũ cốc như: Gạo, đậu, mè ... rồi tự nghĩ: "Nếu ta không mù quáng thì đó hẳn là những hạt gạo, đậu, mè..."

Giới tử quan sát và thấy rõ thân hình như thế ấy"

## NIỆM TƯỚNG VỀ BỐN NGUYÊN TỐ (Tứ đại)

"Tiếp theo đó, quan sát thân mình, so sánh nó với các nguyên tố, người giới tử suy nghĩ: "Thân này do những chất: chất rắn, lưu động, nóng và rung chuyển cấu thành".

"Như tên đồ tể sành nghề đứng tại ngã tư đường, trải banh trên thớt những miếng thịt của con bò cái vừa bị triệt hạ. Thì cũng như thế ấy, giới tử niệm tưởng xác thân của mình và so sánh nó với bốn nguyên tố".

## NIỆM TƯỚNG TRÊN BÃI THA MA

"tiếp theo đó, giới tử hành động như thế này:

1) Khi gặp một thân người bị vắt trên bãi tha ma. Xác chết được một hôm, hai, ba hoặc bốn hôm, sinh thúi rã rời bần thiêu. Người nghĩ lại thân mình như vậy: "Đây là thân ta. Nó cũng đồng bản chất (với xác chết) và phải chịu chung số phận không sao tránh khỏi.

2) Thấy một xác chết nằm trên bãi tha ma đã bị điều quạ, kên kên, chó nhà, chó rừng, banh xé hoặc có vòi đục khoét, giới tử nghĩ lại thân mình: "Đây là thân ta. Nó cũng đồng bản chất và phải chịu chung số phận không sao tránh khỏi.

3) Giới tử quán tưởng khi đứng trước một xác chết nằm trên bãi tha ma, thấy nó chỉ là một bộ cốt còn chút thịt thấm máu, các lông xương dính với nhau nhờ những sợi gân chằng chịt.

4) ... Bộ cốt không còn thịt tẩm máu khô, xương dính với nhau nhờ các sợi gân.

5) ... Bộ cốt hết thịt, hết máu, chỉ còn xương dính với gân.

6) ... Bộ cốt bị phân tán văng ra tứ hướng, xương mỗi khúc nằm một nơi, ở đây một bàn tay, đằng kia một bàn chân, một chả xương vai, một khúc xương đùi, xương hông, những cọng xương sườn, xương sống, một cái sọ. Giới tử nghĩ lại thân mình: "đây là thân ta. Nó cũng đồng bản chất và phải chịu chung số phận không sao tránh khỏi.

7) Tiếp theo đó, giới tử thấy xương người khô khốc như vỏ sò, vỏ ốc.

8) ... Thấy những đồng xương chồng chất từ nhiều năm qua.

9) ... Thấy xương tàn rêu nát như tro bụi. Nhìn lại mình, người tự nghĩ: "Đây là thân ta. Nó cũng đồng bản chất và phải chịu chung số phận không sao tránh khỏi số phận như vậy".

Cũng chính vì thế, người hành đạo phải niệm tưởng thân mình và thân kẻ khác, hoặc bất cứ vật thể nào. Người thấy rõ tư cách sanh diệt của các vật thể khác. Người nhận định như vậy:

"Tại đây đang có một vật thể" (xem thân mình là những nguyên tố vật chất giả tạm).

Nhờ niệm tưởng sáng suốt, hành giả biết nhận định chính xác, nên sống một cách tự do, chẳng còn dính mắc với bất cứ vật gì trên cõi thế".

Hành giả niệm thân là như thế đó".

## MƯỜI PHƯỚC BÁU

**M.119** - "Khi pháp niệm thân được thực hành đúng đắn, được tiếp tục không ngừng, được phát triển và trở thành thói quen, nó tạo ra một căn bản vững chắc, thì hành giả có hy vọng đạt được 10 phước báu như sau:

- 1) Chế ngự được sự vui cùng như sự khổ. Tâm không xao động. Chẳng có cảm nghĩ vui hay buồn trong các hoàn cảnh phát sanh đến cho mình.
- 2) Ngăn chặn những điều sợ hãi lo âu. Không dễ tâm bối rối khi sợ hãi phát sanh.
- 3) Chịu đựng nổi mức tấn công của muỗi mòng, rắn rít, nóng lạnh, đói khát. Có sự nhẫn nại khi thân thể bị hành hạ đau đớn, dù đau kinh khủng, khó chịu hay nguy hiểm thế mấy. Có nhẫn nại đối với những lời lẽ xấu xa hung dữ.
- 4) Hành giả có thể hưởng phi lạc tùy ý trong bốn bậc Thiền (vui thích trong lúc nhập định), thanh lọc nội tâm và được hạnh phúc huyền diệu trên thế gian này.

## SÁU PHÉP MÀU (ABHINNA)

Với tâm an tịnh, hành giả có thể đạt được những phép màu:

- 5) Đắc thần thông (Iddhividha), có thể bay trên hư không, đi trên mặt nước, chun xuống đất, hoá hình, v.v...
- 6) Thiên nhĩ thông (Dibbasota), nghe được tiếng của Chư Thiên, và tiếng người bất cứ xa hay gần.
- 7) Tha tâm thông (Parassa cetoparinna nana), đoán biết tư tưởng và ý đồ của người khác.
- 8) Túc mạng minh (Pubbenivāsānussati-nāna), nhớ lại các tiền kiếp của mình, biết trong kiếp nào mình mang tên gì, thuộc giai cấp nào, làm nghề gì vui khổ ra sao và lúc chết như thế nào, rồi được sanh lại ở đâu, v.v...
- 9) Thiên nhãn minh (Dibba cakkhu), thấy rõ tư cách sanh diệt của tất cả chúng sanh. Thấy chúng sanh trong mỗi kiếp vui hay Khổ, sang hay hèn tùy theo duyên nghiệp.
- 10) Lậu tận minh (Āsavakkhaya), thông suốt lý Tứ Diệu Đế và phương Pháp diệt trừ tham lam, sân hận, si mê. Biết rõ đây là sự Khổ, đây là nguyên nhân sự Khổ, đây là tư cách diệt Khổ và đây là con đường đi đến nơi dứt Khổ. Người biết do đâu mà Phiền não phát sanh. Khi tẩy trừ được lòng tham dục, sân hận, si mê và mạn vô minh tan biến, người đã đạt được trí tuệ giải thoát và biết mình đã sống đầy đủ cuộc đời đạo đức, việc phải làm mình đã làm rồi chẳng còn phận sự trên thế gian này nữa.

## GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Trong 6 phép màu kể trên, 5 cái đầu thuộc phạm vi thế gian (Lokiya) mà hạng phàm nhân có thể đạt được. Còn cái sau cùng là Lậu tận minh thì có tánh cách siêu thế gian (Lokuttara) đặt biệt dành riêng cho các bậc A La Hán vì các Ngài đã*

ở ngoài vòng thế sự. Chỉ cần thực hành đầy đủ 4 phạm định của hạng thế nhân cũng có thể thành đạt 5 phép màu đó.

Các phép thần thông là thành quả của 4 năng lực căn bản (Iddhipādas) là: tập trung ý muốn, tập trung nghị lực, tập trung tư tưởng và tập trung sự quan sát.

## NIỆM THỌ (Vedanā nuppassanā)

### D.22 - "Vậy chứ hành giả niệm thọ như thế nào?"

Khi va chạm với một cảm giác. Người biết nhận định rõ rệt như vậy: "Ta đang có cảm giác khó chịu, ta đang có cảm giác dễ chịu hay vô can. (Thọ này thuộc cảm giác không liên hệ với mình khi thấy hoặc nghe chuyện của người khác)".

#### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

Khác hơn quan niệm tâm lý của người châu Âu, danh từ Pāli "Vedana" có thể được áp dụng một cách bao quát cho cả 2 trường hợp vui và buồn, nên mới có cách nói: "Cảm giác vô can (trung tính)". Nghĩa là làm ngơ đối với những việc không dính dáng tới bản thân tuy mình vẫn nghe. Chỉ có những cảm giác liên hệ tới thân hay tâm trí mình mới làm phát sanh cho thọ vui hay thọ khổ. Những thọ do mắt thấy, tai nghe thoáng qua, đụng chạm sơ sài, nếm thức ăn uống v.v... đều thuộc loại "Cảm giác vô can", có tánh cách tiêu cực.

D.22 - "Như thế hành giả niệm Thọ trên cả 3 phương diện: Niệm tưởng về bản thân, quán xét về kẻ khác, hoặc suy nghĩ đến cả 2 cùng một lúc. Người nhận thức "Thọ" xuất hiện ra sao và biến mất như thế nào, biết rõ tư cách sanh diệt của nó và nghĩ rằng: "Tại đây đang có cảm giác", hành giả biết mình một cách sáng suốt như thế nhờ sự chú tâm và trí tuệ.

Vì vậy, người sống tự do, chẳng còn dính mắc với bất cứ vật gì trên cõi thế ... hành giả niệm thọ như thế đó".

#### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

Hành giả nhận định cách nói "Ta đang có cảm giác", đó là không ngoài quan niệm thông thường về ngôn ngữ để giải thích một sự việc vậy thôi. Theo ý nghĩ tuyệt đối, "Paramattha", thì chỉ có những thọ (cảm giác), chứ không có một thực thể, một nhân vật hay một người đang trải nghiệm tình cảm nào cả.

## NIỆM TÂM (Cittānupassanā)

### D.22 - "Hành giả niệm tâm như thế nào?"

Ở giai đoạn này, người rất thông thạo, biết rõ những tư tưởng phát sinh ra? Chúng thuộc loại có tánh cách tham dục hay không có. Chúng thuộc loại sân hận, si mê hay không có.

Người biết cách tư tưởng đó trong sạch hay nhơ bẩn, có ý thức hay vô ý thức, thấp hèn hay cao thượng, tầm thường hay quan trọng. Tư tưởng đó tập trung hay rời rạc, tự do hay lệ thuộc".

#### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

Ở trường hợp này tiếng Pāli "Citta" (Tâm) đồng nghĩa với "Vinnana"(Thức) nên được gọi là "Tâm Thức" chứ không thể cho nó đồng nghĩa với danh từ "Tư tưởng". Vì tư tưởng và những hoạt động của tư tưởng đều thuộc phạm vi "Lý Trí" - Vitakkha (Tầm) và Vicāra (Sát)- là những thành phần của "Hành uẩn"

(Sankhàra khandā). Lễ đó, tư tưởng có tánh cách phụ thuộc và được gặp 6 "tâm thức". Khi hành giả đắc được nhị Thiền, tam Thiền, tứ Thiền (bước thứ 8) thì tư tưởng bị loại trừ.

**D.22** - "Hành giả niệm Tâm như thế đó. Người quán xét tâm mình và tâm kẻ khác, hoặc cả 2 cùng một lúc. Người biết phân biệt tư tưởng bùng dậy như thế nào và tan biến ra sao? Phẩm hạnh sáng suốt biết mình đó là thành quả của sự trì chí thực hành công phu rèn luyện pháp Chánh niệm. Và người được sống tự do, chẳng còn dính mắc với bất cứ việc trên cõi thế.

Hành giả niệm Tâm như thế đó".

## NIỆM PHÁP (DHAMMÀNUPASSANÀ)

"Và hành giả niệm pháp như thế nào?

Người quán tưởng về 5 trạng thái được gọi là những điều chương ngại (5 triền cái)".

### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

Những "pháp" hay là trạng thái về tâm trí, tư tưởng, thọ cảm, v.v... đều thuộc "Tưởng uẩn" (Sanna khandha) và "Hành uẩn" (Sankhara khandha). Hai uẩn đó liên hệ tới sự nhận định biết mình và quan niệm sự khác biệt chủ quan (trước những hoàn cảnh).

Vì vậy 4 Pháp niệm tưởng trong bước thứ 7 về Chánh niệm của Bát Chánh Đạo gồm cả 5 uẩn tạo ra sự sống:

*Pháp niệm tưởng thứ nhất, "Niệm Thân", thuộc về đời sống vật chất (Sắc Uẩn).*

*Pháp thứ 2, "Niệm Thọ", thuộc về cảm giác (Thọ Uẩn).*

*Pháp thứ 3, "Niệm Tâm", thuộc về sự nhận định biết mình (Thức Uẩn).*

*Pháp thứ 4, "Niệm Pháp", thuộc quan niệm về tánh cách khác biệt chủ quan (Hành Uẩn và Tưởng Uẩn).*

## NĂM PHÁP CHƯỚNG NGẠI (Nivàranà - Triền cái)

"Đó là:

- Khi tâm tham muốn nhục dục, "Kàmachanda", phát sanh, hành giả biết rõ: Ta đang khao khát nhục dục".

- Khi ý nghĩ sân hận, "Vyàpàda", phát sanh, người biết rõ: "Ta đang uất hận trong tâm".

- Khi sự hôn trầm, "Middha", phát sanh, người biết: "Ta đang uể oải chán nản đây".

- Khi sự phóng tâm, "Uddhacca", phát sanh, người biết: "Ta đang xôn xao bối rối".

- Khi sự hoài nghi, "Vicikicchà", phát sanh, người biết: "Ta đang hoang mang ngờ vực đây".

Và những điều chương ngại đó không phát sanh, người cũng biết rõ: "Ta chẳng có việc gì trở ngại cả".

Người biết những pháp đó phát sanh ra sao và biết cách chế ngự chúng. Người biết chúng bị loại trừ và không phát sanh nữa ".

### *GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

*Ví dụ tình dục phát sanh do sự thiếu minh mẫn có thể bị loại trừ bằng 6 phương thức sâu đây:*

- Chú tâm về một trường hợp nào có thể khởi động sự nhàm chán, như quán tưởng các vật trong thân thể.
- Kiểm soát lục căn, không cho phóng túng trước sắc trần.
- Giảm độ trong vật thực (tránh các món ăn kích thích, dùng vật thực dễ tiêu hoá).
- Thân cận bạn lành (người cùng chí hướng và có tinh thần đạo đức như mình).
- Tìm học hỏi với bậc thiện trí thức (để được kinh nghiệm về chân lý).
- Suy ngẫm và tra cứu kinh sách (để thông suốt những gì có liên quan với đạo giải thoát).

*Sự khuấy rối nội tâm bị huỷ diệt khi đắc đạo quả Tu Đà Hườn. Tình dục bị loại khi đắc A Na Hàm. Tội đạo quả A La Hán thì sự phóng tâm mới bị diệt tận.*

### NĂM UẨN (Khandha)

**D.22** - "Và tiếp theo đó, hành giả niệm tưởng về 5 uẩn tạo thành kiếp sống:

Người quan niệm rõ các hình thể vật chất (sắc), "Rùpa", và biết được tư cách sanh diệt của sắc.

Người quan niệm rõ sự cảm giác (thọ), "Vedana", và biết cách sanh diệt của thọ.

Người quan niệm rõ sự chấp nhận tình cảm (tưởng), "Sannà", và biết tư cách sanh diệt của tưởng.

Người quan niệm rõ sự phối hợp tư tưởng (hành), "Sankhàrà", và biết tư cách sanh diệt của hành.

Người quan niệm rõ sự nhận định hiểu biết (thức), "Vinnàna", và biết tư cách sanh diệt của thức".

### SÁU YẾU TỐ CHỦ QUAN VÀ KHÁCH QUAN CỦA LỤC CĂN, "ÀYATANA"

"Và tiếp theo đó, hành giả niệm tưởng về các pháp gọi là "sáu yếu tố chủ quan và khách quan và khách quan của lục căn"

Người biết rõ bản chất của mắt và sắc tướng .

Biết rõ bản chất của tai và âm thanh.

Biết rõ bản chất của mũi và hương.

Biết rõ bản chất của lưỡi và vị.

Biết rõ bản chất của thân và sự đụng chạm.

Biết rõ bản chất của ý và tư tưởng .

Cuối cùng người biết rõ trạng thái hoang mang xao động kể trên gây ra, biết cái tâm bất tịnh phát sanh và bị diệt như thế nào. người biết khi phóng tâm bị loại trừ và nó sẽ không phát sanh nữa".

### BẢY NGUYÊN TỐ GIÁC NGỘ (Bojjhanga)

(bảy nhân sanh quả Bồ Đề hay là Thất Giác Chi)

"Và tiếp theo đó, hành giả niệm tưởng về các pháp gọi là "Bảy nguyên tố Giác Ngộ".

Người biết rõ khi nào mình có sự niệm tưởng (Sati).  
Biết rõ khi nào mình đang suy cứu về Giáo Pháp (Dhamma Vicaya, Trạch Pháp).  
Biết rõ khi nào mình có sự tinh tấn (Viriya).  
Biết rõ khi nào mình có phi lạc (Piti).  
Biết rõ khi nào mình có sự an vui hạnh phúc (Passadhi).  
Biết rõ khi nào mình có tâm Định (Samādhi).  
Biết rõ khi nào mình có tâm bình đẳng tự tại, "Xả" (Upekkha).

Người biết rõ khi nào không có cái này (nhân) thì cái kia (duyên) cũng không phát sanh và bị diệt".

#### BỐN CHÂN LÝ CAO SIÊU (Ariya Sacca - TỨ DIỆU ĐẾ)

"Và tiếp theo đó, hành giả niệm tưởng qua các pháp được gọi là "Bốn chân lý cao siêu".

Người hiểu đúng theo chân lý thế nào là sự Khổ.  
Người hiểu đúng theo chân lý thế nào là nguyên nhân sự Khổ  
Người biết rõ tư cách diệt Khổ  
Người biết rõ con đường đưa đến nơi dứt Khổ.

"Như thế đó, hành giả niệm tưởng các pháp đối với bản thân (chủ quan) và đối với kẻ khác (khách quan), hoặc cả 2 cùng một lúc.

Người hiểu rõ tư cách sanh diệt của các pháp và suy nghĩ: "Tại đây có những pháp đang phát sanh".

Sự hiểu biết sáng suốt này là do thành quả của công phu học hỏi, trì chí rèn luyện pháp Chánh niệm. Và người được sống tự do, chẳng còn dính mắc với bất cứ vật gì trên cõi thế.

Phương pháp duy nhất đưa tới phẩm hạnh hoàn toàn trong sạch, tới tư cách diệt trừ phiền muộn khóc than, tới con đường chân chánh để đi đến Niết Bàn, phương pháp đó là "bốn pháp niệm tưởng căn bản" (Tứ Niệm Xứ).

#### GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA

*Cả bốn pháp niệm tưởng đều liên quan với năm uẩn tạo thành đời sống. Niệm tưởng có nghĩa là chủ tâm quán xét.*

*Niệm thân liên quan với "sắc uẩn"  
Niệm thọ liên quan với "Thọ uẩn"  
Niệm tâm liên quan với "Thức uẩn"  
Niệm pháp liên quan tới "Tưởng và Hành uẩn"*

#### NIỆM HƠI THỞ VÀ NIẾT BÀN

**M.118** - "Tu cách niệm tưởng về hơi thở vô ra (anāpāna sati) được thực hành và phát triển làm cho 4 pháp niệm tưởng căn bản (Tứ Niệm Xứ) thêm hoàn hảo. Bốn pháp niệm tưởng căn bản được thực hành và phát triển và phát sanh bảy nguyên tố giác ngộ. Bảy nguyên tố giác ngộ được thực hành và phát triển và phát sanh tuệ giác hoàn toàn.

Nhưng phải thực hành và làm phát triển sự niệm tưởng về hơi thở vô ra như thế nào để đưa bốn pháp niệm tưởng (sati patthana) lên tới tột điểm?

1) Đó là khi nào hành giả:

Biết mình và ghi nhớ rõ hơi thở vô, hơi thở ra dài,  
Biết mình và ghi nhớ rõ hơi thở vô, hơi thở ra vắng,  
Biết mình và sự luân chuyển của hơi thở trong khắp châu thân,  
Biết rõ chế ngự hơi thở cho điều hoà êm dịu hơn.

Đến lúc này hành giả an trú trong niệm thân, có đầy đủ nghị lực, tâm trí sáng suốt, luôn luôn chăm chú biết mình. Người lướt qua tất cả sự tham dục và đau khổ trên thế gian.

Như Lai nói hơi thở vô ra cũng là một thành phần của cơ thể. Tuy không thấy được, nhưng hơi thở thuộc về vật chất (sắc).

2) Khi hành giả thực hành pháp kiểm soát hơi thở vô ra:

Có cảm giác mình được phi lạc (Piti),  
Có cảm giác mình được an vui hạnh phúc (Sukha),  
Có tâm hành (Citta Sankhara),  
Có sự an tịnh của tâm hành.

Đến lúc này hành giả an trú trong pháp niệm thọ. đầy đủ nghị lực, tâm trí sáng suốt, luôn luôn chăm chú biết mình. Người lướt qua khỏi tất cả tham dục và đau khổ trên thế gian.

Như Lai nói tư cách ghi nhớ biết mình về hơi thở vô ra cũng thuộc về cảm giác (Thọ).

3) Khi hành giả thực hành pháp kiểm soát hơi thở vô ra:

Biết rõ tình trạng tâm mình,  
Biết có sự thư thái trong tâm,  
Biết pháp hành đó đưa tâm tới an định,  
Biết pháp hành đó giải thoát tâm (ra khỏi ngã chấp).

Đến lúc này, hành giả an trú trong pháp niệm tâm, có đầy đủ nghị lực và sự ghi nhớ biết mình. Người lướt qua khỏi tham dục đau khổ trên thế gian. Lễ đó, nếu không có sự niệm tưởng sáng suốt biết mình (niệm Tâm), thì không thể nào kiểm soát được hơi thở vô ra.

4) Khi hành giả thực hành pháp kiểm soát hơi thở vô ra và niệm tưởng về:

Tư cách vô thường (của thế gian),  
Tư cách dập tắt (Si mê),  
Tư cách lìa bỏ (Tham dục và Sân hận)  
Tư cách chấm dứt (Tham dục và Sân hận)

Đến lúc này hành giả an trú trong tình trạng niệm pháp có đầy đủ nghị lực, luôn luôn ghi nhớ biết mình. Người lướt qua tất cả tham dục và khổ đau trên thế gian.

Phương thức kiểm soát hơi thở vô ra được thực hành và phát triển làm cho thành tựu bốn pháp niệm tưởng căn bản (Tứ Niệm Xứ) lên tới mức độ hoàn hảo.

Nhưng "bốn pháp niệm tưởng căn bản" được thực hành và phát triển và làm cho thành tựu bảy nguyên tố giác ngộ như thế nào?

1) Khi hành giả an trú trong pháp: niệm Thân, niệm Thọ, niệm Tâm, niệm Pháp, có đầy đủ nghị lực, luôn luôn biết mình thì người lướt qua khỏi tất cả tham dục và đau khổ trên thế gian.

Và đến khi nào Pháp niệm tưởng không còn bị xao lãng, mức độ chú tâm được vững vàng không gì lay chuyển nổi, lúc đó hành giả thành đạt được nguyên tố Giác Ngộ "Sati Sambojjhanga" (Niệm tưởng sáng suốt, hay là Bồ đề Niệm).

Nguyên tố Giác Ngộ này được thực hành và phát triển tới mức độ toàn hảo là như thế.

2) Hành giả dùng trí tuệ để nghiên cứu giáo pháp "Dhamma", khi đó người tấn hoá thêm một bước và thành đạt nguyên tố Giác Ngộ "Dhammavicaya-Sambojjhanga" (Thông suốt Chánh Pháp).

Nguyên tố Giác Ngộ này được thực hành và phát triển tới mức độ toàn hảo là như thế.

3) Hành giả để hết năng lực quan sát, suy cứu, dùng trí tuệ niệm tưởng về Giáo Pháp, không gì lay chuyển nổi, khi đó người tiến hoá thêm một bước và thành đạt nguyên tố "Viriya Sambojjhanga" (Tin tấn sáng suốt).

Nguyên tố Giác Ngộ này được thực hành và phát triển tới mức độ toàn hảo là như thế.

4) Khi hành giả cương quyết tinh tấn hành đạo thì cảm giác an vui hạnh phúc phát sanh vì đã thoát khỏi ảnh hưởng lực của lục căn. Lúc đó người đạt được nguyên tố Giác Ngộ "Piti Sambojjhanga" (Phi lạc cao thượng).

Nguyên tố Giác Ngộ này được thực hành và phát triển tới mức độ toàn hảo là như thế.

5) Khi thân tâm hành giả được thấm nhuần sự thơ thới và phi lạc, lúc đó người đạt được nguyên tố Giác Ngộ "Passadi Sambojjhanga" (hạnh phúc siêu việt).

Nguyên tố Giác Ngộ này được thực hành và phát triển tới mức độ toàn hảo là như thế.

6) Khi thân tâm hành giả được thấm nhuần sự thanh tịnh và tập trung tư tưởng, lúc đó người đã tiến hoá thêm một bước và thành đạt nguyên tố Giác Ngộ "Samādhi Sambojjhanga" (Định tâm cao thượng).

Nguyên tố Giác Ngộ này được thực hành và phát triển tới mức độ toàn hảo là như thế.

7) Và khi hành giả quan niệm những trạng thái với tư cách bình đẳng về tư tưởng (bất chấp) và tâm trí tập trung, lúc đó người đã tiến hoá thêm một bước và đạt được nguyên tố Giác Ngộ "Upekkhā Sambojjhanga" (Tâm Xả).

Bốn pháp niệm tưởng căn bản được thực hành và phát triển, đưa bảy nguyên tố Giác Ngộ tới mức phát triển, đưa bảy nguyên tố Giác Ngộ tới mức hoàn hảo là như thế.

Còn những trường hợp nào bảy nguyên tố Giác Ngộ được thực hành và phát triển có thể đưa tới trí tuệ giải thoát toàn hảo - "Vijjā Vimutti"?

Về điều này hành giả cố gắng hết mình để trau dồi bảy nguyên tố Giác Ngộ: Chánh niệm, suốt thông Giáo Pháp, Tinh Tấn, Phi Lạc, Hạnh Phúc, Định Tâm, và Xả để đưa người tới tư cách vất bỏ thế sự, diệt tận lòng tham dục, dặt tắt phiền não...

Thực hành và làm phát triển bảy nguyên tố Giác Ngộ để đưa đến trí tuệ giải thoát là như thế".

**M.125** - "Cũng như người thợ săn cạm xuống đất một cây trụ rắn chắc và cột cổ con voi rừng vào đó làm cho nó bỏ rơi những tật cũ và tánh cách ưa sống nơi chốn sơn lâm, bỏ hết buông lung, bỏ thói cứng đầu hung hăng nơi rừng rú ... và tập cho nó lối sống theo miền thôn dã. Người thợ săn dạy nó các tánh tốt cần thiết để thân cận với loài người.

Thì cũng như thế ấy, người giới tử nhiệt thành cần phải để tâm lực vào bốn pháp niệm tưởng căn bản nhằm loại trừ những thói quen là: tham dục quá độ, dễ dôi câu thả, cứng đầu khó dạy và tánh tình tàn bạo, để thành đạt chân lý, để đắc đạo quả Niết Bàn.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [1.1](#) | [1.2](#) | [2.1](#) | [2.2](#) | [2.3](#) | [2.4](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 08-2001).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 01-08-2001

**Chuyển Pháp Luân và Tứ Diệu Đế**  
**Maha Thongkham và Huỳnh Văn Niệm soạn dịch**  
**Tái bản năm 1995 tại Sài Gòn**

**Phần II - TỨ DIỆU ĐẾ (tiếp theo)**

-ooOoo-

**II-4h**

**CHÁNH ĐỊNH**  
**(Sammà-samàdhi)**

"Chánh Định là thế nào?

**M. 44** - "Tư cách chú tâm và một vật duy nhất, "Cittakaggata" (và chẳng nghĩ đến bất cứ việc gì khác). Đó là pháp định tâm".

*GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

*"Tư cách tịnh tâm toàn hảo "Sammà samadhi" (Chánh Định) theo ý nghĩa rộng rãi, nó thuộc vào loại Định tâm phát sanh trong mỗi tư tưởng về việc lành "kusalacitta" (thiện tâm).*

*Tâm thiện có kèm theo:*

- Tư tưởng chân chánh "Sammà sankappa" (Chánh tư duy), trong bước thứ 2 của Bát Chánh Đạo.
- Chánh tinh tấn "Sammà vàyàma" trong bước thứ 6.
- Chánh niệm "Sammà sati" trong bước thứ 7.

*Trạng thái tịnh tâm bất chánh (xấu xa) thường phát sanh do tư tưởng mê hèn dơ bẩn. Nó thuộc về lãnh vực của các giác quan, chứ không phải Chánh Định.*

*Vì Diệu Pháp (Abhidhamma) có nói về 2 trạng thái của phạm Định:*

- Kàmvacara Kusala Jhàna (Thấm nhuần trong tư tưởng tốt lành cao thượng).
- Kàmvacara Akusala jhàna (Thấm nhuần trong tư tưởng xấu xa tội lỗi).

*Cả 2 trạng thái đó đều thuộc lãnh vực của lục căn.*

*Nếu được áp dụng riêng rẽ, danh từ Samàdhi cũng có nghĩa "Chánh Định" (Sammà Samàdhi).*

**M.44** - Bốn Pháp niệm tưởng căn bản "Tứ Niệm Xứ" là những đề mục tập trung tư tưởng hay là tham thiền.

Bốn pháp tinh tấn cốt yếu, "Chánh Tinh Tấn" (bước thứ 6), rất cần cho sự hành thiền.

Thực hành làm cho phát triển và gieo trồng những Pháp kể trên được gọi là tư cách "tiến triển" (Bhàvanà) trong pháp tu thiền định.

### *PHÁP ĐỊNH TÂM - GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

*Có 2 mức độ tiến triển về tư cách Định tâm chân chánh, hay là "Chánh Định" (Sammà samàdhi):*

- *Cận Định (Upacàra samàdhi) là trạng thái kề cận Định Tâm (Jhàna) thứ I (Sơ Thiền) nhưng chưa nhập Định.*

- *Định tâm toàn hảo (Appanà samàdhi - Toàn định) là thành tựu đầy đủ 4 bậc thiền.*

*Tuy nhiên đặc được tất cả 4 bậc Thiền đó không phải là cần thiết để đạt 4 thánh quả, hay là "Bốn con đường siêu thoát". Vì nói theo bản chất, những trạng thái Cận Định hay Nhập Định đều có khả năng đưa tới mục đích của "Đạo Xuất Thế Gian" (Giải Thoát). Và Thiền Định cũng không thể tẩy trừ các ác Pháp lâu dài được.*

*Bốn đạo quả thánh nhân chỉ thành đạt được bằng Pháp "Minh Sát" (Vipassanà) hay là minh tâm kiến tánh. Nghĩa là dùng trí tuệ soi sáng nội tâm để thấy rõ đúng theo chân lý những trạng thái Vô thường (Aniccata), Khổ não (Dukkhatà) và Vô Ngã (Anattatà) của tất cả các pháp tạo ra đời sống.*

*Tuy nhiên tuệ giác cứu cánh chỉ có thể thành đạt trong giai đoạn "cận định" chứ không phải trong lúc nhập định.*

*Hành giả nào không đắc Thiền định nhưng vẫn đạt được một trong bốn thánh quả được gọi là "Sukkhavipassaka", nghĩa là người có nhãn quang soi thấu tất cả, hay là người đã dùng "Minh Sát tuệ" làm khô cạn phiền não.*

*Còn hành giả nào đã thực hành làm phát triển các bậc Thiền mà đắc được trong bốn quả Thánh thì được gọi là "Samaka Yàna", nghĩa là người đã dùng pháp môn "Tịnh Tâm" làm căn bản.*

### **BỐN BẬC THIỀN (Jhàna)**

**M.141** - "Khi chẳng còn dính mắc với sắc trần với các điều nhơ nhớp, hành giả bước vào bậc Định tâm thứ nhất là Sơ Thiền. Người thâm nhuần an vui hạnh phúc, không còn luyến ái".

**M.43** - "An trú trong Sơ Thiền, hành giả loại được 5 điều chương ngại là: Tham dục, Sân hận, Hôn trầm, Phóng tâm, Hoài nghi, và phát triển được 5 thiền chi: Tầm (Vitakka), Sát (vicàra), Phi lạc (Piti), An vui (Sukha) và Định (Cittakkagatà samàdhi, Nhất tâm định).

### *GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

*Vitakka (phối hợp sơ khởi các tư tưởng trừu tượng) và Vicàra (Phối hợp tư tưởng liên tục). Những tư tưởng này có tánh cách phụ thuộc so với Tầm.*

*Trong kinh Visudhi Magga (Con đường thanh tịnh), Vitakka (Tầm) ví như vớ lấy cái ô và Vicàra (Sát) là việc lau chùi cái ô.*

**M. 27** - "Tiếp theo đó, cái tâm trở nên an tịnh và tư tưởng được thăng bằng, hành giả bước vào tình trạng không còn Tầm (Vitakka) và nhập vào nhị Thiền, phát sanh do tâm Định (samàdhi). Hành giả thâm nhuần sự Phi lạc (Piti) và An vui (Sukha).

Sau đó, cái tâm phi lạc tan biến, hành giả an trú trong sự an Định nhưng còn biết mình. Người trải nghiệm trạng thái này mà bậc hiền triết thường hoan hô: "Hạnh phúc thay! Khi con người được an trú trong sự thanh tịnh và ghi nhớ của tâm". Chừng đó hành giả nhập vào Tam Thiền phát sanh với tâm Xả (upekkha), sự An vui (Sukka) và Định (Samādhi).

**M.27** - "Tiếp theo đó, sự biến tan của các niềm vui khổ quá khứ, hành giả chẳng còn cảm thấy vui buồn nào cả, người vượt qua khỏi ranh giới của những điều vui khổ và nhập vào Tứ Thiền. Đến đây, người chỉ còn lại tâm Niệm và tâm Xả."

### *GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI ĐỨC NYANATILOKA*

*Bốn bậc Thiền Định (phàm Định) có thể thành đạt bằng cách niệm hơi thở vô ra (anāpāna sati) và bốn bậc Thiền cao thượng (nhất là Tứ thiền) thì do pháp "Tịnh tâm" (và niệm tưởng).*

### CÁC BẬC THIỀN CAO THƯỢNG

**VM.9** - Tham thiền về tâm từ (metta bhāvanā), tham thiền về tâm bi mẫn (karuṇa bhāvanā), và tham thiền về sự hỷ lạc (mudita bhāvanā) có thể đưa tới nhập định.

**VM.6** - Tham thiền về bất tha ma cũng như về các vật ô trược (asubha bhāvanā) chỉ đưa tới sơ Thiền mà thôi.

**VM.6** - Niệm thân, niệm ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng và niệm Giới thì chỉ đưa tới cận định (upacāra samādhi).

**S.21** - "Các người nên cố gắng làm phát triển pháp môn Thiền Định, vì kẻ nào có tâm an định mới mong hiểu rõ mọi vật đúng theo chân lý. Mà những vật đó là gì? Đó là tư cách sanh diệt của năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

**M.48** - "Như thế cần phải hiểu rõ bằng trí tuệ năm uẩn tạo nên đời sống.

Si mê và tham dục cần phải loại trừ bằng trí tuệ. Pháp môn định tâm (Samatha - an cchi) và Minh Sát (Vipassanā) phải được triệt để phát triển bằng trí tuệ".

**S.56** - "Đó là con đường đi giữa (Trung đạo) do Đấng Toàn Giác đã khám phá và đem ra phổ biến để đưa tới an tịnh, tới sự biết phân biệt (chánh, tà), tới Giác Ngộ... tới Niết Bàn.

**DHP.275** - "Và đi theo con đường siêu việt đó, các người sẽ chấm dứt được nguồn thống khổ".

### NIẾT BÀN

**A.IV. (198)** - "Và tâm trí (của bậc đã được Giác Ngộ) trở nên tự do, không còn tham dục, không còn ngã chấp và đã thoát ly ra khỏi nơi tối tăm mờ ám (vô minh).

Người rất thích thú: "Ta đã được giải thoát rồi!" Nhận định này phát sanh trong con người đã Giác Ngộ.

Người hiểu rằng: "Ta sẽ không còn tái sanh nữa. Đời đạo đức đã vẹn toàn. Việc phải làm ta đã làm xong và chẳng còn gì phải bận tâm trên thế gian này nữa".

**M.26** - "Ta được tự do vĩnh viễn.  
Ta chỉ còn sanh ra trong kiếp này thôi.  
Chẳng còn sự tái sanh nào lôi kéo được ta ".

**M.140** - "Thật ra, đây là trí tuệ tuyệt vời cao cả. Ta biết rằng nguồn khổ đã biến tan. Và đây là sự an vui tuyệt đối. Ta biết rằng đã dập tắt được sự tham dục, si mê, oán hận."

### BẠC THANH TỊNH (MUNI)

**M.140** - "Nói rằng: Ta đây, là một ý định vô ích. Không phải ta đây, là một ý nghĩ vô ích. Sẽ có ta nữa, là một ý nghĩ vô ích." Những ý nghĩ đó, ví như một chứng bệnh, một vết thương, một cái gai nhọn.

Khi nào tẩy trừ được những ý nghĩ vu vơ không lợi ích, người trở thành bậc thanh tịnh "Muni" (Giữ sự im lặng đối với những tư tưởng vô ích).

Và bậc thanh tịnh đó không còn sanh trưởng nữa, không còn chết nữa, và chẳng còn tham muốn gì nữa. Nếu chẳng tái sanh và bị già nua nữa, thì cái chết làm sao đến được? Mà khỏi chết thì có gì phải sợ hãi lo âu? Và nếu không còn sợ thì cần gì phải tham muốn?"

### MỤC ĐÍCH THẬT SỰ

**M.29** - "Như thế, mục đích của đời đạo đức không phải chỉ trông cậy vào vật tín thí, vào tiếng tăm tham vọng, mà cũng không phải để thành đạt học thức cao thâm thông suốt.

Chỉ có tư cách giải thoát hoàn toàn tâm trí mới là cuộc sống siêu nhân và đó là căn bản, đó là mục đích".

**M.51** - "Những bậc đại hiền, những bậc Giác Ngộ thời quá khứ khuyến hoá hàng môn đệ với mục đích đó. Hiện nay Như Lai dạy các giới tử cũng thế. Và trong tương lai các Bậc Toàn Giác cũng hành động với đường lối đó".

**D.22** - "Hỡi này các đệ tử! Tuy nhiên sau khi Như Lai diệt độ, các người có thể nghĩ rằng: "Giáo Pháp của đức Thầy không còn nữa! Chúng ta mất vị Giáo Chủ rồi".

Hỡi các đệ tử! Chớ nên nghĩ như vậy. Chính Giáo Pháp (Dhamma) và Giới Luật (Vinaya) của Như Lai để lại sẽ là thầy tổ các người. Giáo Pháp sẽ là ánh sáng của các người. Giáo Pháp sẽ là nơi nương nhờ của các người. Các người chẳng nên tìm chỗ nương nhờ nào khác.

Hỡi các đệ tử! Chánh Pháp Như Lai truyền lại, các người nên ráng bảo tồn cẩn thận, làm cho đời đạo đức được tiếp tục cháy trôi suông sẻ, được kéo dài trong nhiều thế hệ, để đem lại hạnh phúc cho nhiều người, đem lại nguồn an vui cho thế gian, đem lại thanh bình hạnh phúc cho Chư Thiên và nhân loại".

-Hết-

## PHỤ ĐÍNH

### VỊ TRÍ CỦA PHÁP HÀNH "TỨ NIỆM XỨ" TRONG PHẬT GIÁO

Lý thuyết "Tứ Diệu Đế" ví như một kỳ quan đã phô bày những kiến trúc và nghệ thuật phi thường suốt một thời gian rồi bị lãng quên trong lòng đất. Lúc sau đó, nhờ trí óc khôn ngoan và công phu đào xới của nhà khảo cổ mà nó được tái xuất trước sự hân hoan chào đón của mọi người. Những Đấng Toàn Giác trong các thời đại đều căn cứ theo Tứ Diệu Đế để xây dựng Giáo lý.

Tứ Diệu Đế cũng như nền móng của một đền đài lộng lẫy nằm sâu dưới đất nhưng rắn chắc để nâng đỡ hàng cột tinh anh là "Bát Chánh Đạo". Tuy nhiên ngôi đền chỉ thành hình với mái nóc tuyệt mỹ cao vọi hướng thẳng lên tận không gian là "Tứ Niệm Xứ."

Đức Phật gọi Bát Chánh Đạo là con đường siêu việt. Con đường ra khỏi thế gian, con đường Giác Ngộ, con đường chấm dứt khổ đau, con đường đưa tới an vui tuyệt đối... cho những ai quyết chí noi theo. Tứ Niệm Xứ (Sati Patthana) hay là Chánh niệm (Sammā Sati) thuộc chỉ thứ 7 của Bát Chánh Đạo và được sắp vào phần "Định học". Chánh niệm là nòng cốt, là chúa tể gây ảnh hưởng sâu rộng đến 6 chỉ đầu của con đường siêu việt.

Trong kinh Trường A Hàm (Digha Nikāya), đức Thế Tôn có thuyết:

"Hỡi này chư Tỳ Khưu! Phương thức duy nhất để tiến tới tư cách hoàn toàn trong sạch, để vượt ra khỏi sự u phiền, chấm dứt khổ sâu, để mở đường chân chánh đi đến đạo quả Niết Bàn, phương thức đó là "Bốn Pháp Niệm Căn Bản" (Tứ Niệm Xứ)."

Tu tưởng là quan trọng nhất trong sự sanh hoạt con người. Vì nó là nguyên tố tạo nên nghiệp khiến chúng sanh phải quay quẩn trong vòng sanh tử. Lễ đó, niệm tưởng chân chánh là con đường duy nhất để chấm dứt nguồn thống khổ.

Tứ Niệm Xứ được chia ra làm 2 phần:

- Niệm Thân thuộc về phần vật chất (Sắc).
- Niệm Thọ, niệm Tâm, niệm Pháp thuộc về phần tâm lý (Danh)

Đức Phật sắp niệm Thân trước hết là một thể thức rất qui củ để cho người hành đạo dễ bước lần từ thấp lên cao. Niệm thân có tánh cách đơn giản hơn 3 pháp niệm tiếp theo về tâm lý, nhưng đó là đường lối rất thực tế và trọng đại. Bởi cơ thể là đề mục dính liền với bản ngã của con người. và nếu không ghi nhớ được những gì ở cận bên mình thì rất khó bề nghĩ đến chuyện xa vời. Theo tinh thần Phật Giáo, niệm Thân là nhằm mục đích để khám phá mục đích giả tạm của 4 nguyên tố (Tứ Đại) tạo thành cơ thể con người, loại trừ ngã chấp hầu đi đến giải thoát.

Phương pháp luyện thân "Hatha Yoga" bên Ấn Độ khác hơn pháp niệm Thân của Đạo Phật, vì người tín đồ của pháp môn này chú trọng về những tư cách phi thường hoặc mong thành hoặc đạt phép lạ hơn là tìm đường giải thoát. Hành giả Hatha Yoga có thể điều khiển cơ thể mình theo ý muốn, như nhịn ăn uống, ngưng hơi thở, chặn đứng huyết mạch, chuyển động gân cốt, chịu đựng nổi tuyết giá hay sức nóng cháy da, giữ yên một oai nghi rất lâu, v.v...

## SỰ LIÊN QUAN GIỮA CÁC HƠI THỞ VÀ PHÁP HÀNH THIỀN ĐỊNH

Đức Phật dạy hành giả hành Pháp Tứ Niệm Xứ phải bắt đầu chú tâm vào hơi thở vô ra của mình. Mà tại sao vậy? Vì trong hoạt động của cơ thể, sự hô hấp là thường xuyên và liên tục để ghi nhớ hơn các cử động bất thường khác.

Về khía cạnh khoa học, thở là điều cần thiết cho mỗi sanh vật. Sinh khí còn vô ra thì còn sự sống và khi ngừng thở thì sự sống chấm dứt. Hơi thở nhẹ nhàng êm dịu giúp hệ thống dẫn huyết hoạt động bình thường khiến con người được khoẻ mạnh, minh mẫn, sống lâu, cũng như trong bộ máy cơ giới xăng nhớt chạy đều.

Trong thời thượng cổ, thanh khí trên không gian rất dồi dào và thuật hô hấp loài người tinh vi nên ít bệnh hoạn và trường thọ. Những loài thú như rùa, rắn hay sanh vật khác không đi kiếm ăn được khi bị hạn hán, tuyết băng, nhưng vẫn sống được lâu ngày nhờ có bộ máy hô hấp đặt biệt của chúng.

Theo Hatha Yoga, nếu biết luyện hơi thở cho đúng cách thì nó di chuyển trong khắp châu thân, thông qua bộ thần kinh và thanh lọc những huyết (chakra), tẩy trừ các độc tố (toxine) trong máu, đem lại sức khỏe và trí tuệ cho hành giả. Nên cần biết lối thở bất thường của chúng ta hằng ngày không đủ năng lực để sa thải hoàn toàn những độc tố đó. phương pháp Hatha Yoga có hơn 10 cách thở khác nhau nhưng khác hơn về thể thức của Phật Giáo.

Đức Phật dạy hành giả khi thở vô ra dài vẫn, mau chậm cần phải biết rõ. Hành giả cần phải nhận thức tình trạng của tâm, xem coi nó xao động hay yên tĩnh. Vì nhịp độ của trái tim tùy thuộc vào nơi thở mau hay chậm. Và khi biết rõ tình trạng đó, hành giả phải điều chỉnh hơi thở lại cho vừa phải tùy theo bản chất và khả năng hô hấp của mình có cảm giác dễ chịu và vui thích trong khi thở chứ không phải chú tâm vào hơi thở mau chậm, dài vẫn rồi cứ để cho bộ máy hô hấp tự do tiếp tục hoạt động không bình thường như thế.

Việc chú tâm và sắp đặt hơi thở cho điều hoà như vậy lâu năm chảy thành thói quen, dường như cơ động tự nhiên dù trong lúc hành giả đang tham thiền về một đề mục nào hoặc hành pháp Minh Sát. Các vị thiên sư nói rằng hơi thở trong trường hợp này ở về phía hậu tuyến để nâng đỡ hành giả cho mau kết quả.

Tinh thần chỉ có thể trở nên trong sạch trong một xác thân được thanh lọc và khỏe mạnh. Lẽ đó, Đức Phật sắp đề mục niệm hơi thở đứng đầu trong pháp niệm thân và đó cũng là yếu tố tiền phong của pháp môn Tứ Niệm Xứ.

Thọ thuộc về tâm lý nhưng có phần giản dị hơn niệm Tâm và niệm Pháp. Khi hành giả có mức độ cao về tập trung tư tưởng và ghi nhớ biết mình thì hành pháp niệm Thọ rất dễ dàng.

Sau khi niệm Thọ hoàn tất, hành giả vào được bên trong ngôi đền "Tứ Niệm Xứ" để quan sát cung điện của hoàng thành. Từ đây phận sự của hành giả trở nên hết sức khó khăn tể nhị vì người đã biết qua giai đoạn phức tạp của "Minh Sát Tuệ" với 2 đề mục niệm Tâm và niệm Pháp. Người phải dày công tu luyện, giới đức viên dung, căn duyên tròn đủ mới mong tới được điện ngọc là Niết Bàn.

Nhờ thực hành pháp Tứ Niệm Xứ, người tu Phật mới thấu rõ bản chất vô thường của Ngũ uẩn và tư cách sanh diệt của chúng, để sau cùng phá vỡ sợi dây nhân duyên "Paticca Samuppāda" (duyên sinh) và thoát khỏi vòng sanh tử.

Cái tinh hoa tuyệt diệu của Phật Giáo như thứ cây ăn trái: những rễ bám sâu dưới đất là "Tứ Diệu Đế", cái thân cây hùng vĩ bên trên là "Bát Chánh Đạo", và cành lá trên ngọn cây đơm bông tro trái là "Tứ Niệm Xứ."

## ***SOẠN GIẢ HUỲNH VĂN NIỆM***

-ooOoo-

## **PHẬT NGÔN**

"Cổ công hành đạo, giới đức thầy Tỳ Khuru ngày thêm hoàn hảo. Các tật xấu được thanh lọc tẩy trừ, giờ đây người đã sẵn sàng bước lên đường thánh vực, như nén vàng ròng được người thợ khéo làm ra nhiều món nữ trang.

Thầy Tỳ Khuru tự do thông thả lướt gió tung mây, không gì ngăn cản như chim hạc bay thẳng cánh tận trời cao.

Thầy Tỳ Khuru trở nên bình thản, an tịnh, lạnh lùng trước những pháp thể gian huyền ảo.

Người không còn sợ hãi lo âu như đức vua Badhya hoan hô khi tham thiền dưới cội cây:  
"Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay! Trước kia ngự tại hoàng cung, được quan quân che chở,  
tường thành kiên cố, nhưng ta nào đâu yên giấc ... Hiện nay ta chẳng còn lo sợ gì cả cho bản  
thân và cuộc sống. Bất cứ ở đâu ta cũng được bình yên". -- MAJJHIMA NIKAYA

-oOo-

"Trước khi diệt xong các chương ngại, thầy Tỳ Khuru ví như người mắc nợ, mang bệnh, bị tù  
đầy, đi lang thang trong vùng hẻo lánh...

Nhưng khi tẩy trừ được các điều trở ngại đó thì người cũng như đã xong món nợ, được bình  
phục thông thả ra khỏi nhà lao, chẳng còn gặp điều chi nguy hiểm.

Thầy Tỳ Khuru rất toại nguyện vừa lòng, tâm tư tràn ngập nguồn hạnh phúc" -- DÌGHA  
NIKAYA.

"Hành pháp môn "Tứ Niệm Xứ", người giới tử luôn luôn sống trong tình trạng "Minh Sát" về  
thân thể, trải nghiệm những tình cảm và quán xét các hiện tượng (pháp) phát sanh.

Người thường xuyên dũng mãnh, chăm chú biết mình và gạt bỏ tất cả phiền muộn cả thế  
gian". -- DÌGHA NIKAYA

-oOo-

"Bậc Thanh tịnh (Muni) thân nhiên không sân hận, khổ sầu, không tham vọng vì các pháp thế  
gian tương phản (tốt, xấu, lớn, nhỏ, sang, hèn...) và đã thoát qua khỏi thâm họa tử sanh, già  
nua, bệnh tật rồi vậy." -- ANGUTTARA NIKAYA-III

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [1.1](#) | [1.2](#) | [2.1](#) | [2.2](#) | [2.3](#) | [2.4](#)

*Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 08-  
2001).*

---

**[[Trở về trang Thư Mục](#)]**

*updated: 01-08-2001*